

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM

HCMC DEVELOPMENT J. S COMMERCIAL BANK

Số: 975./2025/CV-HDBank

V/v: Công bố thông tin chào bán trái phiếu HDBank ra công chúng Đợt 2

Announcement of the public offering of HDBank bonds – 2nd tranche

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence – Freedom - Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2025

Ho Chi Minh City, July 19th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON WEB PORTALS OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

To: *State Securities Commission*

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Ho Chi Minh City Stock Exchange

- | | |
|--|---|
| - Tên tổ chức | : NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM (HDBANK) |
| - <i>Name of organization</i> | : <i>Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank</i> |
| - Mã chứng khoán | : HDB |
| - <i>Securities code</i> | : <i>HDB</i> |
| - Địa chỉ trụ sở chính | : 25 bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Sài Gòn, Tp.HCM |
| - <i>Head office address</i> | : <i>25 Bis Nguyen Thi Minh Khai, Sai Gon Ward, HCMC</i> |
| - Điện thoại | : (028) 62 915 916 |
| - <i>Telephone</i> | : <i>(028) 62 915 916</i> |
| - Người được ủy quyền công bố thông tin | : Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính |
| - <i>Authorized person to disclose information</i> | : <i>Pham Van Dau – Chief Financial Officer</i> |
| - Loại thông tin công bố | : (X) Khác |
| - <i>Type of disclosed information</i> | : <i>(X) Others</i> |

Nội dung công bố thông tin:

Contents of disclosed information:

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán ra công chúng số 302/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận việc chào bán trái phiếu HDBank ra công chúng ngày 31/12/2024, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank) được phát hành 02 đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

According to the Certificate of Public Offering Registration No. 302/GCN-UBCK dated December 31, 2024 issued by the State Securities Commission (SSC) approving HDBank's public bond offering, Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (HDBank) was authorized to conduct 02 public bond offerings.

Căn cứ công văn số 3186/UBCK-QLCB ngày 07/07/2025 của UBCKNN về tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của HDB, HDBank công bố các văn bản liên quan đến việc phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 2 như sau:

According to Official Dispatch No. 3186/UBCK-QLCB dated 07/07/2025 of the SSC regarding the report of the public bond offering – the second tranche of HDB, HDBank announces the documents related to the public bond offering – the 2nd tranche as follows:



1. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng.
Certificate of Public Bond Offering Registration.
2. Thông báo chào bán Trái phiếu ra công chúng – Đợt 2.
Notice of Public Bond Offering – the 2nd tranche
3. Bản cáo bạch chào bán.
Prospectus for the Bond Offering.
4. Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu – Đợt 2.
Updated Information for the Bond Offering Prospectus – the 2nd tranche.
5. Nghị quyết 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 của HĐQT về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng.
Resolution No. 413/2024/NQ-HĐQT dated October 24, 2024 of the Board of Directors on the approval of the Issuance Plan, the Plan for the use and repayment of proceeds from issuing, offering HDBank Bonds to be issued to the public.
6. Nghị quyết 149/2025/NQ-HĐQT ngày 27/06/2025 của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phương án phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng liên quan đến đợt chào bán 2.
Resolution No. 149/2025/NQ-HĐQT dated June 27, 2025 of the Board of Directors regarding amendments and supplements contents in the Issuance Plan, offering HDBank Bonds to be issued to the public, related to the 2nd offering tranche.

HDBank đính kèm các tài liệu này và công bố tại trang thông tin điện tử của HDBank tại đường dẫn:

HDBank attaches herewith the documents and discloses the same on HDBank's website at:

Đường dẫn tiếng Việt: <https://www.hdbank.com.vn/vi/investor/thong-tin-nha-dau-tu/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-thong-tin-khac>

English Link: <https://www.hdbank.com.vn/en/investor/thong-tin-nha-dau-tu/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-thong-tin-khac>

HDBank cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

HDBank commits that the information stated above is true and takes full responsibilities legally for contents of the information disclosed.

Nơi nhận:

Recipients:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Lưu: Văn thư
- Filed: BOD's Secretary

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM
HCMC DEVELOPMENT J.S.COMMERCIAL BANK

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

CHIEF FINANCIAL OFFICER



PHẠM VĂN ĐÀU



Số: **302** /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày **31** tháng **12** năm **2024**

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho:

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HO CHI MINH CITY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMMERCIAL BANK;
- Tên công ty viết tắt: HDBANK;
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11 tháng 08 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05 tháng 09 năm 2023;
- Vốn điều lệ: 35.101.422.540.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn một trăm lẻ một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Điều 2. Trái phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:



1. Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành;

2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (*Một trăm nghìn đồng*);

3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 100.000.000 trái phiếu (*Một trăm triệu trái phiếu*) được chia thành 02 Đợt:

– Đợt 1: 50.000.000 trái phiếu, bao gồm: 25.000.000 Trái phiếu HDBC7Y253201, 25.000.000 Trái phiếu HDBC8Y253301;

– Đợt 2: 50.000.000 trái phiếu, bao gồm: 25.000.000 Trái phiếu HDBC7Y253202, 25.000.000 Trái phiếu HDBC8Y253302.

Sau khi kết thúc Đợt 1, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả chào bán Đợt 1, bổ sung các tài liệu có liên quan đến Đợt 2 theo quy định.

4. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 10.000.000.000.000 đồng (*Mười nghìn tỷ đồng*);

5. Thời gian phân phối:

– Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;

– Đợt 2: Dự kiến Quý II/2025 – Quý III/2025.

Thời gian chào bán của Đợt 2 không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa Đợt 1 và Đợt 2 không quá 12 tháng.

6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;

7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán SSI.

Điều 3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc: 01 bản cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. /.

KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thu

HDBank

Cơm iết lợi ích cao nhất

Số: 932 /2025/CV-HDBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO

Chào bán trái phiếu ra công chúng – Đợt Chào Bán 2

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 302/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2024 và Văn bản số 3186/UBCK-QLCB ngày 07/07/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tài liệu bảo cáo triển khai thực hiện chào bán Trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của HDBank)

1. Giới thiệu về Tổ Chức Phát Hành

- Tên tổ chức phát hành: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ("Tổ Chức Phát Hành")
- Tên viết tắt: HDBank
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 62 915 916
Fax: (028) 62 915 900
Website: www.hdbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 35.101.422.540.000 đồng (theo Quyết định số 2785/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/12/2024 về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)
- Mã cổ phiếu: HDB
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Sở Giao dịch
Số hiệu tài khoản: 119849 (Mã Citad: 79321001)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã ngành: 6419), chi tiết như sau:
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
 - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán;
 - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;



- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
 - Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
 - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
 - Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn;
 - Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Lưu ký chứng khoán;
 - Kinh doanh mua, bán vàng miếng;
 - Mua nợ
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
 - Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.
9. Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi.

II. Mục đích chào bán

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank.

III. Phương án chào bán

A. Thông tin chung về các Đợt Chào Bán:

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng ("Trái Phiếu").
2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thư cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu, được chia làm 02 (Hai) Đợt chào bán như sau:

STT	Đợt chào bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái Phiếu)
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	07 năm	25.000.000
		HDBC8Y253301	08 năm	25.000.000
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 năm	25.000.000
		HDBC8Y253302	08 năm	25.000.000
Tổng cộng				100.000.000

B. Thông tin về Đợt Chào Bán 2:

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng ("Trái Phiếu").
2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thư cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Mã trái phiếu:
Trái Phiếu có kỳ hạn 07 năm có mã trái phiếu là **HDBC7Y253202**.
Trái Phiếu có kỳ hạn 08 năm có mã trái phiếu là **HDBC8Y253302**.
4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 50.000.000 (Năm mươi triệu) Trái Phiếu gồm 2 mã trái phiếu như sau:

STT	Đợt chào bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái Phiếu)
1	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 năm	25.000.000
		HDBC8Y253302	08 năm	25.000.000
Tổng cộng				50.000.000

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán (theo mệnh giá): 5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng) gồm 2 mã trái phiếu như sau:

STT	Đợt chào bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
1	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 năm	2.500.000.000.000
		HDBC8Y253302	08 năm	2.500.000.000.000
Tổng cộng				5.000.000.000.000

7. Kỳ hạn trái phiếu:

Trái Phiếu HDBC7Y253202 có kỳ hạn là 07 năm.

Trái Phiếu HDBC8Y253302 có kỳ hạn là 08 năm.

8. Lãi suất: Lãi suất Trái Phiếu ("**Lãi Suất**") là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ

Trong đó:

- "**Biên Độ**" tùy theo kỳ hạn của Trái Phiếu:

Với Trái Phiếu HDBC7Y253202: Biên độ là **1,90%/năm** (Một phẩy chín phần trăm một năm).

Với Trái Phiếu HDBC8Y253302: Biên độ là **2,0%/năm** (Hai phần trăm một năm).

- "**Lãi Suất Tham Chiếu**" dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (Mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của 04 (Bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**") tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy.

- “**Kỳ Tính Lãi**” là khoảng thời gian định kỳ 01 (Một) năm/lần kể từ Ngày phát hành.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của Đợt chào bán; và (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là ngày làm việc thứ 07 (Bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.
- 9. Kỳ trả lãi: Lãi Trái Phiếu được thanh toán sau hàng năm, định kỳ 01 (Một) năm một lần vào Ngày thanh toán lãi.
- 10. Giá chào bán: bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, tương đương 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
- 11. Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho các nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.
- 12. Số lượng trái phiếu đăng ký mua tối thiểu:
 - Số lượng đăng ký mua tối thiểu đối với nhà đầu tư là cá nhân: tối thiểu 500 (Năm trăm) Trái Phiếu, tương đương với 50.000.000 VND (Năm mươi triệu đồng) tính theo mệnh giá.
 - Số lượng đăng ký mua tối thiểu đối với nhà đầu tư là tổ chức: tối thiểu 1.000 (Một nghìn) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng) tính theo mệnh giá.

Để tránh nhầm lẫn, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là 500 (Năm trăm) Trái Phiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân và tối thiểu là 1.000 (Một nghìn) Trái Phiếu đối với nhà đầu tư là tổ chức.
- 13. Thời gian nhận đăng ký mua: từ ngày 25/07/2025 đến ngày 20/08/2025
- 14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:
 - Thông qua Tổ Chức Phát Hành:
Nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch trên toàn quốc của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch được đăng tải tại website: www.hdbank.com.vn/vi/atm-branch
 - Thông qua Đại Lý Phát Hành:
Nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch trên toàn quốc của Đại Lý Phát Hành. Chi tiết địa chỉ Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch được đăng tải tại website: www.ssi.com.vn/mang-luoi
- 15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: từ ngày 25/07/2025 đến ngày 20/08/2025
- 16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu:
 - Số tài khoản: 8640038722
 - Tên chủ tài khoản: NHTMCP PHAT TRIEN THANH PHO HO CHI MINH
 - Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2
- 17. Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu: Không có.
- 18. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu: Không có.
- 19. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm: Không có.

20. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan khác sẽ được cung cấp tại:

- Website của Tổ Chức Phát Hành: www.hdbank.com.vn
- Website của Đại Lý Phát Hành: www.ssi.com.vn

IV. Các tổ chức liên quan

1. Tổ chức tư vấn, Đại lý phát hành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897

Fax: (028) 38 242 997

Website: www.ssi.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán:

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 230 796

Website: www.pwc.com/vn

3. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm:

Công ty Cổ phần FiiRatings

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 35 626 962

Fax: (024) 35 625 055

Website: www.firratings.vn

4. Đại lý đăng ký, lưu ký hạn đầu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Trụ sở chính: Số 23 A-B Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website: www.hdbs.vn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU ĐẠNG



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023)

HDBank

Cam kết lợi ích cao nhất

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 302/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2024)

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897

Fax: (028) 38 242 997

Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Phạm Văn Đầu

Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng ("Trái Phiếu").

Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mệnh giá: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu

Tổng số lượng và giá trị trái phiếu chào bán (theo mệnh giá): Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán (theo mệnh giá) là 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng), được chia làm 02 (Hai) Đợt chào bán như sau:

STT	Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán	Giá trị Trái Phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá)	Thời gian dự kiến chào bán
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	Quý I/2025 – Quý II/2025
		HDBC8Y253301	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	Quý II/2025 – Quý III/2025
		HDBC8Y253302	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	
Tổng cộng			100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu	10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng)	

Kỳ hạn và lãi suất trái phiếu:

STT	Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Lãi suất Trái Phiếu
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	07 (Bảy) năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 2,70%/năm (Hai phẩy bảy phần trăm một năm)
		HDBC8Y253301	08 (Tám) năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 2,90%/năm (Hai phẩy chín phần trăm một năm)
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 (Bảy) năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 2,70%/năm (Hai phẩy bảy phần trăm một năm)
		HDBC8Y253302	08 (Tám) năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 2,90%/năm (Hai phẩy chín phần trăm một năm)

Lãi Suất Tham Chiếu được định nghĩa tại Điều 9.1, Mục VI của Bản Cáo Bạch này.

Các đối tác liên quan đến đợt chào bán:**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 230 796

Website: www.pwc.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897

Fax: (028) 38 242 997

Website: www.ssi.com.vn

TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM:

Công ty Cổ phần FiiRatings

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 35 626 962

Fax: (024) 35 625 055

Website: <https://www.fiiratings.vn>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ Chức Phát Hành.....	6
2. Tổ Chức Tư Vấn.....	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	13
5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán.....	13
6. Rủi ro quản trị ngân hàng.....	15
7. Rủi ro khác.....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	18
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành.....	19
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành.....	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành.....	25
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	39
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.....	39
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	43
8. Hoạt động kinh doanh.....	53
9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên:.....	88
10. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng....	89
11. Chính sách chi trả cổ tức.....	116
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	117
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	117
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành.....	

	có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	118
15.	Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	119
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	119
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	119
2.	Tình hình tài chính	128
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành.....	141
4.	Kết quả xếp hạng tín nhiệm	142
5.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	143
6.	Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 (ba) năm tiếp theo	145
VI.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	146
1.	Cơ sở pháp lý liên quan đến Đợt Chào Bán.....	146
2.	Định nghĩa.....	147
3.	Tên Trái Phiếu.....	150
4.	Loại Trái Phiếu.....	150
5.	Mệnh giá.....	151
6.	Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán.....	151
7.	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá.....	151
8.	Kỳ hạn Trái Phiếu.....	152
9.	Lãi suất.....	152
10.	Kỳ hạn trả Lãi, trả Gốc và việc thanh toán Lãi, Gốc cho Trái Phiếu	154
11.	Giá chào bán.....	156
12.	Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động.....	157
13.	Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu.....	157
14.	Đại diện người sở hữu Trái Phiếu	159
15.	Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.....	159
16.	Đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch Trái Phiếu.....	161
17.	Cam kết về bảo đảm.....	161
18.	Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn	161

19.	Phương thức phân phối.....	163
20.	Đăng ký mua Trái Phiếu.....	163
21.	Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu.....	166
22.	Tài Khoản Phong Toà nhận tiền mua Trái Phiếu.....	168
23.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành.....	168
24.	Các loại thuế có liên quan.....	169
25.	Thông tin về các cam kết.....	170
26.	Các điều khoản khác.....	171
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	176
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN ...	176
1.	Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán.....	176
2.	Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ Đợt Chào Bán.....	177
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	178
1.	Tổ Chức Kiểm Toán.....	178
2.	Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành.....	179
3.	Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Ban Đầu.....	179
4.	Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán.....	179
X.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	179
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	180
XII.	PHỤ LỤC.....	182

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ Chức Phát Hành**

Ông Kim Byounggho	–	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Quốc Thanh	–	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đầu	–	Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng này ("**Bản Cáo Bạch**") này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn**Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI**

Người đại diện được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Chức vụ: Giám đốc Tài chính

(Theo Giấy ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI ngày 01/08/2020 do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ủy quyền cho Ông Nguyễn Hồng Nam và Giấy ủy quyền số 08/2020/UQ-SSI ngày 04/09/2020 do Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Thanh Hà)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành Trái Phiếu số HD_NHDT-HO/POB/1024/2024 ngày 24/10/2024 với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư (nếu có theo quy định của pháp luật) và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Nhà Đầu Tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này cùng với những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch trước khi đầu tư vào Trái Phiếu. Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

a) Về GDP:

Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Những cải cách kinh tế và chính trị từ giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam trong 10 năm gần đây (giai đoạn 2012-2021) đạt 5,6%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù vậy, Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

GDP năm 2023 của Việt Nam ước tính tăng 5,05% so với năm trước, đưa quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%. GDP bình quân đầu người ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Theo Tổng cục Thống kê, lũy kế 9 tháng năm 2024, GDP tăng 6,82% so với cùng kỳ năm 2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế 9 tháng năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, (đóng góp 5,37%) chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2020-2024 do chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi cơn bão số 3 trong tháng 9/2024 nên tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ các năm trước; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19% (đóng góp 46,22%), trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng với tốc độ tăng 9,76%; Khu vực dịch vụ tăng 6,95% (đóng góp 48,41%), trong đó một số ngành dịch vụ thị trường duy trì đã tăng trưởng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của toàn nền kinh tế như: bán buôn và bán lẻ tăng 7,56% so với cùng kỳ

năm trước; ngành vận tải, kho bãi tăng 11,03%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,47%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,48%.

b) Về lạm phát:

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiểm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.

Năm 2023, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Đây là năm thứ 12 liên tiếp Việt Nam duy trì được mức lạm phát một con số kể từ sau khi lạm phát tăng cao năm 2011, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

CPI tháng 9/2024 tăng 0,29% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng 9/2024 tăng 2,18% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,63%. CPI bình quân Quý III/2024 tăng 3,48% so với Quý III/2023. Tính chung 9 tháng năm 2024, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69%. Giá lương thực, thực phẩm tăng cao tại các tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng trực tiếp bởi bão và hoàn lưu bão; một số địa phương thực hiện tăng học phí theo lộ trình của Nghị định số 97/2023/NĐ-CP; giá thuê nhà ở tăng là những nguyên nhân chính cho mức tăng CPI như trên.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành gia tăng. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiểm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, trực tiếp tác động tới chi phí đầu vào của các ngành kinh doanh khác, đồng thời chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các rủi ro khách quan và nội tại của nền kinh tế, bất kỳ một sự thay đổi kinh tế nào cũng có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng đợt chào bán và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, HDBank hàng năm đều nghiên cứu, phân tích và dự báo triển vọng kinh tế vĩ mô và vì mô để đưa ra các kịch bản hoạt động Ngân hàng tương ứng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng TMCP như HDBank.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15. Luật các TCTD mới được ban hành ngày 18/01/2024 được kỳ vọng sẽ góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về tổ chức hoạt động của TCTD, xử lý những vướng mắc, bất cập của Luật các TCTD cũ; hoàn thiện khung pháp lý về xử lý TCTD gặp rủi ro thanh toán; luật hóa một số quy định về xử lý nợ xấu của các TCTD. Sau khi Luật các TCTD mới được ban hành, dự kiến Chính phủ và NHNN sẽ sớm ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có HDBank trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, HDBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng và đặt việc tuân thủ lên hàng đầu trong mọi quyết định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, HDBank đã xây dựng Ban Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ thuộc Hội sở và các Phòng chính sách thuộc các Khối nghiệp vụ tại Hội sở. Ban Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, HDBank đã thành lập các Trung tâm quản lý và hỗ trợ tín dụng, thực hiện công tác pháp lý chứng từ, nhằm tập trung kiểm soát hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. HDBank cũng đã xây dựng hệ thống biểu mẫu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ngoài ra, HDBank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp; đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền để quy định chi tiết, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng. Đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài, HDBank thường chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo tính pháp lý của giao dịch phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro về tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro có thể xảy ra do khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với HDBank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai dịch họa hoặc dịch bệnh như dịch Covid-19 gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của HDBank và đòi hỏi HDBank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng, HDBank triển khai chặt chẽ công tác quản trị rủi ro tín dụng xuyên suốt từ Hội sở đến các Đơn vị kinh doanh:

- Cơ cấu tổ chức liên quan hoạt động cấp tín dụng chặt chẽ từ Phòng giao dịch đến Chi nhánh, Khu vực, Hội sở đảm bảo nguyên tắc độc lập giữa các khâu Quan hệ Khách hàng – Thẩm định – Phê duyệt – Giải ngân – Quản lý và Xử lý nợ.
- Cơ chế phê duyệt chủ yếu tập trung về Hội sở và phân quyền phê duyệt cụ thể cho các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Hệ thống sản phẩm tín dụng, quy định tín dụng, các quy trình liên quan cấp tín dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, nhằm đảm bảo thực hiện theo chuẩn mực, mẫu biểu, thời gian, trách nhiệm cụ thể.
- Thiết lập hệ thống xếp hạng tín dụng (do công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) và Hướng dẫn thẩm định tín dụng theo thông lệ quốc tế, nhằm đánh giá chính xác mức độ tin cậy và tính khả thi của phương án vay vốn của khách hàng.
- Thiết lập hệ thống các giới hạn cấp tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với một khách hàng, một nhóm khách hàng liên quan, một ngành nghề, hoặc một mục đích sử dụng vốn vay cụ thể.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát giải ngân từng khoản vay, giám sát từ xa, kiểm tra khách hàng sau cho vay, kiểm tra tại chỗ các chi nhánh ... nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro và dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của từng khách hàng, bên cạnh việc kiểm tra, định giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên.

b) *Rủi ro thị trường:*

Rủi ro thị trường là rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường.

HDBank thực hiện việc kiểm soát rủi ro thị trường trên nguyên tắc độc lập giữa đơn vị thực hiện giao dịch và đơn vị kiểm soát rủi ro. Công tác kiểm tra, giám sát, đo lường trạng thái rủi ro và xây dựng các kịch bản kiểm thử được thực hiện thường xuyên, liên tục. Hệ thống các hạn mức rủi ro thị trường liên tục được rà soát, điều chỉnh hoặc thiết lập các hạn mức mới đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành cũng như thực tế hoạt động và kiểm soát độc lập đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro cho Ngân hàng.

c) *Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng:*

Rủi ro lãi suất là rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả, giá trị cam kết ngoại bảng của HDBank và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

HDBank quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng quản lý tài sản nợ và tài sản có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả với chênh lệch lãi suất ròng (NIM) hiệu quả nhất, đồng thời hạn chế rủi ro lãi suất.

d) *Rủi ro hoạt động:*

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xảy ra do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với HDBank. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: do cán bộ nhân viên (sai sót khi tác nghiệp hoặc khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cố tình gian lận); do hệ thống máy móc thiết bị/công nghệ thông tin bị hư hỏng do hệ thống quy định/quy trình không hiệu quả, hoặc do bên ngoài tác động (thiên tai, bất khả kháng, kẻ gian v.v.).

Để hạn chế rủi ro trên, HDBank đã triển khai Khung quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm: chủ động rà soát hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm rủi ro (RCSA); Tổ chức thu thập sự cố đã xảy ra và rút kinh nghiệm phòng chống (LDC); Xây dựng các Chỉ số rủi ro chính để giám sát các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn (KRI); Xây dựng các kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục để sẵn sàng ứng phó những tình huống khẩn cấp (BCP); Tổ chức giám sát các hoạt động đáng ngờ để phát hiện sai sót, gian lận nếu có (SAM).

HDBank đã ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ. Bên cạnh đó, HDBank đã thường xuyên tổ chức đào tạo, truyền thông về ý thức quản lý rủi ro và phương pháp quản lý rủi ro

cho toàn thể cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.

e) *Rủi ro thanh khoản:*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro có thể xảy ra do HDBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường để thực hiện nghĩa vụ đó.

Rủi ro thanh khoản được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số tiền ngân hàng thu về (tài sản có), so với tổng số tiền ngân hàng phải chi trả (tài sản nợ), còn gọi là chênh lệch kỳ hạn thu chi. Chênh lệch này xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) người gửi tiền và/hoặc người vay tiền không thực hiện đúng thời hạn rút tiền/trả tiền; (ii) ngân hàng muốn đa dạng hóa và tối đa hóa kỳ hạn huy động, kỳ hạn cho vay đúng các khoản huy động ngắn hạn (có lãi suất thấp và luôn sẵn có) để cho vay trung dài hạn (có lãi suất cao và nguồn thường không nhiều).

HDBank quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng Quản lý Tài sản có & Tài sản nợ nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ hạn nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả nhất đồng thời hạn chế rủi ro thanh khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về các chỉ số và quản lý thanh khoản của NHNN.

Bên cạnh đó, HDBank cũng đã xây dựng Kế hoạch phòng chống khủng hoảng thanh khoản, trong đó xác định các nguồn vốn dự phòng, các thủ tục và nguyên tắc thực hiện, các cấp thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời, hiệu quả.

f) *Rủi ro tập trung:*

Rủi ro tập trung là rủi ro có thể xảy ra do hoạt động kinh doanh của HDBank tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của HDBank.

Để phòng ngừa rủi ro tập trung, HDBank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục tín dụng nhằm phân tán rủi ro. Theo đó, cơ cấu các ngành nghề lĩnh vực trong nền kinh tế luôn được Ngân hàng chú trọng và phân bổ. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng thiết lập hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, khách hàng và người có liên quan/ ngành/ lĩnh vực kinh tế phù hợp với các quy định của NHNN và quy định nội bộ của HDBank; đồng thời, thường xuyên theo dõi cơ cấu danh mục tín dụng đa chiều, tình hình thực hiện hạn mức để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

g) *Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng:*

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của HDBank. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết nêu trên, thì HDBank buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Lúc đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả nợ trả

thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

h) Rủi ro về ngoại hối:

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động tỷ giá đối với trạng thái ngoại hối của HDBank. Trạng thái ngoại hối là chênh lệch giữa tổng tài sản có và tổng tài sản nợ của từng loại ngoại tệ/vàng, bao gồm cả các cam kết ngoại bảng tương ứng.

Để hạn chế rủi ro này, HDBank đã xây dựng quy trình kinh doanh ngoại hối thông qua ba khâu độc lập: Kinh doanh (Front) – Kiểm soát (Middle) – Hỗ trợ (Back) và thiết lập chính sách quản lý tập trung, các giao dịch với khách hàng trên hạn mức đều được thực hiện cân bằng trạng thái với Hội sở chính, cuối ngày toàn bộ trạng thái ngoại hối tại chi nhánh được chuyển về Hội sở chính. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành ban hành các hạn mức cho rủi ro ngoại hối phù hợp với khẩu vị rủi ro của ngân hàng như hạn mức giao dịch với đối tác trong ngày, hạn mức trạng thái cuối ngày, hạn mức dừng lỗ (stoploss) v.v.

4. Rủi ro về đợt chào bán

a) Rủi ro của việc chào bán:

Trong đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng lần này, HDBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành Trái Phiếu nên sẽ có rủi ro về khả năng thành công của đợt chào bán trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành, dẫn tới không huy động được đủ số vốn dự kiến. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái Phiếu đã đăng ký, HDBank có thể (i) huy động vốn qua các kênh khác như: huy động tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá... phù hợp với quy định pháp luật; và/hoặc (ii) điều chỉnh kế hoạch huy động và sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

b) Rủi ro của việc sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số vốn huy động được từ việc chào bán Trái Phiếu dự kiến được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đồng thời phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất... như đã đề cập ở Mục 3: “Rủi ro đặc thù” nêu trên.

5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán

a) Trái Phiếu là nợ thứ cấp, không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành.

Do đó, trong trường hợp HDBank phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của HDBank. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (hiện tại và trong tương lai) của HDBank. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà HDBank có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, cụ thể:

- Trái Phiếu chỉ được HDBank mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, Giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- HDBank được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn do của HDBank bị lỗ.

b) *Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp*

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng Trái Phiếu sẽ được giao dịch sôi động như kỳ vọng của Tổ Chức Phát Hành. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của HDBank và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

c) *Phát hành thêm chứng khoán*

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm HDBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với các Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

d) *Lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế*

Việc thanh toán lãi đối với Trái Phiếu có thể bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế nếu pháp luật có yêu cầu.

e) *Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu*

Lãi suất của Trái Phiếu được áp dụng thả nổi theo công thức đã quy định. Do đó, lãi suất của Trái Phiếu có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) theo như diễn biến của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng như diễn biến thị trường trong từng giai đoạn tại thời điểm xác định lãi suất.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu do TCTD và doanh nghiệp phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với Trái Phiếu.

f) Bảo hiểm tiền gửi

Nhà Đầu Tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

6. Rủi ro quản trị ngân hàng

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGD, HĐQT và các cổ đông của Ngân hàng với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của Tổ Chức Phát Hành. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của Tổ Chức Phát Hành phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với Tổ Chức Phát Hành. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Để giảm thiểu rủi ro, HDBank luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Đồng thời, HDBank luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng quy mô lớn trong việc công khai, minh bạch và công bố thông tin định kỳ, bất thường về quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán.

7. Rủi ro khác

a) Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank. Nhằm ứng phó với các rủi ro bất khả kháng ở trên, Ngân hàng đã thiết lập các kịch bản ứng phó với từng trường hợp nhằm sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp xảy ra.

b) Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của HDBank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank.

Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại TCTD được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này giữa các hạng mục số tiền được liệt kê và Tổng số tiền đó hoặc các hạng mục số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và Tổng số tỷ lệ phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng cộng các hạng mục trong một số bảng có thể không là tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"HDBank", "Tổ Chức Phát Hành", "Ngân hàng", "Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh": Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	"HĐTV": Hội đồng Thành viên
"ĐHĐCĐ": Đại hội đồng cổ đông	"MTV": Một thành viên
"HĐQT": Hội đồng Quản trị	"HNX": Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
"ATM": Máy rút tiền tự động	"HĐTD": Hội đồng Tin dụng
"ALCO": Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Và Nợ Phải Trả	"ISO": Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
"BKS": Ban Kiểm soát	"NHNN": Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
"BCTC": Báo cáo tài chính	"NHTM": Ngân hàng thương mại
"CASA": Tiền gửi không kỳ hạn	"NIM": Biên lợi nhuận ròng
"CAR": Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	"NPL": Tỷ lệ nợ xấu
"CCCD": Căn cước công dân	"TCTD": Tổ chức tín dụng
"CMND": Chứng minh nhân dân	"TGD": Tổng Giám đốc
"CNTT": Công nghệ Thông tin	"TMCP": Thương mại Cổ phần
"CTCP": Công ty Cổ phần	"TNHH": Trách nhiệm hữu hạn
"ĐVKD": Đơn vị kinh doanh	"TTS": Tổng Tài sản
"LNTT": Lợi nhuận trước thuế	"USD": Đồng đô la Mỹ
"LNST": Lợi nhuận sau thuế	"UBCKNN": Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"L/C": Thư Tín Dụng (Letter Of Credit)	"UBND": Ủy ban Nhân dân
"PGD": Phòng Giao dịch	"VND": Đồng Việt Nam
"Sơ KH&ĐT": Sơ Kế hoạch và Đầu tư	"VSDC": Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
"ESG": Environmental (Môi trường) – Social (Xã hội) – Governance (Quản trị doanh nghiệp)	"VCSH": Vốn Chủ sở hữu
	"TSCĐ": Tài sản cố định

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- **Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:** NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- **Tên viết tắt:** HDBank
- **Tên viết bằng tiếng nước ngoài:** Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023
- **Giấy phép thành lập và hoạt động:** Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp thay đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay đổi ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- **Điện thoại:** (028) 62 915 916 **Fax:** (028) 62 915 900
- **Website:** www.hdbank.com.vn
- **Vốn điều lệ:** 35.101.422.540.000 đồng (theo Quyết định số 2785/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 26/12/2024 về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của HDBank, và được cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 34/2024/TT-NHNN do Thống đốc NHNN ban hành ngày 30/06/2024)
- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Quốc Thanh - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- **Mã cổ phiếu:** HDB
- **Sàn niêm yết cổ phiếu:** Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)


HDBank

- **Logo:** Cam kết lợi ích cao nhất

- **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã ngành: 6419), chi tiết như sau:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;

- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng;
- Mua nợ.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/02/1989, Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do NHNN cấp ngày 06/06/1992 và được thay thế bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020 và các Quyết định sửa đổi,

bổ sung của Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên.

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 30/09/2024, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 82 Chi nhánh, 277 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.144 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 1989	Năm 1992	Năm 2010
HDBank được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.	HDBank nhận giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP ngày 06/06/1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.	- HDBank tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng theo công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN Việt Nam cấp. - HDBank thực hiện việc phát hành thẻ và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.
Năm 2011	Năm 2013	Năm 2015
- Ngày 19/09/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp quyết định chấp thuận sửa đổi tên Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh thành “Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”. - HDBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	- Mua lại 100% vốn Công ty SGVF của Tập đoàn Société Générale (Pháp) để trở thành công ty con của HDBank mang tên HDFinance. - Sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank) vào HDBank, tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng.	HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co., Ltd. (Nhật Bản) và 1% vốn điều lệ cho Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thay đổi tên thành HD Saison.

Năm 2016

- HDBank được Moody's xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài hạn ở mức B2 với triển vọng ổn định.

Năm 2017

- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 8.829 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức 7% và cổ phiếu thưởng 2% cho cổ đông hiện hữu.
- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 9.810 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Năm 2018

- Ngân hàng chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã HDB và nằm trong nhóm 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE.
- Moody's công bố nâng bậc xếp hạng tiền gửi dài hạn (nội và ngoại tệ), xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) và đánh giá rủi ro đối tác (CRA) của HDBank lên B1, triển vọng Ổn định.

Năm 2019

- HDBank đánh dấu cột mốc kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ngân hàng với văn phòng đại diện đầu tiên tại Myanmar, đóng góp những hiệu quả thiết thực vào hoạt động đầu tư, giao thương giữa hai quốc gia, đồng thời quảng bá thương hiệu HDBank ra thị trường quốc tế.
- Ngân hàng chính thức được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho HDBank áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 ("Thông tư 41") (Basel II) từ ngày 01/10/2019.

Năm 2020

- Tăng vốn điều lệ lên hơn 16.088 tỷ đồng.
- Phát hành thành công 160 triệu USD trái phiếu quốc tế - là tổ chức tín dụng có khối lượng phát hành thành công lớn nhất trong năm.

Năm 2021

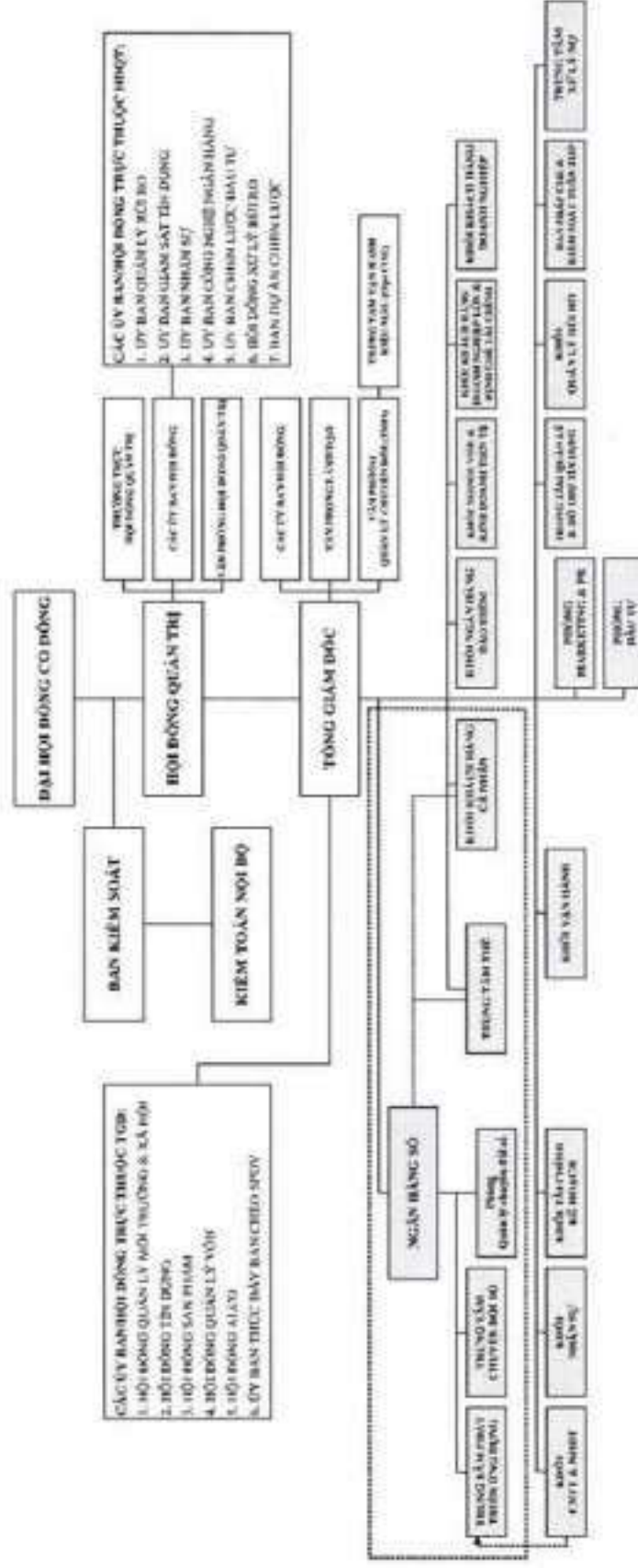
- Tăng vốn điều lệ lên hơn 20.073 tỷ đồng.
- Phát hành thành công 165 triệu USD trái phiếu quốc tế.
- Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Moody's nâng triển vọng xếp hạng HDBank từ Ổn định lên Tích cực.

Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
▪ Kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay, gia nhập câu lạc bộ ngân hàng có lợi nhuận trước thuế vượt 10 nghìn tỷ đồng. ▪ Là một trong bốn ngân hàng lãnh mạnh được Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tin tưởng lựa chọn tham gia Đề án tái cơ cấu hệ thống Ngân hàng Thương mại. ▪ Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.	▪ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 của HDBank đạt 10.336 tỷ đồng, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay về lợi nhuận. ▪ Năm 2023, HDBank đã hoàn thành triển khai toàn diện Basel III Reforms, khẳng định nền tảng quản trị rủi ro vững chắc của HDBank trong hoạt động, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các chỉ số an toàn hoạt động tại 31/12/2023 của HDBank đều tốt đáng kể so với quy định của NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất đạt 12,6%, thuộc nhóm dẫn đầu trên thị trường và cao hơn trên 50% so với mức quy định tối thiểu 8%. ▪ Tổng tài sản của HDBank đạt 602.315 tỷ đồng, tăng 44,7% so với năm 2022. Tăng gần 10 lần qua 10 năm tăng trưởng.	▪ Theo báo cáo tài chính Quý 3 năm 2024, lợi nhuận trước thuế của HDBank đạt 4.490 tỷ đồng và lũy kế 09 tháng đạt 12.655 tỷ đồng, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 79,8% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tỷ lệ ROE đạt 26,7%, ROA đạt 2,2% nằm trong nhóm dẫn đầu ngành. ▪ Tại 30/09/2024, tổng tài sản hợp nhất đạt 629 nghìn tỷ đồng, tăng 23,9% so với cùng kỳ.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của HDBank



KHU VỰC BẮN HÀNG VÀ PHÂN PHỐI (CHIA THÀNH CÁC KHU VỰC THEO ĐỊA LÝ QUẢN LÝ CÁC VÙNG, CỤM, CHI NHÁNH/ PHÒNG GIAO DỊCH)				
KHU VỰC MIỀN BẮC	KHU VỰC MIỀN TRUNG	KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ & TÂY NGUYÊN	KHU VỰC TP. HỒ CHÍ MINH	KHU VỰC TÂY NAM BỘ

HDBank có 10 Khối, 04 Phòng/Ban và 05 Trung tâm chức năng:

- | | |
|---|---|
| - Khối Ngân hàng bảo hiểm; | - Khối Tài chính Kế hoạch; |
| - Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ; | - Phòng Đầu tư; |
| - Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn và Định chế tài chính; | - Phòng Marketing &PR; |
| - Khối Khách hàng Doanh nghiệp; | - Phòng Quản lý chuyển đổi số; |
| - Khối Khách hàng Cá nhân; | - Ban Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ; |
| - Khối Nhân sự; | - Trung tâm Phát triển ứng dụng; |
| - Khối Vận hành; | - Trung tâm Chuyển đổi số; |
| - Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử; | - Trung tâm Thê; |
| - Khối Quản lý rủi ro; | - Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ tín dụng; |
| | - Trung tâm Xử lý nợ. |

Các Khối thuộc sự điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối. Mỗi Khối chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ Khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban giữa các Khu vực Miền Bắc, Khu vực Miền Trung, Khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Khu vực Tây Nam Bộ.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của HDBank



Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCD gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng. ĐHĐCD có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Thông qua Điều lệ, Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức được trả sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập theo đề xuất, kiến nghị của BKS và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này làm tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc độc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT, bất miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Hội Đồng Quản Trị

HĐQT là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng;
- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ của Ngân hàng. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên ĐHĐCĐ;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch ngân sách, kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, kế hoạch lao động và tiền lương hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác. Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các TCTD và thông qua các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 của Luật các TCTD, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng quy định tại

khoản I Điều 42 Điều lệ của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;

- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ;
- Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- Giám sát phê duyệt tín dụng trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ;
- Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;
- Xem xét, phê duyệt Báo cáo thường niên;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ;
- Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của Ngân hàng theo nghị quyết/quyết định mua lại cổ phần đã được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan;
- Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được phê duyệt;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con của Ngân hàng;
- Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).

Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền và/hoặc giao cho Người điều hành Ngân hàng hoặc nhân viên cấp dưới thực hiện, xử lý một hoặc một số công việc cụ thể để triển khai và thực hiện một vấn đề mà HĐQT thông qua.

Ban Kiểm Soát

BKS là cơ quan đại diện cho cổ đông, có trách nhiệm như sau:

- BKS thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của HDBank về kế toán và báo cáo. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS

và trình ĐHĐCĐ thông qua;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán Nội bộ;
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS;
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định các báo cáo này đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng;
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng;
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo trong các trường hợp sau đây: nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra đang thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này trong Điều lệ không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ

đồng sở hữu 01% Vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của Ngân hàng; cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;

- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng trong quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 8 Phó Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng Giám đốc. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT;
- Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, quy chế/quy định quản lý nội bộ của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy

định nội bộ của Ngân hàng;

- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;
- Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền (kể cả Người quản lý ngân hàng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc);
- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng và các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng có giá trị dưới 10% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ và HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng;
- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy chế/ quy định nội bộ của Ngân hàng, các quyết định của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.
- **Các Ủy ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc Tổng Giám đốc.
- **Các Hội đồng:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc trong các vấn đề do từng Hội đồng phụ trách.
- **Khối Ngân hàng Bảo hiểm**
 - Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển khách hàng, quan hệ đối tác và các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm một cách toàn diện, phù hợp với sự tăng trưởng về quy mô của Khối và sự phát triển của thị trường bảo hiểm.
 - Ban hành các quy định, quy trình, chính sách và quản lý việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến bảo hiểm.
 - Triển khai toàn bộ các hoạt động kinh doanh, phối hợp với các Khối để phát triển dịch vụ theo đúng định hướng và chiến lược, đảm bảo đạt được chỉ tiêu về tài chính/phi tài chính và tiết kiệm chi phí cho ngân hàng.
 - Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên toàn hệ thống Ngân hàng, đảm bảo vận hành đúng quy định của HDBank và các quy định của pháp luật.
 - Là đầu mối để xử lý hoặc báo cáo lãnh đạo cấp cao hơn để có ý kiến chỉ đạo đối với các sự kiện tranh chấp, khiếu kiện (nếu phát sinh).
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ**
 - Tham mưu về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường bao gồm phân tích, đánh giá và dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và dự báo thị trường từng thời kỳ cho Ban điều hành.
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai đến từng Trung tâm/ Phòng ban thuộc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ thực hiện.
 - Đại diện ngân hàng tham gia trực tiếp trên các thị trường nguồn vốn, tiền tệ, ngoại hối, thị

trường vốn để thực hiện các giao dịch với các đối tác thị trường.

- Thực hiện giao dịch kinh doanh ngoại hối, giấy tờ có giá, công cụ nợ chính phủ và các sản phẩm phái sinh nhằm tìm kiếm lợi nhuận.
- Thực hiện phát hành Giấy tờ có giá để huy động vốn cho HDBank.
- Thực hiện các giao dịch vốn với các Định chế tài chính trong nước và thị trường quốc tế.
- Thực hiện quản lý, xây dựng, triển khai bán các sản phẩm ngoại hối và phái sinh tại các đơn vị kinh doanh trong toàn hệ thống.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Khách hàng Doanh nghiệp Lớn và Định chế Tài chính**
 - Tham mưu cho Ban điều hành và thực hiện việc tiếp thị, quản lý, phát triển và duy trì khách hàng doanh nghiệp lớn (định nghĩa theo quy mô doanh thu của doanh nghiệp) trong các lĩnh vực huy động vốn, cấp tín dụng, hợp tác đầu tư và các dịch vụ ngân hàng khác.
 - Phát triển quan hệ khách hàng với các định chế tài chính: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Tổ chức Tài chính Quốc tế... để khai thác các nguồn vốn theo hình thức ủy thác, cho vay lại... và bán chéo sản phẩm.
 - Nghiên cứu, thiết kế và phát triển sản phẩm, dịch vụ; đào tạo và hướng dẫn cho đơn vị trong việc triển khai cung ứng sản phẩm, dịch vụ; hoạch định và theo dõi kết quả kinh doanh của các sản phẩm, dịch vụ.
 - Hỗ trợ các Đơn vị kinh doanh bao gồm cả việc phát triển sản phẩm và mạng lưới khách hàng.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Khách hàng Doanh nghiệp**
 - Tham mưu cho Ban điều hành và nghiên cứu, xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển các sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối đối với Khách hàng Doanh nghiệp (vừa và nhỏ) trong toàn hệ thống.
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện đến từng đơn vị trong toàn hệ thống.
 - Tư vấn, cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc, khiếu nại của khách hàng doanh nghiệp về các sản phẩm, dịch vụ khách hàng doanh nghiệp của HDBank qua các kênh phụ trách, qua các hình thức liên lạc của khách hàng.
 - Tham gia cùng các Đơn vị trong hệ thống cho các dự án cải tiến chất lượng, sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp.
 - Thực hiện thẩm định và tái thẩm định để xét cấp tín dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp trong toàn hệ thống.
 - Thực hiện các báo cáo, phân tích liên quan đến hoạt động của toàn bộ dịch vụ khách hàng doanh nghiệp thuộc phạm vi Khối quản lý.

- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Khách hàng Cá nhân**
 - Nghiên cứu, xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển các sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối đối với Khách hàng Cá nhân trong toàn hệ thống.
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện đến từng đơn vị trong toàn hệ thống.
 - Thực hiện thẩm định và tái thẩm định để xét cấp tín dụng cho Khách hàng Cá nhân trong toàn hệ thống.
 - Đầu mối tiếp nhận kiến nghị, đề xuất của đơn vị kinh doanh liên quan đến quy trình, chính sách, sản phẩm bán lẻ... đến các đơn vị liên quan và các cấp lãnh đạo.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Chuyển đổi số**
 - Xây dựng năng lực số và kỹ năng chuyển môn trong HDBank: Phân tích dữ liệu, Tuyên bố giá trị số, Chuyển đổi, Sản phẩm số.
 - Phối hợp với các đơn vị thành viên trong tập đoàn Sovico để cùng triển khai các sáng kiến số hóa.
 - Nghiên cứu và xác định nhu cầu của khách hàng để đúc kết và phát triển sản phẩm số phù hợp.
 - Xây dựng các dự phòng về sản phẩm, định giá chi phí dịch vụ để ban hành chính sách phù hợp với sản phẩm nhằm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
 - Lấy khách hàng làm trọng tâm để thiết kế, triển khai và chịu trách nhiệm về các sáng kiến số hóa, bao gồm: Số hóa hành trình khách hàng, các kênh số (di động, trực tuyến), các sản phẩm số theo lĩnh vực kinh doanh.
 - Thực hiện các chương trình truyền thông sản phẩm thông qua các kênh số và giám sát kết quả truyền thông số để đảm bảo hiệu quả của sản phẩm.
 - Thiết lập và duy trì các quan hệ đối tác, phối hợp xây dựng các chính sách bán hàng theo khối, chuỗi để đảm bảo hiệu quả.
 - Phối hợp với Trung tâm phát triển ứng dụng để xây dựng sản phẩm số và đưa vào phát triển kinh doanh, phân tích kết quả kinh doanh sản phẩm số để có các chương trình thúc đẩy kinh doanh phù hợp.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Phòng Quản lý chuyển đổi số**
 - Duy trì và triển khai chiến lược số của HDBank, đảm bảo nguồn kinh phí ổn định cho dự án.
 - Triển khai phương thức làm việc linh hoạt để đảm bảo việc triển khai sáng kiến số hóa nhanh

chóng và phù hợp với thực tiễn.

- Công nghệ quản lý dự án.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Nhân sự**
 - Tham mưu cho Ban điều hành trong việc hoạch định cơ cấu tổ chức của HDBank.
 - Tham mưu cho Ban điều hành trong việc xây dựng, ban hành các chính sách, kế hoạch về quản lý và phát triển nguồn nhân lực, chính sách đãi ngộ cho Cán bộ nhân viên.
 - Thực hiện công tác quản lý nhân sự, tiền lương và phúc lợi cho người lao động làm việc tại HDBank.
 - Hoạch định và khai thác nguồn nhân lực, thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự.
 - Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nhân sự.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Phòng Đầu tư**
 - Thực hiện hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.
 - Xây dựng kế hoạch và chương trình hành động hàng năm để đảm bảo thực hiện đúng chiến lược kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp do Ban điều hành giao.
 - Hỗ trợ tư vấn nghiệp vụ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cho Đơn vị kinh doanh (ĐVKD).
 - Tham gia quản trị, quản lý doanh nghiệp nhận góp vốn theo đề cử của Ngân hàng.
 - Hỗ trợ Đơn vị kinh doanh định giá cổ phiếu để cấp tín dụng cho khách hàng.
 - Hỗ trợ Khối Khách hàng doanh nghiệp/Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn & Định chế tài chính liên quan đến các dự án (trong phạm vi nghiệp vụ Phòng Đầu tư) như: xây dựng chính sách, quy định, quy trình đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ liên quan đến chứng khoán.
 - Tham mưu xây dựng các phương án mua bán, sát nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp mà HDBank tham gia.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Phòng Marketing & PR**
 - Tham mưu, xây dựng kế hoạch, chiến lược tổng thể phát triển thương hiệu, định vị thương hiệu của HDBank trên thị trường trong nước và quốc tế.
 - Xây dựng các kế hoạch, chương trình và thực hiện các kế hoạch quảng cáo nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm dịch vụ của HDBank đến khách hàng.
 - Tổ chức PR, các sự kiện, truyền thông cho toàn hệ thống HDBank.
 - Quản lý và thực thi các chiến dịch marketing ngắn hạn, dài hạn cho các khối kinh doanh.

- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Thẻ**
 - Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc trong việc hoạch định chính sách, kế hoạch, giải pháp phát triển kinh doanh dịch vụ thẻ.
 - Nghiên cứu phát triển hệ thống kênh chấp nhận thẻ và các sản phẩm dịch vụ thẻ.
 - Nghiên cứu xây dựng các chương trình marketing các sản phẩm thẻ.
 - Tổ chức quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ đơn vị kinh doanh trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ thẻ, hỗ trợ và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ thẻ toàn hệ thống.
 - Quản lý và vận hành hoạt động kinh doanh thẻ toàn hệ thống.
 - Xử lý, thu hồi nợ, cảnh báo rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Vận hành**
 - Quản lý dịch vụ khách hàng và ngân quỹ.
 - Quản lý, tổ chức các nghiệp vụ thanh toán trong nước và quốc tế của HDBank.
 - Thực hiện công tác thẩm định giá: tham mưu cho Ban điều hành xây dựng chính sách, quy định, quy trình về giá, trực tiếp tham gia định giá tài sản đảm bảo.
 - Quản lý công tác hành chính, quản trị, lễ tân, mua sắm, xây dựng cơ bản.
 - Định hướng, xây dựng, triển khai, hỗ trợ và quản lý các hoạt động quản lý chất lượng liên quan đến khách hàng bên ngoài và khách hàng nội bộ của toàn ngân hàng.
 - Xây dựng và phát triển mạng lưới.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ tín dụng**

Trung tâm Quản lý và hỗ trợ tín dụng là đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm xử lý nghiệp vụ Quản lý và hỗ trợ tín dụng (sau khi có quyết định cấp tín dụng) cho tất cả các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống của HDBank (trừ các hồ sơ thuộc thẩm quyền của Đơn vị kinh doanh), thực hiện các chức năng chính sau:

- Là Trung tâm xử lý tập trung công tác hỗ trợ tín dụng toàn hệ thống, soạn thảo Hợp đồng, các văn bản có liên quan, Ký kết và thực hiện các thủ tục bảo đảm tiền vay (Công chứng, đăng ký Biện pháp bảo đảm, phong tỏa ...), Quản lý tập trung tài sản bảo đảm.
- Thực hiện các thủ tục để chiết khấu, xác nhận phát hành L/C, phát hành Thư bảo lãnh, giải ngân... theo đúng các điều kiện của Quyết định cấp tín dụng và quy định của HDBank, thực hiện một số công việc quản lý khoản cấp tín dụng sau giải ngân, phát hành bảo lãnh/LC....

- Xây dựng các quy định, quy trình, cẩm nang hướng dẫn, tư vấn về nghiệp vụ quản lý và hỗ trợ tín dụng.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiệp vụ quản lý và hỗ trợ tín dụng của các Phòng thuộc Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ Tín dụng và các Đơn vị kinh doanh.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử**
 - Vận hành và khai thác các phần mềm ứng dụng Corebanking.
 - Vận hành và giám sát toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin.
 - Phân tích, khai thác và mô tả các yêu cầu về xây dựng, liên kết, hợp tác các ứng dụng phần mềm trong và ngoài hệ thống HDBank, đối với các đối tác nội bộ và bên ngoài.
 - Công tác quản trị mạng, dịch vụ hệ thống mạng, an toàn và bảo mật thông tin.
 - Đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống mạng toàn hệ thống.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm phát triển ứng dụng**
 - Phát triển sản phẩm trên nền tảng Core Banking.
 - Phát triển và tự động hóa các quy trình vận hành và kinh doanh.
 - Phát triển sản phẩm ngân hàng điện tử.
 - Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới vào các hệ thống CNTT để cải tiến chất lượng phục vụ của các hệ thống CNTT.
 - Tổ chức đào tạo và phối hợp xây dựng hướng dẫn, cẩm nang sử dụng đầy đủ cho các ứng dụng CNTT.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Xử lý nợ**
 - Thực hiện chức năng giám sát nợ: Theo dõi và cảnh báo nợ; Đốc thúc nợ quá hạn từ 01 đến 60 ngày; Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình nợ toàn hệ thống.
 - Thực hiện chức năng quản lý nợ
 - Tiếp nhận khoản nợ quá hạn 61 ngày trở lên hoặc khoản nợ tuy chưa quá hạn đến 61 ngày nhưng cần phải thực hiện phân luồng sớm.
 - Báo cáo tình hình quản lý nợ phát sinh tại đơn vị.
 - Phân tích, đánh giá, đề xuất phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Theo dõi, giám sát và đôn đốc ĐVKD hoặc các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp xử lý nợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện chức năng xử lý nợ: Thực hiện chức năng xử lý nợ cụ thể đối với các hồ sơ nợ xấu, tham gia tổ tụng, thực hiện biện pháp thu giữ TSBD... theo phương án xử lý nợ đã được phê duyệt.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Quản lý rủi ro**
 - Tham mưu xây dựng và triển khai các chính sách về quản lý rủi ro của HDBank, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hệ thống các quy định, các giới hạn, định mức phê duyệt về cấp tín dụng, về tài sản bảo đảm, chính sách phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng, giới hạn của danh mục cấp tín dụng, hệ thống thông tin, dữ liệu, công cụ, mô hình đo lường rủi ro tín dụng.
 - Giám sát, cảnh báo về quản lý rủi ro, các vi phạm giới hạn nội bộ và pháp luật.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Ban Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ**
 - Tham mưu Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc xây dựng và ban hành các văn bản định chế, các sản phẩm kinh doanh và các mẫu biểu của HDBank theo quy định của pháp luật.
 - Rà soát các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ của HDBank và đề xuất Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ kịp thời sửa đổi, bổ sung để đảm bảo và phù hợp với những thay đổi của quy định pháp luật, quy định của NHNN, quy định và chính sách của HDBank.
 - Tư vấn pháp lý cho các hoạt động của các Khối, Đơn vị trong toàn hệ thống HDBank nhằm đảm bảo tính hợp pháp và an toàn trong hoạt động của HDBank.
 - Kiểm soát tính pháp lý đối với các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, biểu mẫu văn bản giao dịch khi HDBank ký kết hoặc ban hành nhằm đảm bảo quyền lợi cho HDBank và tuân thủ pháp luật.
 - Chịu trách nhiệm trong công tác kiểm soát tuân thủ của hệ thống.
 - Thực hiện nhiệm vụ trong công tác quản lý, theo dõi hoạt động phòng chống rửa tiền.
 - Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm tra, để đánh giá mức độ tuân thủ thực hiện chỉnh sửa, khắc phục các vấn đề vi phạm tuân thủ đã được phát hiện của Đơn vị.
 - Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các Cơ quan hữu quan đối với các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Kiểm soát tuân thủ.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Tài chính kế hoạch**
 - Tham mưu cho Ban điều hành, xây dựng các tiêu chí, lập kế hoạch phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

- Theo dõi tình hình hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, phân tích, đánh giá đo lường kết quả kinh doanh.
 - Tổng hợp số liệu, lập báo cáo các công việc liên quan đến quản trị, hoạt động kinh doanh của ngân hàng theo yêu cầu của HĐQT, Ban điều hành và cấp có thẩm quyền.
 - Xây dựng các chính sách chế độ kế toán của HDBank.
 - Thực hiện các công tác liên quan đến việc thanh toán, công tác kế toán và thuế, lập báo cáo tài chính và sổ cái của Ngân hàng, báo cáo thống kê định kỳ.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối
- Danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2022 và năm 2023) và đến thời điểm hiện tại, kèm thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất bao gồm:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành: Không có

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Phát Hành:

Bảng 1: Danh sách công ty con

STT	Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của HDBank tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại HDBank
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Số 0304990133 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/07/2007	Tài chính/ Ngân hàng	31/12/2022	50%	0%
				31/12/2023	50%	0%
				30/09/2024	50%	0%

Nguồn: HDBank

- 5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có
- 5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

HDBank được thành lập năm 1989 với vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 VND. Trải qua các lần tăng vốn, hiện tại Ngân hàng đã nâng số vốn điều lệ lên 35.101.422.540.000 VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày dưới đây:

Bảng 2: Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ kể từ khi thành lập

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (VND)	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Tháng 02/1989	0	3.000.000.000	3.000.000.000	Góp vốn thành lập bằng tiền	UBND Thành phố Hồ Chí Minh
Tháng 06/1992	3.000.000.000	2.000.000.000	5.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 10/1993	5.000.000.000	5.008.000.000	10.008.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 04/1994	10.008.000.000	11.608.000.000	21.616.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 01/1998	21.616.000.000	20.458.000.000	42.074.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 08/1998	42.074.000.000	7.652.000.000	49.726.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 02/1999	49.726.000.000	10.000.000.000	59.726.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 06/2002	59.726.000.000	10.300.000.000	70.026.000.000	Phát hành riêng lẻ	NHNN
Tháng 12/2004	70.026.000.000	79.997.000.000	150.023.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 08/2005	150.023.000.000	50.236.000.000	200.259.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng	200.259.000.000	99.741.000.000	300.000.000.000	Phát hành thêm	NHNN

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (VND)	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
12/2005				cho cổ đông hiện hữu	
Tháng 12/2006	300.000.000.000	200.000.000.000	500.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN
Tháng 01/2008	500.000.000.000	500.000.000.000	1.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2008	1.000.000.000.000	550.000.000.000	1.550.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 08/2010	1.550.000.000.000	450.000.000.000	2.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 01/2011	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 06/2012	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	5.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 12/2013	5.000.000.000.000	3.100.000.000.000	8.100.000.000.000	Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ	NHNN, UBCKNN

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (VND)	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
				phần Đại Á	
Tháng 10/2017	8.100.000.000.000	728.999.810.000	8.828.999.810.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCKNN
Tháng 12/2017	8.828.999.810.000	980.999.980.000	9.809.999.790.000	Phát hành riêng lẻ	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2020	9.809.999.790.000	2.897.763.860.000	12.707.763.650.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCKNN
Tháng 12/2020	12.707.763.650.000	3.380.724.530.000	16.088.488.180.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2021	16.088.488.180.000	3.984.418.240.000	20.072.906.420.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 07/2022	20.072.906.420.000	200.000.000.000	20.272.906.420.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 11/2022	20.272.906.420.000	5.030.522.800.000	25.303.429.220.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 09/2023	25.303.429.220.000	3.772.892.100.000	29.076.321.320.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2024	29.076.321.320.000	200.000.000.000	29.276.321.320.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 12/2024	29.276.321.320.000	5.825.101.220.000	35.101.422.540.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN

- Kể từ khi thành lập đến nay, Ngân hàng không có đợt giảm vốn điều lệ nào.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của HDBank tại ngày 12/12/2024 (*)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	15.081.522	0,52
2	Trong nước	18.623	2.433.783.110	83,13
a	Cá nhân trong nước	18.496	1.144.759.186	39,10
b	Tổ chức trong nước	127	1.289.023.924	44,03
3	Nước ngoài	706	478.767.500	16,35
a	Cá nhân nước ngoài	588	5.370.319	0,18
b	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	118	473.397.181	16,17
	<i>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	3	266.793	0,009
	Tổng cộng	19.330	2.927.632.132	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank do VSDC cung cấp tại ngày 12/12/2024

(*) Ngày 19/12/2024, HDBank đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDB tại Văn bản số 8676/UBCK-QLCB. Tính đến ngày 26/12/2024, HDBank đã nhận được Quyết định số 2785/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/12/2024 về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của HDBank, đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo tổng số cổ phần là 3.510.142.254 cổ phần.

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

- Ngân hàng không có cổ phiếu ưu đãi

7.3. Các loại chứng khoán khác

7.3.1. Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành tại thời điểm 31/10/2024: 5.000.000.000.000 VND
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

7.3.2. Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 31/10/2024: 46.260.663.000.000 VND
- Đặc điểm:
 - + 20.800.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
 - + 17.244.663.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
 - + 8.216.000.000.000 VND là trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền.

Bảng 4: Chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/10/2024

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
1	Năm 2019				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1926_03	1.000.000.000	Cố định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDB1924_05	663.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDB1924_06	1.500.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

4	HDB1924_07	1.500.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
II Năm 2020					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	Certificate No.1 (*)	758.400.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
2	Certificate No.2 (*)	1.643.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
3	Certificate No.3 (*)	1.643.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
4	HDB2025	1.500.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
III Năm 2021					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2125005	300.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành

2	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBL2125010	400.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2125015	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBL2125017	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2125020	1.000.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBD2126019 (*)	4.171.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
IV Năm 2022					
Trái phiếu riêng lẻ					

1	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2230001	180.000.000.000	Thà nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBL2232004	100.000.000.000	Thà nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2232005	26.000.000.000	Thà nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBL2232009	34.000.000.000	Thà nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V Năm 2023					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2330001	2.000.000.000.000	Thà nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

2	HDBL2330002	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBL2330003	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
4	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
7	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

8	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
9	HDBL2331009	420.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
VI Năm 2024					
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y202301	3.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBC7Y202302	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBC7Y202303	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2427001	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát

					Hành
2	HDBL2427007	1.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBL2427010	3.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2426011	2.000.000.000.000	Cổ định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBL2427013	500.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2427015	1.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBL2427016	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
8	HDBL2427018	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng

					quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	HDBL2426019	900.000.000.000	Cổ định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
10	HDBL2431002	300.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
11	HDBL2431003	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
12	HDBL2432004	200.000.000.000	Cổ định	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
13	HDBL2432005	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
14	HDBL2432006	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào

					vốn cấp 2 của HDBank
15	HDBL2432008	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
16	HDBL2431009	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
17	HDBL2431012	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
18	HDBL2432014	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
19	HDBL2432017	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Tổng (=I+II+III+IV+V+VI)		51.260.663.000.000			

(*): Trái phiếu phát hành riêng lẻ ra thị trường quốc tế, bằng đồng USD được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm 31/10/2024: USD/VND = 25.280

Nguồn: HDBank

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện đầy đủ các giao dịch của một ngân hàng thương mại theo quy định Pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

a) Cơ cấu doanh thu

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2022 - 9 tháng/2024 (Công ty mẹ)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	9T/2024	2022	2023	9T/2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.274	47.041	38.346	85,11%	87,77%	89,92%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.546	1.988	1.645	7,66%	3,71%	3,86%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.211	2.375	1.931	3,65%	4,43%	4,53%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	116	194	370	0,35%	0,36%	0,87%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	484	1.425	189	1,46%	2,66%	0,44%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	233	187	161	0,70%	0,35%	0,38%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	384	0	1,07%	0,72%	0,00%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	33.220	53.594	42.642	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2022 – 9 tháng/2024 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	9T/2024	2022	2023	9T/2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	33.323	52.641	42.846	85,40%	87,72%	89,06%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.308	2.830	2.335	8,48%	4,72%	4,85%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.195	2.372	1.937	3,06%	3,95%	4,03%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	116	194	370	0,30%	0,32%	0,77%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	484	1.425	189	1,24%	2,37%	0,39%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	588	542	411	1,51%	0,90%	0,85%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	9	22	0,02%	0,01%	0,05%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	39.022	60.013	48.110	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

b) Cơ cấu thu nhập thuần**Bảng 7: Cơ cấu thu nhập thuần của HDBank giai đoạn 2022 – 9 tháng/2024 (Công ty mẹ)**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	9T/2024	2022	2023	9T/2024
1	Thu nhập lãi thuần	13.381	17.305	18.635	80,37%	82,96%	94,98%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.196	1.348	307	13,19%	6,46%	1,56%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	704	622	1,23%	3,38%	3,17%
4	Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	63	0,10%	0,20%	0,32%

5	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	-73	1,88%	5,59%	-0,37%
6	Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	181	-89	66	1,09%	-0,43%	0,34%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	384	0	2,14%	1,84%	0,00%
	Tổng cộng thu nhập thuần	16.650	20.861	19.620	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 8: Cơ cấu thu nhập thuần của HDBank giai đoạn 2022 – 9 tháng/2024 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	9T/2024	2022	2023	9T/2024
1	Thu nhập lãi thuần	18.012	22.184	22.654	81,99%	83,98%	92,16%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.957	2.188	993	13,46%	8,28%	4,04%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	565	609	0,61%	2,14%	2,48%
4	Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	63	0,08%	0,16%	0,26%
5	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	-73	1,43%	4,42%	-0,30%
6	Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	528	259	312	2,40%	0,98%	1,27%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	9	22	0,03%	0,04%	0,09%
	Tổng cộng thu nhập thuần	21.968	26.414	24.580	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

8.1.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của HDBank phần lớn từ thị trường trong nước, theo số liệu hợp nhất trung bình chiếm trên 94%/năm. Về thị trường huy động vốn nước ngoài, mặc dù chỉ chiếm tỷ trọng trung bình 6%/năm, một tỷ lệ khiêm

tồn nhưng cao hơn so với nhiều ngân hàng có quy mô tương tự trong ngành. Đây cũng là một trong những ưu thế của HDBank.

a) Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của HDBank. Nguồn vốn huy động của HDBank bao gồm:

- o Tiền gửi và vay NHNN
- o Tiền gửi và vay các TCTD khác
- o Tiền gửi của khách hàng
- o Phát hành giấy tờ có giá

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, tổng giá trị huy động vốn tại thời điểm 31/12/2023 của HDBank đạt 533.830 tỷ VND, tăng 46,89% so với cuối năm 2022, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ Thị trường 1 (Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá), chiếm khoảng 79% tổng nguồn vốn huy động. Trong đó, về loại tiền tệ chủ yếu là Đồng Việt Nam chiếm 91,47% tổng nguồn vốn huy động, tương đương với 488.293 tỷ Đồng. Tại thời điểm 30/09/2024, tổng giá trị vốn huy động (hợp nhất) của HDBank đạt 556.707 tỷ VND, tăng 4,29% so với cuối năm 2023.

Bảng 9: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	10.821	3,04%	27	0,01%	-99,75%	18	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	88.490	24,87%	109.464	20,83%	23,70%	90.327	16,45%
Tiền gửi của khách hàng	215.797	60,65%	370.778	70,56%	71,82%	397.019	72,33%
Phát hành Giấy tờ có giá	40.674	11,43%	45.187	8,60%	11,10%	61.568	11,22%
Tổng cộng	355.782	100,00%	525.456	100,00%	47,69%	548.932	100,00%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	332.652	93,50%	490.302	93,31%	47,39%	525.986	95,82%
Ngoài nước	23.130	6,50%	35.154	6,69%	51,98%	22.946	4,18%
Tổng cộng	355.782	100,00%	525.456	100,00%	47,69%	548.932	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 10: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	10.821	2,98%	27	0,01%	-99,75%	18	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	92.653	25,49%	112.087	21,00%	20,98%	92.303	16,58%
Tiền gửi của khách hàng	215.797	59,38%	370.778	69,46%	71,82%	397.019	71,32%
Phát hành Giấy tờ có giá	44.162	12,15%	50.938	9,54%	15,34%	67.367	12,10%
Tổng cộng	363.433	100,00%	533.830	100,00%	46,89%	556.707	100,00%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	338.664	93,18%	497.559	93,21%	46,92%	531.771	95,52%
Ngoài nước	24.769	6,82%	36.271	6,79%	46,44%	24.936	4,48%
Tổng cộng	363.433	100,00%	533.830	100,00%	46,89%	556.707	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá

Theo số liệu hợp nhất trong năm 2023, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 31/12/2023 đạt 50.938 tỷ VND. Điều này không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp HDBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Tại thời điểm 30/09/2024, huy động từ phát hành Giấy tờ có giá (theo số liệu BCTC hợp nhất) đạt 67.367 tỷ VND, chiếm 12,10% trong tổng nguồn vốn huy động.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình trên 65% tổng nguồn vốn huy động của HDBank (hợp nhất) trong giai đoạn 2022–2023. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư.

Tại ngày 30/09/2024, tổng tiền gửi của khách hàng trên BCTC hợp nhất của HDBank đạt 397.019 tỷ VND, tăng 7,08% so với cuối năm 2023 và chiếm 71,32% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ đồng)	215.797	370.778	397.019
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Cá nhân	67,32%	73,38%	77,97%
-	Tổ chức	32,68%	26,62%	22,03%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,30%	10,85%	8,73%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	25,21%	18,96%	16,41%
-	Tiền gửi tiết kiệm	64,18%	69,95%	74,68%
-	Tiền gửi kỳ quỹ	0,26%	0,21%	0,15%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,05%	0,03%	0,03%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	VND	98,82%	99,32%	99,07%
-	Ngoại tệ	1,18%	0,68%	0,93%

Nguồn: HDBank

Bảng 12: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	215.797	370.778	397.019
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Cá nhân	67,32%	73,38%	77,97%
-	Tổ chức	32,68%	26,62%	22,03%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,30%	10,85%	8,73%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	25,21%	18,96%	16,41%
-	Tiền gửi tiết kiệm	64,18%	69,95%	74,68%

- Tiền gửi kỳ quỹ	0,26%	0,21%	0,15%
- Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,05%	0,03%	0,03%
3 Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%	100,00%
- VND	98,82%	99,32%	99,07%
- Ngoại tệ	1,18%	0,68%	0,93%

Nguồn: HDBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm gần 73,38% tại thời điểm 31/12/2023 và chiếm gần 77,97% tại thời điểm 30/09/2024). Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, theo đúng chiến lược phát triển của HDBank là Ngân hàng bán lẻ trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) của HDBank chiếm tỷ trọng lớn, trên 89,15% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2022 - 2023, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Kết thúc 31/12/2023, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 10,85%, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) chiếm 88,91% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại thời điểm 30/09/2024, tiền gửi không kỳ hạn chiếm 8,73% và tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) tăng lên chiếm 91,09% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 99% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2022 - 2023). Tại 31/12/2023, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 368.253 tỷ VND, tăng 72,69% so với năm 2022 và chiếm 99,32% tổng số dư tiền gửi của khách hàng. Kết thúc ngày 30/09/2024, tiền gửi nội tệ đạt 393.318 tỷ VND, tăng 6,81% so với cuối năm 2023 trong khi tiền gửi ngoại tệ đạt 3.701 tỷ VND, tăng 46,57% so với cuối năm 2023.

Bảng 13: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/09/2024
VND	213.251	368.253	72,69%	393.318
Ngoại tệ	2.546	2.525	-0,82%	3.701
Tổng	215.797	370.778	71,82%	397.019

Nguồn: HDBank

Bảng 14: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/09/2024
VND	213.251	368.253	72,69%	393.318
Ngoại tệ	2.546	2.525	-0,82%	3.701
Tổng	215.797	370.778	71,82%	397.019

Nguồn: HDBank

8.1.3. Hoạt động tín dụng**a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng**

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của HDBank tăng đều qua các năm. Tính đến 31/12/2023, tổng dư nợ tín dụng theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 353.441 tỷ đồng (tăng 31,80% so với năm 2022), trong đó gồm khoản tín dụng 10.036 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành. Trong 9 tháng đầu năm 2024, dư nợ tín dụng hợp nhất của HDBank tăng 16,56% so với cuối năm 2023, đạt 411.955 tỷ đồng (gồm khoản tín dụng 13.230 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành). Với mục tiêu phát triển bền vững, HDBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các theo quy định của NHNN.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 30/09/2024, dư nợ cho vay trung dài hạn theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 195.502 tỷ đồng, chiếm 49,03% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng, tăng 22,13% so với cuối năm 2023. Trong khi đó, dư nợ ngắn hạn tại 30/09/2024 là 203.222 tỷ đồng (tương đương 50,97% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng), tăng 10,84% so với thời điểm cuối năm 2023. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được HDBank chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	165.508	67,00%	176.985	54,07%	6,93%	195.991	51,38%
2	Nợ trung hạn	16.194	6,56%	83.651	25,56%	416,56%	119.077	31,22%
3	Nợ dài hạn	65.316	26,44%	66.682	20,37%	2,09%	66.395	17,41%
	Tổng cộng	247.018	100,00%	327.318	100,00%	32,51%	381.463	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	172.747	65,47%	183.332	53,39%	6,13%	203.222	50,97%
2	Nợ trung hạn	25.794	9,78%	93.390	27,20%	262,06%	129.107	32,38%
3	Nợ dài hạn	65.316	24,75%	66.682	19,42%	2,09%	66.395	16,65%
	Tổng cộng	263.856	100,00%	343.404	100,00%	30,15%	398.724	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

Xét về nhóm ngành cho vay:

Phân theo ngành kinh tế, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay của HDBank. Tính đến 30/09/2024, theo số liệu hợp nhất, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình chiếm hơn 26% trong cơ cấu dư nợ tín dụng. Điều này là phù hợp với định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME của HDBank, đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và liên kết đối tác nền tảng. Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, Website HDBank mới theo tư duy E-Commerce. Bên cạnh đó, HDBank cũng đa dạng hóa hình thức cho vay thông qua các ngành nghề công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất, nông lâm ngư nghiệp, dịch vụ lưu trú và ăn uống; sản xuất và phân phối điện và nước, ưu tiên cho vay các dự án năng lượng sạch, ...

Từ năm 2018, HDBank đã tiên phong cho ra đời các chương trình cấp tín dụng xanh, hỗ trợ phát triển các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo cùng phương án sản xuất thân thiện với môi trường. Tính đến 30/09/2024, tín dụng xanh ngoài diện mặt trời, HDBank mở rộng thêm cho vay điện gió, dự án thân thiện môi trường. Qua đó, HDBank khẳng định vị thế Ngân hàng xanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế Xanh, vì sự phát triển của cộng đồng, môi trường, tương lai bền vững của Việt Nam.

Bảng 17: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	78.591	31,82%	93.246	28,49%	84.527	22,16%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	26.017	10,53%	14.278	4,36%	13.434	3,52%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo (*)	29.121	11,79%	11.590	3,54%	15.693	4,11%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	20.970	8,49%	58.249	17,80%	61.207	16,05%
5	Xây dựng	16.843	6,82%	24.449	7,47%	39.098	10,25%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	15.444	6,25%	9.995	3,05%	10.214	2,68%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	12.185	4,93%	46.004	14,05%	61.005	15,99%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.102	2,07%	3.980	1,22%	9.082	2,38%
9	Vận tải, kho bãi	4.321	1,75%	5.394	1,65%	6.140	1,61%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm (**)	3.245	1,31%	13.039	3,98%	19.851	5,20%
11	Khác	35.179	14,24%	47.094	14,39%	61.212	16,05%
Tổng cộng		247.018	100,00%	327.318	100,00%	381.463	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Là Sản xuất và gia công, chế biến theo BCTC riêng năm 2022 đã kiểm toán

(**) Là Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo BCTC riêng năm 2022 đã kiểm toán

Bảng 18: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	95.430	36,17%	109.333	31,84%	101.789	25,53%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	26.017	9,86%	14.278	4,16%	13.434	3,37%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo (*)	29.121	11,04%	11.590	3,38%	15.693	3,94%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	20.970	7,95%	58.249	16,96%	61.207	15,35%
5	Xây dựng	16.843	6,38%	24.449	7,12%	39.098	9,81%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	15.444	5,85%	9.995	2,91%	10.214	2,56%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	12.185	4,62%	46.004	13,40%	61.005	15,30%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.102	1,93%	3.980	1,16%	9.082	2,28%
9	Vận tải, kho bãi	4.321	1,64%	5.394	1,57%	6.140	1,54%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm (**)	3.245	1,23%	13.039	3,80%	19.851	4,98%
11	Khác	35.179	13,33%	47.094	13,71%	61.212	15,35%
Tổng cộng		263.856	100,00%	343.404	100,00%	398.724	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Là Sản xuất và gia công, chế biến theo BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán

(**) Là Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán

Xét về đối tượng khách hàng:

Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, HDBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho HDBank.

Đối với khách hàng doanh nghiệp: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, HDBank đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục tiên phong trong việc phát triển dòng tín dụng Xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, tài trợ chuỗi tiếp tục thể hiện vai trò chủ lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của HDBank khi thiết lập quan hệ với các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sập thép, xăng dầu, hàng không và vận tải, v.v., qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu, v.v. từ những lĩnh vực này. Trong năm 2024, HDBank tiếp tục mở rộng cho vay xanh và bền vững để tạo ra giá trị kinh tế và lan tỏa tác động tích cực đến môi trường, xã hội. Thông qua việc tài trợ chuỗi cung ứng, HDBank sẽ đẩy mạnh cung cấp vốn và tiện ích tài chính cho các doanh nghiệp, nông dân và lao động.

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của HDBank. Tại thời điểm 31/12/2023, số dư bảo lãnh của HDBank đạt 19.177 tỷ VND, tăng 110,6% so với cuối năm 2022, và đạt 31.513 tỷ VND tại thời điểm 30/09/2024, tăng 64,33% so với cuối năm 2023.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, HDBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của HDBank. Tính đến ngày 30/09/2024, tỷ lệ nợ xấu của HDBank theo số liệu hợp nhất vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 1,90% tổng dư nợ cho vay khách hàng (tại thời điểm cuối năm 2023 tỷ lệ này là 1,79%).

Bảng 19: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	238.071	96,38%	305.849	93,44%	28,47%	361.597	94,79%
Nợ cần chú ý	5.739	2,32%	16.534	5,05%	188,10%	13.588	3,56%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.154	0,47%	1.743	0,53%	51,04%	2.522	0,66%

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ nghi ngờ	978	0,40%	1.576	0,48%	61,15%	1.571	0,41%
Nợ có khả năng mất vốn	1.076	0,44%	1.617	0,49%	50,28%	2.185	0,57%
Tổng cộng	247.018	100,00%	327.318	100,00%	32,51%	381.463	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 20: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	252.065	95,53%	319.239	92,96%	26,65%	376.219	94,36%
Nợ cần chú ý	7.387	2,80%	18.005	5,24%	143,74%	14.938	3,75%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.848	0,70%	2.610	0,76%	41,23%	3.402	0,85%
Nợ nghi ngờ	1.415	0,54%	1.908	0,56%	34,84%	1.876	0,47%
Nợ có khả năng mất vốn	1.141	0,43%	1.642	0,48%	43,91%	2.289	0,57%
Tổng cộng	263.856	100,00%	343.404	100,00%	30,15%	398.724	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được HDBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 21: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Dự phòng cụ thể	682	1.091	1.535
Dự phòng chung	1.845	2.443	2.845
Tổng cộng	2.526	3.534	4.380

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 22: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Dự phòng cụ thể	1.131	1.491	2.012
Dự phòng chung	1.970	2.563	2.973
Tổng cộng	3.102	4.054	4.985

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN quy định về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của HDBank tại thời điểm 30/09/2024 là 14,80%, tại thời điểm 31/12/2023 là 12,57%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 23: Tỷ lệ an toàn vốn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vốn tự có	42.436	57.895	74.009
Vốn cấp 1	35.995	43.630	49.947
Vốn cấp 2	7.702	15.525	25.966
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	1.261	1.261	1.904
Tổng tài sản "Có" rủi ro	331.524	474.193	514.721
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	12,80%	12,21%	14,38%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

Bảng 24: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vốn tự có	46.666	61.900	79.509
Vốn cấp 1	36.822	44.347	51.147
Vốn cấp 2	9.844	17.553	28.362
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-
Tổng tài sản "Có" rủi ro	347.753	492.262	537.261
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	13,42%	12,57%	14,80%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

Kể từ tháng 07/2023, HDBank đã hoàn thành triển khai nâng cấp toàn diện Basel II lên Basel III Reforms ở tất cả các chỉ số. Với việc áp dụng Basel III Reforms, HDBank tiên phong nâng cao chuẩn mực quản trị rủi ro, vượt trên những yêu cầu của cơ quan quản lý để hướng tới các chuẩn mực quốc tế tốt nhất. HDBank đã sẵn sàng áp dụng chỉ số CAR theo Basel III ngay khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo chỉ số này ở mức tốt hơn so với khuyến nghị, tuân thủ đầy đủ quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). Các tỷ lệ an toàn khác theo Basel III như tỷ lệ đòn bẩy, LCR, NSFR... đều đạt mức tốt. Hệ thống kiểm soát nội bộ tiếp tục được hoàn thiện và nâng cấp.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của HDBank bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Năm 2023, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 2.372 tỷ đồng, tăng 98,49% so với năm 2022 và lãi thuần đạt 565 tỷ đồng, tăng 321,64% so với năm 2022. Trong 9 tháng đầu năm 2024, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 1.937 tỷ đồng và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối 609 tỷ đồng.

Bảng 25: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9T/2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.211	2.375	96,12%	1.931
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.006	1.671	66,10%	1.309
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	704	243,41%	622

Nguồn: HDBank

Bảng 26: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9T/2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.195	2.372	98,49%	1.937
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.061	1.807	70,31%	1.328
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	565	321,64%	609

Nguồn: HDBank

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2023, số lượng giao dịch thanh toán trong nước (bao gồm các kênh Citad/VCB Money, BIDV Epay và Napas) của HDBank đạt 67.972.040 giao dịch, tăng 111,77% so với năm 2022; doanh số thanh toán đạt 9.825.912 tỷ VND, giảm 10,24% so với năm 2022. Trong 9 tháng đầu năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của HDBank đạt 97.968.998 giao dịch, tăng 119,18% và doanh số thanh toán trong nước đạt 9.441.073 tỷ VND, tăng 32,06% so với cùng kỳ năm 2023.

Thực hiện theo Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ, HDBank đã, đang và sẽ ứng dụng mạnh mẽ công nghệ 4.0 vào hoạt động thanh toán trong nước, phát triển hệ thống thanh toán, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán, không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thanh toán một cách thuận tiện, hiệu quả của khách hàng; ứng dụng các phương thức xác thực hiện đại, công nghệ eKYC, ứng dụng giải pháp tự động hóa quy trình chuyển tiền bằng robot (RPA), mở rộng hợp tác thanh toán với các đối tác liên kết, các hệ thống thanh toán song phương/ đa phương, kết nối cổng thanh toán điện tử đối với dịch vụ hành chính công, khu vực chính phủ... Do vậy, mặc dù lượng giao dịch thanh toán ngày càng tăng cao, hoạt động thanh toán

trong nước tại Ngân hàng vẫn đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm chi phí.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế

Năm 2023, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 53.600 giao dịch, giảm 8,74% so với năm 2022; doanh số thanh toán đạt gần 13 tỷ USD, tăng 28,74% so với năm 2022. Trong 9 tháng đầu năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 42.420 giao dịch, tăng 108,48% so với cùng kỳ năm 2023; doanh số thanh toán đạt 10,17 tỷ USD, tăng 116,23% so với cùng kỳ năm 2023.

8.1.5. Hoạt động Ngân hàng đại lý

HDBank đã thiết lập quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng và chi nhánh tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho HDBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ L/C, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. HDBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam ký kết thỏa thuận Ngân hàng Xác nhận (Confirming Banking) với ADB và là ngân hàng tiên phong triển khai thành công Thư tín dụng trên nền tảng công nghệ blockchain của hệ thống tài trợ thương mại toàn cầu mang tên "Contour" lần đầu tiên tại Việt Nam. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để HDBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

8.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính

Tính đến 31/12/2023, tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 62.757 tỷ đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành đạt 35.110 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 17.326 tỷ đồng, chiếm lần lượt 55,80% và 27,54% tổng danh mục đầu tư. Lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh đạt 1.208,7 tỷ đồng (tăng 267,7% so với cùng kỳ năm 2022).

Bằng việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, HDBank là một trong những thành viên tích cực và thường xuyên trên thị trường. Trong năm 2023, HDBank đã lọt vào top 3 thành viên giao dịch Outright, top 3 thành viên giao dịch tự doanh Trái phiếu Chính phủ trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và luôn nằm trong top 10 thành viên giao dịch lớn nhất trên HNX. HDBank là một trong những thành viên năng động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường giao dịch Trái phiếu Chính phủ nội địa, thị trường tài chính nói chung. Danh mục nắm giữ cũng như doanh số giao dịch mua bán giấy tờ có giá của HDBank đa dạng về loại và kỳ hạn, nâng cao vị thế và uy tín trên thị trường.

Tính đến 30/09/2024, theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất, tổng giá trị đầu tư chứng khoán đạt 50.029 tỷ đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành đạt 14.572 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 21.942 tỷ đồng, chiếm lần lượt 28,65% và 43,14% tổng danh mục đầu tư.

Bảng 27: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	50.617	97,35%	62.757	97,85%	50.029	96,12%
Trái phiếu Chính phủ (*)	26.979	51,89%	17.326	27,01%	21.942	42,15%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	18.323	35,24%	35.110	54,74%	14.572	28,00%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4.301	8,27%	10.036	15,65%	13.230	25,42%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.014	1,95%	285	0,45%	285	0,55%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	1.379	2,65%	1.379	2,15%	2.022	3,88%
Tổng cộng	51.996	100,00%	64.136	100,00%	52.051	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) tín phiếu do NHNN phát hành

Bảng 28: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	50.617	99,68%	62.757	99,74%	50.029	98,37%
Trái phiếu Chính phủ (*)	26.979	53,13%	17.326	27,54%	21.942	43,14%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	18.323	36,08%	35.110	55,80%	14.572	28,65%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4.301	8,47%	10.036	15,95%	13.230	26,01%

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.014	2,00%	285	0,45%	285	0,56%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	164	0,32%	164	0,26%	829	1,63%
Tổng cộng	50.781	100,00%	62.921	100,00%	50.858	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) tín phiếu do NHNN phát hành

b) Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Trong năm 2023, nhiều sự kiện ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm của toàn ngành dẫn đến doanh thu từ hoạt động kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ của HDBank năm 2023 có phần chững lại so với năm 2022. Để thích nghi với tình hình này, HDBank đã xác định trọng tâm trong việc nâng cao hơn nữa chất lượng tư vấn chuyên nghiệp, cung cấp sản phẩm bảo hiểm đa dạng đáp ứng đúng nhu cầu của khách hàng. Đồng thời HDBank cũng triển khai nhiều chương trình ưu đãi, tri ân khách hàng từ đó tạo dựng được lòng tin và sự hài lòng từ khách hàng thân thiết.

Trong năm 2023, về doanh số phí bảo hiểm HDBank luôn duy trì thuộc Top đầu các ngân hàng có doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ cao nhất thị trường. Đây là kết quả của chiến lược tiếp cận khách hàng hiệu quả, cùng với việc tạo ra các chương trình khuyến mại và ưu đãi hấp dẫn. Số liệu này trong hoàn cảnh đặc biệt năm 2023 thể hiện sự tin tưởng và lựa chọn của khách hàng đối với sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ được HDBank phân phối.

Với những kết quả và kinh nghiệm tích lũy trong năm 2023, định hướng kế hoạch trong năm 2024 Khối Ngân hàng Bảo hiểm hướng đến mục tiêu tiếp tục mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Các hoạt động tăng cường tiếp cận khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ và đổi mới sản phẩm sẽ tiếp tục được đẩy mạnh. Khối cũng sẽ tiếp tục đầu tư vào công nghệ số và đào tạo nhân viên để nâng cao hiệu suất và trải nghiệm khách hàng. Mục tiêu của HDBank là trở thành một trong những ngân hàng dẫn đầu trong hoạt động phân phối sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng tại Việt Nam và đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành Ngân hàng. HDBank đang hướng tới lựa chọn hợp tác với công ty bảo hiểm có sản phẩm, công nghệ, chất lượng vượt trội trên thị trường. Thỏa thuận bancassurance độc quyền của HDBank với đối tác chắc chắn sẽ đưa HDBank tiếp tục vững vàng trong Top đầu các ngân hàng về hoạt động Bancassurance, góp phần hiện thực hóa các chiến lược phát triển 2021 - 2025 của HDBank, giúp khách hàng được cung ứng thêm nhiều giải pháp tài chính bảo hiểm.

c) Hoạt động kinh doanh thẻ

Năm bắt và khai thác hiệu quả xu hướng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, Trung tâm

Thẻ HDBank đã có những chiến lược phát triển đúng đắn, nhanh chóng ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, liên tục gia tăng đổi mới, kết hợp áp dụng hợp đồng điện tử, eSign và video KYC vào kênh mở thẻ trực tuyến ngay trên thiết bị di động cho hầu hết các sản phẩm thẻ tín dụng: thẻ đồng thương hiệu HDBank Petrolimex 4 trong 1 – đây là dòng sản phẩm tích hợp 4 trong 1 đầu tiên tại Việt Nam, cung cấp cùng lúc Thẻ tín dụng, Thẻ ghi nợ, Thẻ trả trước, đồng thời là phương tiện để nhận diện khách hàng thân thiết của Petrolimex (PetrolimexID); Phối hợp triển khai tích hợp các luồng mở thẻ tín dụng trên các kênh khác nhau để gia tăng số lượng thẻ tín dụng được phát hành và kích hoạt, cụ thể qua các kênh như VietjetAir, Vikki....; Triển khai thành công việc phát hành và chấp nhận thanh toán thẻ thuộc tổ chức JCB.

Năm 2023, HDBank tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đưa thẻ tín dụng trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của người dân, đồng hành và đáp ứng trọn vẹn các nhu cầu tài chính thiết yếu của mọi gia đình Việt. Đồng thời, HDBank triển khai thành công sản phẩm vay linh hoạt trên dư nợ Thẻ tín dụng nhằm tối ưu hóa hoạt động vận hành và số hóa hành trình cho khách hàng sử dụng thẻ HDBank.

Trong năm 2024, với các mục tiêu về sản phẩm công nghệ và định hướng kinh doanh trên giải pháp số, HDBank phát triển thêm các kênh trực tuyến hỗ trợ khách hàng mở tài khoản thanh toán, thẻ tín dụng... với cơ chế trực tuyến hoàn toàn.

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng

Mạng tài chính tiêu dùng của HDBank nằm ở công ty con của Ngân hàng là HD SAISON. Tiền thân của HD SAISON là Công ty TNHH MTV Tài chính Việt – Société Générale (“SGVF”), thuộc sở hữu của Ngân hàng Pháp Société Générale. Sau khi nhận được chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 2532/QĐ-NHNN và Quyết định số 2533/QĐ-NHNN ngày 30/10/2013, Tập đoàn Société Générale S.A, chủ sở hữu duy nhất của SGVF đã chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu của SGVF cho HDBank và SGVF đã chính thức đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (“HDFinance”). Đến tháng 03/2015, CREDIT SAISON (Nhật Bản) đã đầu tư vào HDFinance, nắm giữ 49% vốn điều lệ và HDFinance đã được đổi tên thành HD SAISON như hiện nay.

HD SAISON thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm: Cho vay mua trả góp phương tiện đi lại, đồ dùng, trang thiết bị gia đình, chi phí học tập, thẩm mỹ, nha khoa, tiệc cưới, du lịch, thẻ dực/ thẻ thao và cho khách hàng vay tiền mặt phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

Qua hơn 15 năm hoạt động, HD SAISON sở hữu mạng lưới điểm giới thiệu dịch vụ lớn nhất với hơn 24.000 điểm giao dịch tài chính đặt tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc. Ứng dụng di động HD SAISON, có mặt trên cả hai nền tảng hệ điều hành phổ biến iOS và Android, mang đến cho khách hàng trải nghiệm vay trực tuyến 100% chỉ bằng những cú chạm đơn giản trên màn hình điện thoại. Bên cạnh đó HD SAISON phát hành thẻ tín dụng quốc tế HD SAISON VISA với công nghệ chip EMV tích hợp công nghệ thanh toán không tiếp xúc (contactless), mang đến trải nghiệm mới cho khách hàng với phương thức thanh toán hiện đại, nhanh chóng và có tính bảo mật cao.

HD SAISON liên tục duy trì sự phát triển bền vững và luôn không ngừng đổi mới để giữ vững vị thế trên thị trường. Phát triển kinh doanh thông qua việc hỗ trợ tài chính người tiêu dùng cùng với chủ trọng trách nhiệm với cộng đồng là những mục tiêu không thể thiếu trong toàn bộ hoạt động

của HD SAISON. HD SAISON thực hiện cam kết trách nhiệm xã hội thông qua những hành động thiết thực, có ý nghĩa đối với những trường hợp cụ thể: Tài trợ học bổng giáo dục; Gói vay ưu đãi dành riêng cho giáo viên, bác sĩ; Gói vay ưu đãi đặc biệt dành cho công nhân trên toàn quốc; Đưa tài chính tiêu dùng đến gần với người dân; Thiết kế gói vay tiêu dùng mang đến lợi ích cho khách hàng.

Đến 31/12/2023, tổng tài sản của HD SAISON đạt 17.593 tỷ đồng, trong đó cho vay khách hàng đạt 16.086 tỷ đồng và luôn tuân thủ các quy định về an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước. Trong đó, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn được HD SAISON duy trì ở mức cao, tỷ lệ an toàn vốn cuối năm 2023 là 22,5% so với mức quy định tối thiểu 9,0% của NHNN. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 7,61%, thấp nhất ngành.

Kết thúc Quý III năm 2024, tổng tài sản của HD SAISON đạt 21.026 tỷ đồng, tăng 19,51% so với cuối năm 2023, trong đó cho vay khách hàng đạt 17.261 tỷ đồng và huy động vốn đạt 14.988 tỷ đồng lần lượt tăng 7,30% và 21,61% so với cuối năm 2023.

Bên cạnh việc đảm bảo an toàn hoạt động, HD SAISON cũng triển khai nhiều giải pháp để nâng cao hiệu suất kinh doanh, trong đó nổi bật là thực hiện chuyển đổi số, tích hợp công nghệ vào quy trình kinh doanh, giúp tối ưu hóa chi phí và cải thiện năng suất lao động. Đồng thời, nhờ quản trị rủi ro hiệu quả, đẩy mạnh chiến lược giải ngân ở phân khúc khách hàng có rủi ro thấp, chú trọng gia tăng giá trị khoản vay cho khách hàng trung thành có lịch sử thanh toán tốt đã giúp HD SAISON giảm thiểu tác động từ sự suy giảm chất lượng tín dụng của toàn ngành Tài chính tiêu dùng.

8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 29: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	483	146	337	511	158	353	572	174	398
Máy móc thiết bị	315	179	137	366	208	158	408	218	190
Phương tiện vận tải	349	238	111	427	281	146	459	315	144

Thiết bị, dụng cụ quản lý	256	244	12	277	255	22	305	267	38
TSCĐ hữu hình khác	15	12	3	21	13	7	28	15	13
Tổng cộng	1.418	819	599	1.602	916	686	1.772	989	783

Nguồn: HDBank

Bảng 30: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	483	147	337	512	159	353	572	174	398
Máy móc thiết bị	315	179	137	366	208	158	408	218	190
Phương tiện vận tải	349	238	111	427	281	146	459	315	144
Thiết bị, dụng cụ quản lý	357	312	44	378	329	49	413	346	67
TSCĐ hữu hình khác	15	12	3	21	13	7	28	15	13
Tổng cộng	1.519	888	632	1.703	990	713	1.880	1.068	812

Nguồn: HDBank

8.2.2. Tài sản cố định vô hình**Bảng 31: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	12	97	110	14	95	116	16	100
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	531	0	531	591	0	591
Phần mềm máy vi tính	315	268	47	383	308	76	500	340	160
TSCĐ vô hình khác	0,35	0,35	0	1	0,35	0,65	1	0	1
Tổng cộng	956	280	676	1.025	322	703	1.208	356	852

Nguồn: HDBank

Bảng 32: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	12	97	110	14	95	116	16	100
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	531	0	531	591	0	591
Phần mềm máy vi tính	358	306	52	427	347	80	544	380	164
TSCĐ vô hình khác	7	5	3	8	5	3	8	5	3
Tổng cộng	1.006	323	683	1.076	367	710	1.259	401	858

Nguồn: HDBank

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a) Quản lý rủi ro tín dụng

HDBank thực hiện chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định của NHNN và Quy định nội bộ của HDBank. Cụ thể:

- Thường xuyên cập nhật tài liệu nội bộ theo Luật, Thông tư, Nghị định, chủ trương, chính sách của NHNN trong từng thời kỳ;
- Thực hiện quản lý rủi ro tín dụng xuyên suốt trong quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt và quản lý sau cấp tín dụng đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan giữa việc đề xuất, thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng;
- Thiết lập chính sách và khẩu vị rủi ro, trong đó xây dựng các giới hạn về nợ quá hạn, nợ xấu; giới hạn hạn mức cấp tín dụng theo khách hàng, ngành nghề, lĩnh vực kinh tế; sản phẩm và hình thức bảo đảm để làm định hướng phát triển hoạt động cấp tín dụng toàn hàng;
- Ngân hàng sử dụng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ trong quá trình cấp tín dụng, đo lường được rủi ro của khách hàng nhằm đảm bảo việc cấp tín dụng được độc lập, khách quan; đánh giá và cải thiện tính chính xác, hiệu quả của việc ra quyết định cấp tín dụng;
- Cơ cấu tổ chức công tác quản lý và giám sát rủi ro tín dụng của HDBank gồm 3 tuyến phòng thủ chính nhằm thực hiện xây dựng, nhận dạng, đo lường, đánh giá, kiểm soát và xử lý, khắc phục các rủi ro tín dụng nếu có phát sinh nhanh chóng và kịp thời;
- Bước đầu áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo Basel III nhằm cải thiện quản lý rủi ro nói chung và rủi ro tín dụng nói riêng;
- Chuyển dịch dần hoạt động tín dụng theo hướng ứng dụng công nghệ để phù hợp với xu hướng thị trường, tăng hiệu quả của hoạt động và góp phần giảm rủi ro tín dụng;
- Luôn nghiên cứu xây dựng các phần mềm chương trình, giải pháp công nghệ hỗ trợ công tác giám sát quản lý rủi ro tín dụng
 - o Chính thức áp dụng chương trình khai thác thông tin tín dụng CIC tập trung qua kênh Host-to-Host từ năm 2022 đã giúp HDBank nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát rủi ro, tiết kiệm chi phí và khai thác có hiệu quả sản phẩm, dịch vụ của CIC nhằm phục vụ cho hoạt động quản trị và xây dựng/phát triển các mô hình quản trị rủi ro nội bộ.
 - o Triển khai và áp dụng các mô hình về PD (tính xác xuất vỡ nợ), lượng hóa tổn thất khi vỡ nợ (LGD) để ứng dụng trong công tác phê duyệt tín dụng cũng như kiểm soát rủi ro đối với từng khách hàng cụ thể.
- Trong công tác phân loại nợ: Ngân hàng sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ, kết quả phân loại nợ của CIC trong công tác phân loại nợ, đồng thời thực hiện trích lập dự phòng theo định kỳ tháng/quý, tuân thủ theo đúng Thông tư số 11/2021/TT-NHNN (hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021 và đã được thay thế bởi Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ban hành ngày 30/06/2024, có hiệu lực từ ngày 01/07/2024), đảm bảo các chi phí dự phòng rủi ro tín

dụng được trích lập đầy đủ;

- Xây dựng và theo dõi các báo cáo rủi ro tín dụng định kỳ và đột xuất.

b) Quản lý rủi ro hoạt động

Để quản lý rủi ro hoạt động HDBank đã triển khai các công việc đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình thực tế:

- Thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến bảo vệ;
- Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chế độ quản trị rủi ro toàn hàng;
- Thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động, và cơ chế theo dõi giám sát;
- Nghiên cứu, triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động: Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát – RCSA; Chỉ số rủi ro trọng yếu – KRI; Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động – LDC; Giám sát và cảnh báo các giao dịch đáng ngờ (STM);
- Triển khai quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới, quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài, quản lý rủi ro hoạt động trong ứng dụng công nghệ và mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động;
- Xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục, kế hoạch đối phó với những tác động bên ngoài (Ví dụ: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, cúp điện, ...) có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tính liên tục trong hoạt động của HDBank;
- Triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN;
- Luôn nghiên cứu xây dựng các phần mềm chương trình, giải pháp hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động;
- Xây dựng và theo dõi các báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ và đột xuất.

c) Quản lý rủi ro thị trường

- HDBank đã ban hành Quy chế về Chính sách quản lý rủi ro, Quy định quản lý rủi ro, trong đó quản lý rủi ro thị trường là một trong những loại rủi ro trọng yếu. HDBank đã ban hành đầy đủ các quy định liên quan và thực hiện quản lý rủi ro thị trường trên cơ sở bám sát các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN, các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế liên quan và thông lệ của Hiệp ước Basel, cụ thể:
- Tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro thị trường theo khẩu vị rủi ro và các giới hạn rủi ro thị trường;
- Tổ chức hoạt động quản lý rủi ro thị trường theo 03 tuyến bảo vệ, đảm bảo thực hiện việc kiểm soát độc lập giữa đơn vị kinh doanh, kiểm soát rủi ro, kiểm toán nội bộ;
- Thực hiện nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường thông qua các công cụ hiện đại, phương pháp luận/mô hình đo lường được xây dựng phù hợp thông lệ tiên tiến và các chuẩn mực Basel;

- Định kỳ HDBank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng cho rủi ro thị trường nhằm đánh giá khả năng chịu đựng trong các kịch bản khủng hoảng và đề xuất các hành động phù hợp để hạn chế tổn thất có thể xảy ra.

d) Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là một trong các rủi ro trọng yếu được HDBank triển khai quản lý nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và phù hợp với thông lệ quốc tế trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thanh khoản thông qua cơ chế ba tuyến phòng vệ. Theo đó, ban hành hệ thống chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thanh khoản nêu rõ vai trò trách nhiệm của từng tuyến phòng thủ và từng bộ phận;
- Phát triển và ứng dụng công nghệ, hệ thống phần mềm trong việc quản lý, đo lường rủi ro thanh khoản, xây dựng bộ các chỉ tiêu cảnh báo sớm, hạn mức và khẩu vị rủi ro về thanh khoản;
- Thực hiện quản lý thanh khoản trong ngày, tài sản thanh khoản cao, việc huy động vốn, sử dụng vốn;
- Thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản, kế hoạch dự phòng thanh khoản ít nhất theo định kỳ 06 tháng/lần;
- Triển khai dự án nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro từ Basel II lên Basel III nhằm cải thiện quản lý rủi ro nói chung và rủi ro thanh khoản nói riêng.

8.3.2.Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

HDBank đã triển khai khung quản trị rủi ro hoạt động theo chuẩn Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thông lệ tiên tiến một cách thường xuyên và thành thực. Tuy nhiên, các rủi ro mới như từ các kẻ gian bên ngoài, không gian mạng... vẫn luôn tồn tại và ngày càng tinh vi, dẫn đến việc quản trị rủi ro sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, HDBank luôn rà soát thường xuyên và cập nhật thường xuyên các xu hướng rủi ro mới để có cơ chế phòng ngừa nhằm giảm thiểu rủi ro (nếu có).

8.3.3.Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2024

Trong năm 2024 công tác Quản lý rủi ro sẽ được tiếp tục xác định là một nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Ngân hàng với sự đầu tư, hoạch định các kế hoạch, chiến lược mới nhằm: hoàn thành triển khai dự án Basel III, hiện đại hóa công tác quản lý rủi ro.

Đồng thời trong năm 2023 và 2024, trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường bất động sản nói riêng, HDBank đẩy mạnh và tăng cường công tác kiểm soát, giám sát từ xa thông qua số liệu và kiểm tra thực tế ĐVKD. Đồng thời chủ động thắt chặt công tác thẩm định, đưa ra nhiều phương án xử lý trong trường hợp xảy ra các sự cố không mong muốn trong thời gian qua.

Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực triển khai, nâng cấp các công cụ, mô hình quản lý rủi ro để

giám sát, tính toán, đo lường và đưa ra các cảnh báo kịp thời về diễn biến của các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động luôn đáp ứng tốt theo quy định của NHNN.

8.4.Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện và mạng lưới khách hàng

Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 30/09/2024, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 văn phòng đại diện khu vực miền Bắc và 01 văn phòng đại diện của HDBank tại Myanmar), 82 Chi nhánh, 277 Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.144 người.

Mạng lưới khách hàng

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/ thành phố giúp HDBank và các đơn vị thành viên tiếp cận khách hàng tại 63/63 tỉnh thành phố trên toàn quốc, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tài chính tiêu dùng cho nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, hộ gia đình, khách hàng doanh nghiệp, đồng thời HDBank cũng mở rộng chuỗi và hợp tác chiến lược với các tập đoàn, tổng công ty, định chế tài chính lớn.

HDBank đẩy mạnh tài chính xanh và chuyển đổi số toàn diện. HDBank đồng hành cùng nền kinh tế với các chương trình thiết thực và ý nghĩa. Ngân hàng triển khai nhiều gói vay ưu đãi với mức lãi suất hấp dẫn để đồng hành cùng người dân và doanh nghiệp phát triển kinh tế. Thêm vào đó, HDBank là ngân hàng đi đầu trong thúc đẩy chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hỗ trợ nông dân đưa sản phẩm lên các kênh bán hàng số, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, triển khai các chương trình an sinh xã hội thiết thực.

Bên cạnh đó, HDBank triển khai phát triển các chuỗi khách hàng chiến lược theo Sáng kiến ngành đi kèm với Trung tâm chăm sóc khách hàng ngành cùng dòng sản phẩm dịch vụ được chuyên biệt hoá cao. Kien toàn, tối ưu hoá mạng lưới hoạt động, tiếp tục nâng tầm quy mô và hiệu quả hoạt động của các Chi nhánh/Phòng giao dịch. Triển khai có hiệu quả các Trung tâm SMEs để phù địa bản, và Ngân hàng ưu tiên (Private Banking) để chuyên biệt phát triển khách hàng thuộc phân khúc trung cao.

8.4.2. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Thương hiệu HDBank

Hành trình 34 năm xây dựng thương hiệu HDBank và 10 năm đổi mới (giai đoạn 2013-2023) đã đưa HDBank lên vị thế là ngân hàng thuộc nhóm dẫn đầu về bán lẻ, SME và tiêu dùng, với tốc độ tăng trưởng cao, nợ xấu thấp, hiệu quả trong nhóm cao nhất ngành.

Tổng tài sản tăng gấp 10 lần, tiên phong triển khai toàn diện Basel III

Tính đến 31/12/2023, lần đầu tiên, tổng tài sản HDBank vượt mốc 612.305 tỷ đồng gấp 7 lần cuối năm 2013 với tốc độ tăng trưởng kép 21,5% mỗi năm trong thập kỷ đổi mới. Lợi nhuận tiếp tục lập kỷ lục mới với trên 13.000 tỷ đồng, tăng 26,8% so với cùng kỳ và gấp 54 lần lợi nhuận năm

2013. Các chỉ tiêu sinh lời ROE đạt 24,2%, ROA đạt trên 2%, trong nhóm ngân hàng có hiệu quả ngân hàng cao nhất. Đồng thời hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 12,6%, tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ chỉ 1,5%, hợp nhất đạt 1,8%, trong nhóm những ngân hàng có tỷ lệ an toàn vốn và chất lượng tài sản tốt nhất.

Tháng 7/2023, HDBank đã hoàn thành triển khai nâng cấp toàn diện Basel II lên Basel III Reforms ở tất cả các chỉ số. Với việc áp dụng chuẩn mực Basel III Reforms, HDBank tiên phong nâng cao chuẩn mực quản trị rủi ro, vượt trên những yêu cầu của cơ quan quản lý để hướng tới các chuẩn mực quốc tế tốt nhất. HDBank đã sẵn sàng áp dụng chỉ số CAR theo Basel III ngay khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo chỉ số này ở mức tốt hơn so với khuyến nghị, tuân thủ đầy đủ quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). Các tỷ lệ an toàn khác theo Basel III như tỷ lệ đòn bẩy, LCR, NSFR... đều đạt mức tốt. Hệ thống kiểm soát nội bộ tiếp tục được hoàn thiện và nâng cấp.

Đẩy mạnh lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Đưa các sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng hiện đại đến với khách hàng tại địa bàn đô thị loại hai và nông thôn là một trong những trọng tâm chiến lược được HDBank triển khai trong nhiều năm qua theo chiến lược phát triển bền vững. Bước đi đầu tiên trong chiến lược này được thực hiện năm 2013 với việc sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Đại Á để qua đó mở rộng mạng lưới điểm giao dịch, cơ sở khách hàng tại các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ, Miền Trung và Tây Nguyên, đồng thời nâng cao năng lực tài chính, năng lực cung cấp sản phẩm dịch vụ. Cũng trong năm 2013, HDBank mua lại 100% công ty tài chính tiêu dùng Societe Generale Viet Finance, trực thuộc tập đoàn Societe Generale (Cộng hòa Pháp) để mở rộng cơ sở khách hàng tới đối tượng người có thu nhập thấp và bị hạn chế về tiếp cận tín dụng tại các tỉnh, thành trên toàn quốc.

Trong một thập kỷ qua HDBank từng bước khẳng định vị thế ngân hàng trong nhóm dẫn đầu tại khu vực này thông qua việc gia tăng mạnh mẽ số lượng khách hàng, mạng lưới điểm giao dịch cũng như quy mô dư nợ tài trợ nông nghiệp, nông thôn. Hiện trên 60% số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của HDBank được đặt tại các đô thị loại hai và nông thôn. Hơn 2,3 triệu khách hàng trong tổng số 4,3 khách hàng của ngân hàng mẹ đến từ khu vực này. Tổng dư nợ của khách hàng tại khu vực nông thôn và đô thị loại hai những năm gần đây thường xuyên đóng góp từ 50% - 55% tổng dư nợ toàn hàng với tỷ lệ nợ xấu thấp hơn mặt bằng chung, trong đó dư nợ cho vay ngành nông, lâm, thủy sản tới cuối năm 2023 đã gấp trên 7 lần so với thời điểm 2013, tăng trưởng nhanh hơn các ngành nghề khác. HDBank là đơn vị tiên phong triển khai tài trợ các chuỗi giá trị toàn diện, từ hộ nông dân tới các doanh nghiệp thu mua, chế biến nông sản và nhà xuất khẩu. Không chỉ cung cấp sản phẩm, dịch vụ, HDBank còn phối hợp với các địa phương, đối tác triển khai nhiều chương trình cung cấp kiến thức về các sản phẩm, dịch vụ tài chính, ngân hàng, hỗ trợ người nông dân làm quen và ứng dụng thương mại điện tử để quảng bá và bán sản phẩm trên các nền tảng trực tuyến. Tại HD SAISON, quy mô tổng tài sản, dư nợ đã tăng trưởng liên tục, đạt gấp hơn 10 lần sau 10 năm qua, quy mô dư nợ tại địa bàn nông thôn cũng tăng tương ứng, với tỷ lệ nợ xấu thấp so với ngành. Hoạt động của công ty không chỉ đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của HDBank mà còn giúp hàng triệu người dân tiếp cận được tín dụng, tránh được bẫy tín dụng đen, góp phần giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống.

Trong xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ, năm 2023, HDBank là đơn vị tiên phong ra mắt ứng dụng HDBank Nông thôn dành riêng cho khách hàng tại khu vực này với các sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt, thân thiện và tiện ích, phù hợp với người dân tại nông thôn. Ứng dụng hỗ trợ tính năng vay vốn và hỗ trợ trong việc phát triển kinh doanh cũng như đầu tư tại địa phương. Ngoài ra, dịch vụ còn cung cấp các chương trình giáo dục tài chính, tư vấn và hỗ trợ khách hàng trong việc quản lý tài chính cá nhân và kinh doanh. Chỉ sau thời gian ngắn ra mắt, dịch vụ đã thu hút hàng chục nghìn cộng tác viên, khách hàng.

Trong giai đoạn sắp tới, phát triển nông nghiệp nông thôn tiếp tục là chương trình trọng tâm của HDBank trên hành trình phát triển bền vững, mang lại giá trị cao, tốt đẹp cho khách hàng, đối tác, cổ đông và cộng đồng xã hội.

Tiên phong chuyển đổi số, sức bật theo cấp số nhân

HDBank là một trong những ngân hàng tiên phong tự động hóa quy trình vận hành để tối ưu hóa công tác vận hành, bao gồm cả công tác nhân sự và hỗ trợ khách hàng. Trong năm vừa qua, HDBank đã số hóa lần lượt các hành trình Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, bao gồm mở tài khoản, mở thẻ tín dụng và mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, bán ngoại tệ trực tuyến, phát hành thư tín dụng để rút ngắn thời gian giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

HDBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hợp tác với AWS - công ty cung cấp dịch vụ điện toán đám mây hàng đầu thế giới thuộc tập đoàn toàn cầu Amazon.com, để đưa vào sử dụng dịch vụ Amazon Elastic Kubernetes tại HDBank, phục vụ mục tiêu chuyển đổi số toàn diện.

Ngoài ra, HDBank là ngân hàng đầu tiên sử dụng dịch vụ Swift Go tại thị trường Việt Nam, khẳng định một bước tiến quan trọng của HDBank trong hoạt động thanh toán quốc tế - lĩnh vực mà loạt định chế tài chính quốc tế vừa có các giải thưởng ghi nhận.

Chiến lược chuyển đổi số tại HDBank trong năm 2023 đã ghi nhận những thành quả sớm, đạt sức tăng trưởng theo cấp số nhân về nhiều mặt.

Trách nhiệm với cộng đồng

Cùng với hoạt động kinh doanh sôi nổi, HDBank chủ động thực thi trách nhiệm với cộng đồng, triển khai các chương trình hướng tới mục tiêu tài chính toàn diện, bao trùm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh.

Năm 2023, HDBank đã mở thêm 15 điểm giao dịch ngân hàng, nâng tổng số chi nhánh và phòng giao dịch lên hơn 360 điểm, góp phần tạo việc làm cho người dân địa phương đồng thời giúp họ có cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn nguồn vốn tín dụng và các dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại.

Năm 2023, HDBank đã dành hàng chục tỷ đồng cho các hoạt động tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (như xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, cầu nông thôn, trùng tu di tích lịch sử...); tài trợ cho giáo dục (trao tặng học bổng, nâng cấp và xây dựng trường học, tặng quà cho các làng trẻ em SOS...); tài trợ y tế (trao tặng thẻ Bảo hiểm y tế, kinh phí phẫu thuật mắt, kinh phí mua máy chạy thận...).

HDBank phối hợp cùng Tập đoàn FPT đã đóng góp, chung tay với Bộ Tài chính tham gia xử lý tình trạng nghẽn mạng trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Kết quả

sau 3 tháng, hệ thống do 2 tập đoàn thực hiện đã được triển khai, chuyển giao, đưa vào hoạt động thông suốt, an toàn từ ngày 05/07/2021 với năng lực xử lý gấp 3-5 lần hệ thống cũ. Với hệ thống giao dịch mới (3-5 triệu lệnh/ngày), hệ thống mới sẽ đáp ứng nhu cầu của HOSE và thị trường ít nhất 3-5 năm tới, đồng thời HOSE hoàn toàn làm chủ về công nghệ để có thể mở rộng trong tương lai.

40 danh hiệu và giải thưởng uy tín là những thành tựu mà HDBank đạt được trong năm 2023 – năm mà nền kinh tế trong và ngoài nước chứng kiến nhiều biến số. Trong đó, có Bằng khen của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh với thành tích xuất sắc trong công tác nộp Ngân sách Nhà nước, ghi dấu mốc 5 năm liên tiếp HDBank đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc chấp hành pháp luật về thuế và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước.

Năm 2024, Ngân hàng tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được để triển khai thắng lợi các chương trình chiến lược giai đoạn 2021- 2025, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành ngân hàng, nền kinh tế và sự thịnh vượng của toàn xã hội.

Thị phần và khả năng cạnh tranh:

Tại thời điểm 30/09/2024, thị phần của HDBank về tổng tài sản, cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành lần lượt là 3,96%; 3,60% và 3,78%.

Bảng 33: Thị phần về tổng tài sản, cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng
HDBank (tỷ Đồng)	629.569	393.740	397.019
Thị phần HDBank so với các ngân hàng trong ngành (*)	3,96%	3,60%	3,78%

Nguồn: () Số liệu được tính toán theo dữ liệu từ BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của các Ngân hàng TMCP đại chúng*

Xét về mặt quy mô:

Tại 31/12/2023, lần đầu tiên Tổng tài sản HDBank vượt mốc 602.315 tỷ đồng, gấp 7 lần cuối năm 2013 với tốc độ tăng trưởng kép 21,5% mỗi năm trong thập kỷ đổi mới, xếp trong top 10 Ngân hàng TMCP đại chúng lớn nhất về Tổng tài sản. Vốn chủ sở hữu đạt 46.400 tỷ đồng, thuộc trong top 9 Ngân hàng TMCP đại chúng có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

Tại 30/09/2024, Tổng tài sản của HDBank đạt 629.569 tỷ đồng, thuộc top 10 Ngân hàng TMCP đại chúng có Tổng tài sản lớn nhất tại Việt Nam.

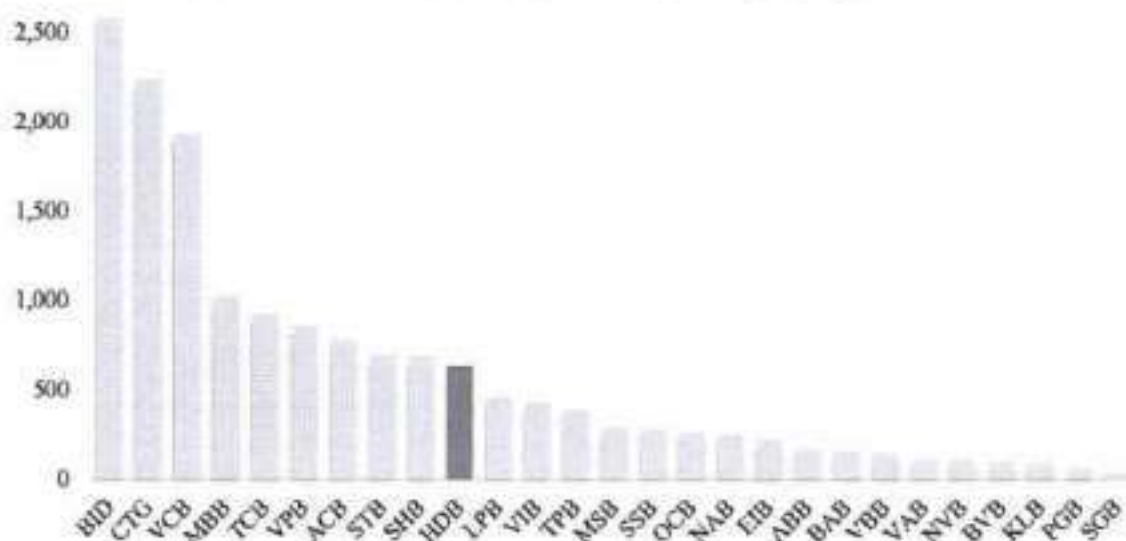
Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận tính đến 31/12/2023 tiếp tục lập kỷ lục mới với trên 13.017 tỷ đồng, tăng 26,8% so với cùng kỳ và gấp 54 lần lợi nhuận năm 2013. Các chỉ tiêu sinh lời ROE đạt 24,2%, ROA đạt trên

2%, trong nhóm ngân hàng có hiệu quả ngân hàng cao nhất. Đồng thời hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 12,6%, tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ chỉ 1,5%, hợp nhất đạt 1,8%, trong nhóm những ngân hàng có tỷ lệ an toàn vốn và chất lượng tài sản tốt nhất.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2024 của HDBank lợi nhuận trước thuế lũy kế 9 tháng đạt 12.655 tỷ đồng, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 79,8% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tỷ lệ ROE đạt 26,7%, ROA đạt 2,2% trong nhóm dẫn đầu toàn ngành.

Tổng tài sản của các Ngân hàng TMCP đại chúng tại ngày 30/09/2024



Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của các Ngân hàng TMCP đại chúng

Ghi chú: Tên các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán của các ngân hàng đó.

Vị thế của HDBank theo đánh giá của Công ty Cổ phần FiiRatings (FiiRatings)

Theo công bố vào ngày 29/03/2024 của Công ty Cổ phần FiiRatings, HDBank được thông báo kết quả Xếp hạng Tín nhiệm dài hạn Nhà phát hành lần đầu ở mức điểm "A" với triển vọng xếp hạng tín nhiệm "Ổn định".

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Một số dự án đã và đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng 34: Thông tin về các dự án lớn trong năm 2022, 2023 và đến thời điểm hiện tại

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
1	RLOS & CLOS: Hệ thống khởi tạo, quản lý và cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp	Đang thử nghiệm Pilot dịch vụ trên môi trường thật cả hệ thống CLOS & RLOS	- Quản lý toàn bộ vòng đời của quy trình cấp tín dụng từ giai đoạn khởi tạo đến khi phê duyệt và cấp tín dụng.

2	Kiosk Banking - Tối ưu mạng lưới CN&ATM	Đã hoàn thành việc thử nghiệm bộ giải pháp và bắt đầu đưa vào triển khai kinh doanh, chuyển giao sang giai đoạn BAU	- Đóng vai trò rất quan trọng trong việc thay thế nghiệp vụ tại quầy thông qua các công nghệ số hóa 4.0, đặc biệt thể hiện hình ảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của HDBank trong giai đoạn 3 năm tới. - Cho phép khách hàng chủ động thao tác, dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng thông qua Kiosk Banking.
3	HDBank Loyalty – Chương trình khách hàng thân thiết	Đã hoàn thành dự án bao gồm các phạm vi tích điểm, đổi điểm và tiếp tục phối hợp làm giàu dịch vụ/tiện ích cho khách hàng	- Khuyến khích khách hàng đăng ký tham gia chương trình khách hàng thân thiết của HDBank và thúc đẩy khách hàng thực hiện giao dịch trên các ứng dụng HDBank để tích điểm. - Đẩy mạnh việc khách hàng tham gia vào hệ sinh thái của tập đoàn để hưởng các ưu đãi khác.
4	Dự án PwC tư vấn mô hình xếp hạng tín dụng (Credit Scoring) cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp	Đã hoàn thành dự án	- Hỗ trợ phê duyệt tín dụng: Cải thiện tính chính xác và hiệu lực của việc ra quyết định cấp tín dụng, cung cấp phương tiện hỗ trợ để quá trình này trở nên hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm bớt sự can thiệp từ con người. - Thực hiện quản trị rủi ro tín dụng: Xếp hạng tín dụng nội bộ là một công cụ để đánh giá mức rủi ro của khách hàng; đánh giá hiệu quả quá trình quản trị rủi ro của các bộ phận liên quan, bảo đảm việc cấp tín dụng được quản lý phù hợp, các tài sản có rủi ro tín dụng nằm trong các giới hạn, thống nhất với các tiêu chuẩn thận trọng và khả năng phát hiện rủi ro sớm. - Hỗ trợ xác định giá khoản tín dụng; Hỗ trợ quản lý và quản trị khách hàng. - Hỗ trợ công tác quản lý thông tin (MIS) theo danh mục và tạo lập báo cáo.
5	Dự án Tư vấn nâng cấp	Đã hoàn thành dự	- Nâng cao năng lực tài chính thông qua

	Basel II lên Basel III (phương pháp tiêu chuẩn)	án	việc áp dụng các chỉ tiêu an toàn vốn với yêu cầu cao hơn so với Basel II, cải thiện năng lực quản lý rủi ro, đặc biệt là quản lý rủi ro thanh khoản và hoàn thiện hơn hệ thống kiểm soát nội bộ. - Quảng bá thương hiệu, khẳng định vị thế trên thị trường. Việc tiên phong đáp ứng các yêu cầu cao về quản trị rủi ro là cơ hội để Ngân hàng nâng cao danh tiếng, sự tin nhiệm của khách hàng, đặc biệt là các tổ chức nước ngoài.
6	Dự án tư vấn Quản trị ESG và tài chính bền vững	Đang triển khai dự án	- Hỗ trợ Ngân hàng trong hành trình triển khai ESG, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng, xây dựng được chiến lược và quản trị ESG toàn diện trên toàn hàng, nâng cao công tác Quản trị rủi ro ESG, đánh giá một cách toàn diện khung tài chính xanh và bền vững cũng như triển khai công cụ báo cáo ESG tiên tiến, góp phần thực hiện cam kết net zero năm 2050 của Việt Nam.
7	Quản lý rủi ro hoạt động hướng đến tương lai	Đang vận hành thực tế	- Triển khai mô hình QLRR hoạt động hiện đại cùng với các công cụ giúp nhận diện, đo lường, giám sát và quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả, chủ động nắm bắt các dấu hiệu cảnh báo rủi ro sớm để có biện pháp quản trị rủi ro hoạt động kịp thời, lan tỏa văn hóa quản lý rủi ro tới toàn hệ thống Ngân hàng... từ đó trở thành thành điểm đến tin cậy của các nhà đầu tư và khách hàng
8	Cải tiến danh mục sản phẩm Quản lý tài sản và Banca	Đã đưa vào hoạt động Trung tâm Khách hàng ưu tiên	- Danh mục sản phẩm dành cho Khách hàng ưu tiên không chỉ là những sản phẩm ngân hàng truyền thống, mà còn bao gồm các sản phẩm có tính sinh lời cao, rủi ro kiểm soát được nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm và cung cấp cho khách hàng những giải pháp tài chính cho đầu tư, tích lũy và bảo hiểm.
9	Chương trình mở rộng	Triển khai toàn	- HDBank phát triển mạng lưới cộng

	ngân hàng nông thôn	hàng trong Quý IV/2024	tác viên tại khu vực nông thôn, thông qua ứng dụng trên điện thoại di động, đưa những sản phẩm ngân hàng đơn giản đến nhóm Khách hàng chưa được quan tâm đúng mức.
--	---------------------	------------------------	--

Nguồn: HDBank

8.6. Chiến lược kinh doanh

8.6.1. Mục tiêu phát triển chiến lược 2021 – 2025

HDBank đặt mục tiêu và tầm nhìn chiến lược trở thành ngân hàng hàng đầu về bán lẻ, SME và tiêu dùng, là một trong những tập đoàn tài chính ngân hàng lớn của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, đóng góp cho sự phát triển, hội nhập của thị trường tài chính toàn cầu, dựa trên 3 mục tiêu chính:

Ngân Hàng Số - Đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc.

Tài Chính Tiêu Dùng - Chú trọng phát triển HD SAISON trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng, đồng thời, hoàn thiện và thúc đẩy khai thác hiệu quả hệ sinh thái Tài chính – Hàng không – Bán lẻ – Tiêu dùng – Năng lượng – Viễn thông – Bất động sản, hướng đến mục tiêu phục vụ khoảng hơn 40 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế, mang đến lợi ích cao nhất cho cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên.

Ngân Hàng Xanh - Kiên định với chiến lược phát triển bền vững, tiếp tục phát triển mạnh ngân hàng Xanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế Xanh, vì sự phát triển của cộng đồng, môi trường, tương lai bền vững của Việt Nam.

8.6.2. Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2024

• Mục tiêu 1 - Hiệu quả hoạt động gắn liền Chiến lược 5 năm

- ✓ Triển khai các chương trình chuyển đổi chiến lược phù hợp với các mục tiêu phát triển cho giai đoạn 2024 - 2025.
- ✓ Phương án kinh doanh thích ứng linh hoạt với diễn biến thị trường và chính sách điều hành của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, nắm bắt cơ hội để phát triển đột phá nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tài sản và an toàn hoạt động.
- ✓ Đẩy mạnh huy động vốn cấp 1, vốn cấp 2 theo nhu cầu vốn dự kiến cho các chiến lược kinh doanh trong năm 2024. Kiên định thực thi chương trình hành động CASA để cải thiện mạnh mẽ tỷ lệ CASA, trung hòa chi phí vốn.

• Mục tiêu 2 - Khách hàng và kênh phân phối

- ✓ Tập trung xây dựng và hoàn thiện các hành trình khách hàng (CJs-Customer Journeys) như là chương trình chuyển đổi chiến lược trọng tâm.

- ✓ Chú trọng phát triển khách hàng mới song song với đánh thức nguồn khách hàng tiềm năng thông qua các chương trình kích hoạt và nền tảng loyalty SkyJoy; đẩy mạnh khai thác tài trợ chuỗi và ưu tiên kết nối, liên kết các đối tác nền tảng có hệ sinh thái rộng theo hướng tiếp cận của Ngân hàng đối tác (Partnership Banking) và Tài trợ chuỗi (Value Chain Financing – VCF).
- ✓ Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, Website HDBank mới theo tư duy E-Commerce hát triển khách hàng trên ứng dụng/App của đối tác liên kết có nền tảng khách hàng lớn; Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các chương trình Marketing số; Triển khai từng bước mô hình kinh doanh Kiosk Bank gắn liền với quảng bá thương hiệu.
- ✓ Kiện toàn, tối ưu hoá mạng lưới hoạt động, tiếp tục nâng tầm quy mô và hiệu quả hoạt động của các Chi nhánh, Phòng giao dịch, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững. Thành lập Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp mới theo đúng tiến độ. Chuyển đổi và kiện toàn Priority Banking và dịch vụ khách hàng tại quầy.
- **Mục tiêu 3 – Sản phẩm dịch vụ**
 - ✓ Chính sách tín dụng theo gói Combo để thâm nhập khách hàng và bán trọn gói sản phẩm dịch vụ, gia tăng hiệu quả khai thác.
 - ✓ Đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện, gia tăng tiện ích, trải nghiệm và bảo mật cho khách hàng.
 - ✓ Làm mới lại mạng Banca và đẩy mạnh dịch vụ ngân hàng đầu tư cho Priority Banking.
 - ✓ Tích hợp các sản phẩm lên ứng dụng để số hóa các giao dịch truyền thống, đưa các sản phẩm đến gần hơn với các vùng kinh tế nông nghiệp nông thôn với các tính năng tự động “one - click” thuận tiện và dễ dàng sử dụng.
 - ✓ Phát triển các tính năng, dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để tăng sự hài lòng của khách hàng.
 - ✓ Triển khai chính thức Ngân hàng số Vikki đến khách hàng.
 - ✓ Đẩy mạnh triển khai OneCredit và OnePayroll về tín dụng và OneClick (về dịch vụ) như dòng sản phẩm thương hiệu HDBank.
- **Mục tiêu 4 – Văn hóa và thương hiệu**
 - ✓ Triển khai các hành trình văn hóa. Cùng cổ các giá trị cốt lõi của văn hóa HDBank.
 - ✓ Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ và kiểm soát rủi ro trong hoạt động và văn hóa học hỏi sáng tạo, nâng cao và cụ thể hóa trách nhiệm người đứng đầu.
 - ✓ Xây dựng một văn hóa “Thực thi” có tinh cam kết cao, gắn liền với kết quả và tương thưởng xứng đáng.
 - ✓ Phát huy môi trường làm việc cởi mở, thân thiện, gắn kết và hỗ trợ giữa các cấp, đón nhận các phản biện chân thành, xây dựng để phát huy trí tuệ tập thể. Đảm bảo văn hóa doanh nghiệp đi vào đời sống, trở thành văn hóa ứng xử đặc trưng.

- ✓ Nâng cao nhận diện thương hiệu HDBank tại các trụ sở đơn vị kinh doanh, bao gồm Kiosk Bank, trở thành ngân hàng có độ nhận diện thương hiệu và sức khỏe thương hiệu thuộc Top dẫn đầu các ngân hàng thương mại cổ phần.
- **Mục tiêu 5 – Cổ phiếu HDB**
 - ✓ Nâng cao giá trị vốn hóa và vị thế của HDBank trên thị trường chứng khoán.
 - Giá trị vốn hóa HDBank biến động tích cực hơn mức bình quân của ngành Ngân hàng và chỉ VN30, tăng hạng so với năm 2023, phần đầu tăng trưởng 35%.
 - HDBank tiếp tục được chọn trong chỉ VN30, VN Diamond, VNSI và đạt các giải thưởng lớn dành cho công ty niêm yết.
 - ✓ Công tác quan hệ nhà đầu tư và thị trường chứng khoán.
 - Tăng cường thu hút nhà đầu tư trong nước và quốc tế.
 - Triển khai hiệu quả công tác tiếp xúc trực tiếp nhà đầu tư quốc tế.
 - Chuẩn bị tốt cho kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.
- **Mục tiêu 6 – Triển khai chiến lược phát triển xanh, tài chính bền vững, thực hành môi trường – xã hội – quản trị (ESG)**
 - ✓ Xây dựng chiến lược và quản trị ESG toàn hàng; Báo cáo và công bố thông tin ESG.
 - ✓ Quản lý rủi ro ESG: Tăng cường đào tạo nội bộ, kiểm soát rủi ro ESG trong hoạt động vận hành và kinh doanh.
 - ✓ Tiếp tục nâng cấp khung tín dụng xanh, phát triển sản phẩm tài chính bền vững.
 - ✓ Thúc đẩy và mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, định chế tài chính, và các cơ quan Bộ ngành trong nước để thúc đẩy tín dụng xanh, tài chính bền vững,... hướng đến mục tiêu Ngân hàng phát thải ròng bằng 0 (Net Zero Bank).

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên:

Tại thời điểm ngày 30/09/2024, HDBank có 01 cổ đông lớn là tổ chức, chi tiết như sau:

Tên cổ đông lớn	Công ty Cổ phần Sovico
Năm thành lập:	2008
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Giấy đăng ký kinh doanh số 0103028102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2008, và các lần thay đổi
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính:	Phòng 1102, Tầng 11, Tòa Nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng)
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm

	Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại HDBank:	Không có
Số lượng cổ phần của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank:	417.744.361 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 14,2690% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của Người có liên quan của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank:	- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo, Người quản lý Công ty mẹ, sở hữu 108.961.173 cổ phần, tương ứng 3,7218% vốn điều lệ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico, Công ty mẹ, sở hữu 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn điều lệ - Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, sở hữu 34.981.640 cổ phần, tương ứng 1,1949% vốn điều lệ - Ông Nguyễn Cảnh Sơn, Người quản lý, sở hữu 889.452 cổ phần, tương ứng 0,0304% vốn điều lệ - Ông Chu Việt Cường, Người quản lý, sở hữu 296.483 cổ phần, tương ứng 0,0101% vốn điều lệ - Ông Nguyễn Xuân Đại, Người quản lý, sở hữu 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn điều lệ
Lợi ích liên quan đối với HDBank:	- Hợp đồng, giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa đại diện theo ủy quyền của Cổ đông lớn và người có liên quan của họ với HDBank: Không có - Không có lợi ích mâu thuẫn với HDBank

Nguồn: HDBank

10. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

10.1. Danh sách thành viên HĐQT

Bảng 35: Danh sách Thành viên HĐQT (*)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Kim Byounggho	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT độc lập
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
3	Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT

4	Ông Nguyễn Thành Đồ	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Ông Lê Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Phạm Quốc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Nguồn: HDBank

(*) Ngày 12/12/2024, Hội đồng Quản trị HDBank đã thông qua Đơn từ nhiệm của Thành viên HĐQT là Ông Nguyễn Hữu Đông tại Nghị quyết số 434/2024/NQ-HĐQT. HDBank đang tiến hành thủ tục họp ĐHĐCĐ bất thường để thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT này.

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

10.1.1. Ông Kim Byounggho – Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trường Kinh doanh Haas, Đại học California, Berkeley, Hoa Kỳ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 - nay	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2022 - nay	Thành viên HĐQT độc lập	SK Inc. (Hàn Quốc)
Từ 2018 – 2019	Thành viên Ủy ban Cố vấn cấp cao	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2015 - 2018	Phó Chủ tịch HĐQT	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 2014 – 2015	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2009 – 2014	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp/ Giám đốc Marketing/ Phó Chủ tịch	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2005 – 2009	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Nguồn vốn/ Giám đốc chiến lược/ Phó Chủ tịch	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 1991 – 2005	Giám đốc Khối Kế hoạch Chiến lược/ Giám đốc Chi nhánh New York	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 1988 – 1991	Giám đốc Quan hệ Khách hàng	First National Bank of Chicago (Hoa Kỳ)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
5.177	14.589	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân lá thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.2. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân tài chính và tín dụng – Học viện kinh doanh Quốc tế Matxcova – Liên bang Nga
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2003 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2015 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 04/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2007 – 04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny
Từ 2020 – 2023	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH GalaxyOne
Từ 11/2013 – 05/2015	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Finance)
Năm 2006	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Năm 2005	Cổ đông, Sáng lập viên	Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)
Từ 1992 – 2021	Phó Chủ tịch, Chủ tịch điều hành, Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sovico

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 30/09/2024: 108.961.173 cổ phần, tương ứng 3,7218% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: 418.633.813 cổ phần, tương ứng 14,3975% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.851	2.910	1.300.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.3. Ông Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1960

- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế – Đại học New England (Úc)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Từ 2010 – 05/2023	Chủ tịch Ban đại diện	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam VFMVF1 (Nay là Quỹ Đầu tư Chứng khoán Năng động DC)
Từ 2011 – 2020	Giám đốc Điều hành	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2008 – 2009	Giám đốc	Công ty Cổ phần Sovico
Từ 2006 – 2008	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Năm 2006	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 1995 – 2006	Giám đốc chiến lược	Ngân hàng HSBC (Việt Nam)
Năm 1995	Giám đốc	Ngân hàng Vietcombank
Từ 1988 – 1995	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CCL Sài Gòn (thuộc Saigon Tourist)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 30/09/2024: 8.579.363 cổ phần, tương ứng 0,2930% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.027	755	240.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức

			của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ
--	--	--	--

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.4. Ông Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1954
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ ngành Tài chính Ngân hàng – Đại học Tài chính Matxcova – Liên Xô
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 04/2022	Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT Độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 08/2020 - nay	Thành viên Hội đồng trường	Trường Đại học Hòa Bình
Từ 2009 – 2014	Cục trưởng Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1993 – 2009	Phó vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1991 – 1993	Trưởng phòng Thư ký Đoàn Văn phòng Bộ	Bộ Tài chính
Từ 1986 – 1991	Chuyên viên Ban Thư ký	Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) – Matxcova
Từ 1983 – 1986	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vụ Ngân sách Nhà nước	Bộ Tài chính
Từ 1981 – 1983	Cán bộ Vụ Tài vụ công nghiệp nặng	Bộ Tài chính
Từ 1977 – 1981	Giảng viên	Trường Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 30/09/2024: 270.000 cổ phần, tương ứng 0,0092% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: 88.944 cổ phần, tương ứng 0,0030% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.227	1.870	270.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có.

10.1.5. Ông Lê Mạnh Dũng – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1975
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trung tâm Pháp – Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2022 – nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – nay	Đại diện tại Việt Nam	Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG)
Từ 2007 – 2012	Giám đốc Đầu tư	Mekong Capital
Từ 2005 - 2007	Giám đốc nhóm tư vấn định chế tài chính	Citi Capital Partners
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Tín dụng	Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Hà Nội

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.171	1.393	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có.

10.1.6. Ông Phạm Quốc Thanh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2023 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 04/2023	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2013 – 04/2020	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 07/2022 – nay	Thành viên Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 01/2012 – 02/2013	Giám đốc Khối CIB miền Nam	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2007 – 12/2011	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 01/2006 – 03/2007	Giám đốc Chi nhánh Bình Tây	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 09/1995 – 12/2005	Trưởng phòng tín dụng	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Từ 01/1994 – 08/1995	Nhân viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Từ 06/1993 – 12/1993	Nhân viên kế toán	Công ty May Việt Tiến

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 16/12/2024: 6.786.525 cổ phần, tương ứng 0,2318% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 16/12/2024: 83 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản (*)		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.174	3.341	1.200.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

(*) Thù lao cơ bản bao gồm bao gồm thù lao Thành viên HĐQT và thù lao Tổng Giám đốc.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2. Danh Sách BKS**Bảng 36: Danh sách Thành viên BKS**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Duy Tường	Trưởng BKS
2	Đường Thị Thu	Thành viên BKS
3	Bùi Thị Kiều Oanh	Thành viên BKS
4	Nguyễn Lê Hiếu	Thành viên BKS

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

10.2.1. Ông Đào Duy Tường – Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2010 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Kế toán trưởng	Công ty CP Đầu tư Sóng Việt
Từ 2007 – 2008	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Công ty XNK Nhà Bè
Từ 2004 – 2007	Kế toán trưởng	Công ty CP ĐT XD & PT hạ tầng Phú An
Từ 1997 – 2004	Kế toán trưởng	Xi nghiệp 347, Công ty Sông Hồng - Bộ Quốc phòng

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 79.784.988 cổ phần, tương ứng 2,7252% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 4.836.661 cổ phần, tương ứng 0,1652% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
3.227	4.632	75.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.2. Bà Đường Thị Thu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Học viện Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2020 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2014 – 2020	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2012 – 2014	Trưởng Kiểm toán Nội bộ Khu vực phía Bắc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2006 – 2012	Kiểm toán viên Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2002 – 2005	Giảng viên	Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 30.833 cổ phần, tương ứng 0,0011% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.463	1.334	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.3. Bà Bùi Thị Kiều Oanh – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – ĐH DL Thăng Long, Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2019 – 03/2022	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2016 – 2019	Phó giám đốc Phụ trách khối KHCN	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 2014 – 2016	Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phòng Giao dịch An Đông	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 2010 – 2014	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank)
Từ 2003 – 2010	Kiểm soát viên Tín dụng – Chi nhánh Hải Phòng/ Chi nhánh Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.513	1.286	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.4. Ông Nguyễn Lê Hiếu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1986
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ, chuyên ngành Kinh tế Phát triển – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2022 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2011 – nay	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê Gia Phát
Từ 2020 – 2021	Thành viên đội triển khai Basel	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
Từ 2019 – 2020	Nhân viên phòng Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ	Công ty CP Tập đoàn Sovico
Từ 2016 – 2019	Trưởng Kiểm toán Nội bộ khu vực	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Năm 2015	Giám đốc Phòng giao dịch Chánh Hưng (tên cũ PGD Cao Thắng), Chi nhánh An Đông	Ngân hàng TMCP Nam Á (NamABank)
Từ 2014 – 2015	Trưởng kiểm toán nội bộ khu vực Đông Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – 2014	Kiểm toán viên nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 – 2013	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 2009 – 2010	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 711.563 cổ phần, tương ứng 0,0243% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.229	1.204	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có.

10.3. Danh Sách Ban TGD, Giám Đốc Tài Chính Và Kế Toán Trưởng

Bảng 37: Danh sách Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng (*)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Quốc Thanh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc

3	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Đăng Thanh	Phó Tổng Giám đốc
6	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
7	Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc
8	Nguyễn Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
9	Trần Xuân Huy	Phó Tổng Giám đốc
10	Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính
11	Hồ Đăng Hoàng Quyền	Kế toán Trưởng

Nguồn: HDBank

(*) Ngày 16/12/2024, Hội đồng Quản trị HDBank đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Lê Thành Trung tại Quyết định số 439/2024/QĐ-HDQT.

Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng:

10.3.1. Ông Phạm Quốc Thanh - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem tại thông tin Thành viên HĐQT

10.3.2. Ông Nguyễn Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội, Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Hàng Hải Việt Nam
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2000 – 2009	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)
Từ 1995 - 2000	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1994 - 1995	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 - 1994	Trưởng phòng Khách	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	hàng cá nhân	– Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 - 11/1992	Nhân viên	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1985 - 1992	Giảng viên	Đại học Hàng Hải

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 967.556 cổ phần, tương ứng 0,0330% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 10.379 cổ phần, tương ứng 0,0004% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.180	1.875	800.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có.

10.3.3. Ông Lê Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Lãnh đạo

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1971
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – The International Business School of Scandinavia
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Lãnh đạo	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2009 - 2015	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
		Minh (HDBank)
Từ 2002 - 2009	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 1998 - 2002	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 1996 - 1998	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương
Từ 1993 - 1996	Chuyên viên	Công ty tài chính Seaprodex

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 1.036.543 cổ phần, tương ứng 0,0354% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.569	1.464	770.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.4. Ông Nguyễn Văn Hào - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tiếng Anh – Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội; Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 - 11/2020	Thành viên HĐQT	Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương
Từ 07/2020 - 09/2020	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 04/2018 - 07/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 06/2017 - 07/2020	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 03/2017 - 06/2017	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 09/2016 - 02/2017	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2016 - 08/2016	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 11/2015 - 04/2016	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 08/2015 - 10/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2011 - 07/2015	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2009 - 04/2011	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 08/2007 - 11/2009	Giám đốc Tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2000 - 07/2007	Trưởng phòng kế toán và hệ thống	The bank of Tokyo Mitsubishi UFJ - Chi nhánh Hà Nội
Từ 12/1997 - 11/2000	Trưởng phòng kế toán; Kế toán trưởng	Công ty phát triển tin học, công nghệ và môi trường - Công ty thành viên của Tổng Công ty Than Việt Nam
Từ 06/1997 - 11/1997	Nhân viên	Công ty kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán Sài Gòn

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 934.000 cổ

phần, tương ứng 0,0319% vốn cổ phần

- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.141	1.681	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.5. Ông Nguyễn Đăng Thanh - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kinh doanh tiền tệ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 09/07/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2019 - 10/2019	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
Từ 01/2018 - 01/2019	Tổng Giám đốc	Công ty CP Phát triển Đô thị Đồng Dương
Từ 07/2016 - 12/2017	Phó Tổng Giám đốc, Tổng	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	Giám đốc	Tin (Vietbank)
Từ 04/2012 - 05/2016	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Kinh doanh miền Nam, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 01/2000 - 04/2012	Chuyên Viên R&D, Giám đốc Marketing kiêm Giám đốc Nhân sự, Giám đốc Trung tâm thẻ, Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 750.000 cổ phần, tương ứng 0,0256% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.858	1.900	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.6. Ông Trần Hoài Nam - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1965
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội; Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công nghiệp – Viện Công nghệ Châu Á

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2018 - nay	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
Từ 02/2012 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 - 10/2023	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí
Từ 05/2015 - 12/2021	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet
Từ 09/2007 - 02/2012	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)
Từ 02/1996 - 09/2007	Giám Đốc Quan hệ Khách hàng Cao cấp	Ngân hàng Citibank Việt Nam (Citibank)
Từ 08/1987 - 01/1996	Trưởng phòng	Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng/ Bộ Khoa học Công nghệ

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 2.974.964 cổ phần, tương ứng 0,1016% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 7.043 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.054	1.633	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.7. Ông Trần Thái Hòa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam

- Năm sinh: 1968
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Xây dựng cơ bản, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 - 2015	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 2008 - 2010	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 1995 - 2008	Chuyên viên	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Từ 1991 - 1994	Kinh doanh	

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 720.000 cổ phần, tương ứng 0,0246% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1,347	1,221	720.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.8. Ông Nguyễn Cảnh Vinh - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam

- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Trường đại học Xây dựng Hà Nội; Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Latrobe - Australia
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 03/2023 – nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
Từ 11/2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 10/2021 – 02/2022	Phó Chủ nhiệm Ủy ban chuyển đổi và Ngân hàng số kiêm thành viên Ủy ban quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 05/2019 – 09/2021	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
Từ 04/2018 – 05/2019	Phó Tổng Giám đốc thương trực	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
Từ 09/2017 – 02/2018	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeAbank)
Từ 03/2017 – 05/2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (Techcombank AMC)	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 11/2014 – 02/2017	Giám đốc Khối ngân hàng bán buôn	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 02/2011- 10/2014	Giám đốc Khối bán hàng và kênh phân phối	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 10/2009 – 01/2011	Giám đốc Vùng Bắc bộ và Đông Bắc bộ	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 03/2008 – 09/2009	Giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 10/2007 – 02/2008	Quyền Giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 03/2007 – 09/2007	Phó Giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 08/2006 – 02/2007	Tổ trưởng tổ phát triển khách hàng doanh nghiệp lớn	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 12/2005 – 07/2006	Chuyên viên tái thẩm định cao cấp	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 05/2004 – 11/2005	Quyển Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 04/2004 – 05/2004	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 02/2001 – 03/2004	Trưởng phòng kinh doanh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 10/1996 – 04/2000	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 07/1996 – 10/1998	Giảng viên	Đại học Xây dựng Hà Nội

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.601	3.080	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có.

10.3.9. Ông Trần Xuân Huy – Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị

- Quốc tịch: Việt Nam

- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Kiểm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2023 – 10/2023	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)
Từ 01/2016 - 03/2023	Giám đốc Chiến lược và phát triển	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2015 – 12/2015	Cố vấn chiến lược	Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)
Từ 01/2014 – 12/2014	Cố vấn chiến lược	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 06/2012 – 04/2013	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 07/2007 – 06/2012	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 02/2007 – 07/2007	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 10/2006 – 01/2007	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 11/2003 – 10/2006	Thư ký HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 2000 – 2003	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 325 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại

HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
806	3.268	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.10. Ông Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 08/2023 – nay	Giám đốc Tài chính kiêm Giám đốc Khôi Nhân sự	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 09/2009 – 08/2023	Giám đốc Tài chính	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 06/2021	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần hàng không Vietjet
Từ 08/2008 - 09/2009	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2008 - 08/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 03/2005 - 03/2008	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2002 - 02/2005	Phó phòng kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 - 2002	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 1995 - 1999	Chuyên viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Đệ Nhất

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 126.266.467 cổ phần, tương ứng 4,3129% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 689.300 cổ phần, tương ứng 0,0235% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của Giám đốc Tài chính được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.359	1.433	800.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.11. Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên – Kế toán Trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2011 - nay	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 -07/2011	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 12/2006 -01/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Phú

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
		Thọ
Từ 11/2004 -12/2006	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Lãnh Bình Thăng
Từ 06/2004 -11/2004	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2004 - 06/2004	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 02/1998 - 03/2004	Thanh toán viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 559.856 cổ phần, tương ứng 0,0191% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 của Kế toán trưởng được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.038	879	400.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

11. Chính sách chi trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức của HDBank được quy định tại Điều lệ của HDBank, cụ thể dựa trên các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp

thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các Cổ đông tại ĐHĐCĐ.

Bảng 38: Tình hình chi trả cổ tức của HDBank giai đoạn 2022 - 2023

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Hình thức chi trả
2022	25%	10% Tiền mặt và 15% Cổ phiếu
2023	30%	10% Tiền mặt và 20% Cổ phiếu

Nguồn: HDBank

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

HDBank thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi các trái phiếu đến hạn trong 03 (ba) năm liền trước năm đăng ký chào bán và không có nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm 31/10/2024, số dư trái phiếu HDBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 51.261 tỷ Đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 5.000 tỷ Đồng
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 46.261 tỷ Đồng

Bảng 39: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2022*	Giá trị tại 31/12/2023*	Giá trị tại 31/10/2024*
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	10.473	19.539	30.461
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	19.450	9.800	17.300
	Từ 5 năm trở lên	3.500	3.500	3.500
Tổng		33.423	32.839	51.261

(*) Giá trị trái phiếu được tính theo mệnh giá

Nguồn: HDBank

13.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất**Bảng 40: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 30/09/2024***Đơn vị: tỷ Đồng*

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí các hợp đồng thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của HDBank (từ 01/01/2024 đến 30/09/2024)	264
2	Bất động sản là tài sản HDBank đang sở hữu đến 30/09/2024	1.255
	a) Nhà cửa (nguyên giá)	548
	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	707

*Nguồn: HDBank***13.3. Các cam kết chưa thực hiện khác****Bảng 41: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 30/09/2024 (Hợp nhất)**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	809
2	Cam kết giao dịch hối đoái	211.766
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>1.566</i>
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	<i>3.982</i>
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	<i>206.218</i>
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	12.439
4	Bảo lãnh khác	17.812
5	Các cam kết khác	10.201

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.13.3 nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, các vụ tranh chấp, kiện tụng mà HDBank tham gia chủ yếu là với tư cách nguyên đơn trong các vụ khởi kiện khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với HDBank nhằm thu hồi nợ và hầu hết HDBank đều bảo toàn được vốn vay với các khoản khởi kiện này. Ngoài ra, HDBank cũng tham gia một số vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các vụ án dân sự, hình sự của khách hàng vay của HDBank với tổ chức, cá nhân khác, và hầu hết các vụ án này HDBank đều kiểm soát và đảm bảo được quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ngân hàng... Do vậy, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của HDBank, các vụ tranh chấp, kiện tụng này không ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, các Đợt chào bán và việc sử dụng vốn thu được từ các Đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Bảng 42: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024	9T/2024
Tổng giá trị tài sản	404.276	589.986	45,94%	612.765	617.102
Vốn chủ sở hữu	36.122	43.752	21,12%	49.697	50.189
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.274	47.041	66,38%	25.638	38.346
Thu nhập lãi thuần	13.381	17.305	29,33%	12.242	18.635
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.196	1.348	-38,62%	128	307
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	704	243,41%	481	622
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	147,06%	-79	63
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	272,84%	15	-73
Lãi thuần từ hoạt động khác	181	-89	-149,17%	-6	66
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	384	7,56%	-	-
Tổng thu nhập hoạt động	16.649	20.860	25,29%	12.780	19.619
Chi phí hoạt động	6.476	6.834	5,53%	4.328	6.689

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024	9T/2024
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.173	14.026	37,87%	8.452	12.930
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	698	1.290	84,81%	888	1.204
Lợi nhuận trước thuế	9.475	12.736	34,42%	7.564	11.727
Lợi nhuận sau thuế	7.649	10.186	33,17%	5.984	9.264
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	23,75%	25,50%	7,37%	25,62%	26,30%
Tỷ lệ trả cổ tức	25,00%	30,00%	20,00%	n/a	n/a

Nguồn: HDBank

Bảng 43: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024	9T/2024
Tổng giá trị tài sản	416.273	602.315	44,69%	624.443	629.569
Vốn chủ sở hữu	38.995	46.400	18,99%	52.826	53.584
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	33.323	52.641	57,97%	28.624	42.846
Thu nhập lãi thuần	18.012	22.184	23,16%	14.880	22.654
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.957	2.188	-26,01%	581	993
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	565	321,64%	485	609
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	147,06%	-79	63
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	272,84%	15	-73
Lãi thuần từ hoạt động khác	528	259	-50,95%	162	312
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	9	28,57%	-	22
Tổng thu nhập hoạt động	21.967	26.413	20,24%	16.045	24.580
Chi phí hoạt động	8.631	9.129	5,77%	5.484	8.435

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13.336	17.284	29,60%	10.561	16.145
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.068	4.268	39,11%	2.396	3.490
Lợi nhuận trước thuế	10.268	13.017	26,77%	8.165	12.655
Lợi nhuận sau thuế	8.209	10.336	25,91%	6.465	10.011
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	23,53%	24,21%	2,89%	26,06%	26,70%
Tỷ lệ trả cổ tức	25,00%	30,00%	20,00%	n/a	n/a

Nguồn: HDBank

Năm 2022, HDBank đã hoàn thành toàn bộ các mục tiêu kinh doanh, với kết quả ấn tượng của một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau: Theo báo cáo tài chính hợp nhất, tổng tài sản đạt 416.273 tỷ VND, tăng 11,1% so với cuối năm 2021; Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 38.995 tỷ VND, tăng 26,6% so với cuối năm 2021. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ với lợi nhuận sau thuế đạt 8.209 tỷ VND, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 27,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Kết thúc năm 2023, HDBank đã hoàn thành 98,6% kế hoạch lợi nhuận hợp nhất và 103,4% kế hoạch riêng lẻ và các chỉ tiêu tài chính cơ bản khác vượt kế hoạch chiến lược và cam kết với nhà đầu tư. Một số điểm nổi bật như sau: Tổng tài sản của HDBank tại 31/12/2023 theo BCTC hợp nhất đạt 602.315 tỷ VND, tăng 44,69% so với thời điểm cuối năm 2022 và vượt 15,8% so với kế hoạch; Quy mô vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023 đạt 46.400 tỷ VND, tăng 18,99% so với thời điểm cuối năm 2022. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ với Lợi nhuận sau thuế trong năm 2023 đạt 10.336 tỷ VND, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 25,91% so với cùng kỳ năm 2022.

Lợi nhuận năm 2023 của HDBank đạt kết quả tích cực là nhờ: Thu nhập lãi thuần đạt 22.184 tỷ đồng, tăng 23,16% so với cuối năm 2022, hoạt động kinh doanh mua bán chứng khoán đầu tư và hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2022, lần lượt tăng 272,8% và 321,6%.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của HDBank đạt 24.580 tỷ đồng, tăng 35,4% so với cùng kỳ năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 12.655 tỷ đồng, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, HDBank tiếp tục duy trì vị thế một trong các ngân hàng hiệu quả trong ngành, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt tới 26,7%.

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Cơ cấu lãi thuần hợp nhất của HDBank năm 2023 bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần

và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, Thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 84%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ như: nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ; nghiệp vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm...) giảm 26% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm tỷ trọng 8,28%. Trong 9 tháng đầu năm 2024 theo báo cáo tài chính hợp nhất, tỷ trọng thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt lần lượt 92,16% và 4,04%.

Bảng 44: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	13.381	80,37%	17.305	82,96%	29,33%	18.635	94,98%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.196	13,19%	1.348	6,46%	-38,62%	307	1,56%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	1,23%	704	3,38%	243,41%	622	3,17%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	17	0,10%	42	0,20%	147,06%	63	0,32%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1,88%	1.167	5,59%	272,84%	-73	-0,37%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	2,14%	384	1,84%	7,56%	0	0,00%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	181	1,09%	-89	-0,43%	-149,17%	66	0,34%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	16.650	100,00%	20.861	100,00%	25,29%	19.620	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 45: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	18.012	81,99%	22.184	83,99%	23,16%	22.654	92,16%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.957	13,46%	2.188	8,28%	-26,01%	993	4,04%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	0,61%	565	2,14%	321,64%	609	2,48%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	17	0,08%	42	0,16%	147,06%	63	0,26%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1,43%	1.167	4,42%	272,84%	-73	-0,30%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	0,03%	9	0,03%	28,57%	22	0,09%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	528	2,40%	259	0,98%	-50,95%	312	1,27%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	21.968	100,00%	26.414	100,00%	20,24%	24.580	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng**Bảng 46: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)**

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9T/2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	14.893	29.736	99,66%	19.711
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52,67%	63,21%		51,40%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	351	640	82,56%	1.338
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	13,77%	32,19%		81,34%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	6.476	6.834	5,53%	6.689

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9T/2024
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	38,90%	32,76%		34,09%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	698	1.290	84,81%	1.204
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6,86%	9,20%		9,31%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần)

Bảng 47: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9T/2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	15.312	30.457	98,91%	20.192
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	45,95%	57,86%		47,13%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	352	642	82,39%	1.341
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	10,64%	22,68%		57,43%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	8.631	9.129	5,77%	8.435
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	39,29%	34,56%		34,32%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.068	4.268	39,11%	3.490
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	23,01%	24,69%		21,62%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần)

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của HDBank, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm 62,90% chi phí hoạt động năm 2022 và 56,20% chi phí hoạt động trong năm 2023; chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 10,35% năm 2022 và 10,92% năm 2023; chi phí hoa hồng cho đại lý có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động lần lượt là 6,11% năm 2022 và 6,55% trong năm 2023.

Trong 9 tháng đầu năm 2024 theo số liệu hợp nhất, tổng chi phí hoạt động của HDBank tăng 29,79% so với cùng kỳ năm trước, ở mức 8.435 tỷ đồng. Trong đó, chi phí nhân viên vẫn là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 58,13% trên tổng chi phí hoạt động; chi về tài sản và chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi lần lượt chiếm tỷ trọng là 9,61% và 6,14%.

Bảng 48: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	4.123	63,67%	3.682	53,88%	-10,70%	3.713	55,51%
Chi về tài sản	797	12,31%	896	13,11%	12,42%	726	10,85%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	0	0	0	0	n/a	0	0
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	316	4,88%	452	6,61%	43,04%	301	4,50%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	326	5,03%	591	8,65%	81,29%	485	7,25%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	162	2,50%	285	4,17%	75,93%	316	4,72%
Chi phí hoạt động khác	752	11,61%	928	13,58%	23,40%	1.148	17,16%
Tổng chi phí hoạt động	6.476	100,00%	6.834	100,00%	5,53%	6.689	100,00%

Nguồn: HDBank

Bảng 49: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	5.429	62,90%	5.130	56,20%	-5,51%	4.903	58,13%
Chi về tài sản	893	10,35%	997	10,92%	11,65%	811	9,61%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	527	6,11%	598	6,55%	13,47%	315	3,73%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	325	3,77%	466	5,10%	43,38%	316	3,75%

Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	343	3,97%	603	6,61%	75,80%	518	6,14%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	162	1,88%	285	3,12%	75,93%	316	3,75%
Chi phí hoạt động khác	952	11,03%	1.050	11,50%	10,29%	1.256	14,89%
Tổng chi phí hoạt động	8.631	100,00%	9.129	100,00%	5,77%	8.435	100,00%

Nguồn: HDBank

c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:

Chi tiết được trình bày tại Mục 3 Phần V của Bản cáo bạch này.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

1.2.1 Những nhân tố thuận lợi

- Định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Ban lãnh đạo, HDBank đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường, trở thành ngân hàng có độ nhận diện thương hiệu và sức khỏe thương hiệu thuộc Top dẫn đầu các Ngân hàng Thương mại Cổ phần;
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mới được triển khai hoạt động mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng;
- HDBank đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc;
- HDBank đã linh hoạt đưa ra các phương án, sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của khách hàng, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do những tác động của nền kinh tế. Nhờ đó, HDBank đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả hoàn thành tốt kế hoạch năm 2022, tăng trưởng cao cả về quy mô và chất lượng.
- Trong năm 2023 ngân hàng đã và đang tăng tốc số hóa toàn diện từ quy trình vận hành, báo cáo, quản trị, đến số hóa các hành trình khách hàng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng;
- HDBank kiên định chiến lược phát triển bền vững, tập trung cho bán lẻ và số hóa gắn với nỗ

lực nâng cao trải nghiệm và giá trị cho khách hàng, và là một trong những Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng nhanh trong nhiều năm qua. Đồng thời, HDBank cũng đặt ra cho mình những trách nhiệm cụ thể hướng tới mục tiêu “phát triển bền vững”. Các mục tiêu chiến lược của HDBank được cụ thể hóa thành các sáng kiến chiến lược và các hành trình. Đến nay, các sáng kiến đã dần đưa vào vận hành góp phần tạo nền tảng vững chắc, tạo đà cho HDBank tiến gần đến kết quả mục tiêu 5 năm vào năm 2025.

1.2.2 Những yếu tố bất lợi

- Tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm 2023 ở mức thấp hơn so với năm 2022 do tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt tại phần lớn các quốc gia trên thế giới nhằm kiểm chế lạm phát, tổng cầu phục hồi yếu, những bất ổn về địa chính trị có xu hướng gia tăng, và sự thiếu ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Tăng trưởng tín dụng chưa cao và ngày càng khó khăn do cạnh tranh của hệ thống và các doanh nghiệp thu hẹp kinh doanh;
- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi;
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay... tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

1.2.3 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2024, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2023, nhiều tổ chức quốc tế có uy tín đánh giá cao kết quả và triển vọng của nền kinh tế nước ta và dự báo Việt Nam sẽ phục hồi nhanh trong thời gian tới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2023, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng TOP đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận

lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Hoạt động ngành nghề đặc thù, ngoài các khoản cho vay tín dụng và tiền gửi của các bên liên quan (NHNN, TCTD khác và tiền gửi của khách hàng) thì Ngân hàng còn có một số công nợ phải thu và phải trả khác, chi tiết như sau:

Bảng 50: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Nợ phải thu	38.938	56.795	51.220
1	Các khoản phải thu	33.239	48.734	43.395
2	Các khoản lãi, phí phải thu	4.093	6.350	6.223
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	77	78
4	Tài sản cơ khác	1.620	1.680	1.571
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-46	-47	-47
II	Nợ phải trả	9.348	17.967	15.162
1	Các khoản lãi, phí phải trả	4.910	10.117	7.337
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	4.437	7.850	7.825

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 51: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Nợ phải thu	40.128	57.809	52.269
1	Các khoản phải thu	33.407	48.943	43.608

2	Các khoản lãi, phí phải thu	4.404	6.602	6.497
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	77	78
4	Tài sản có khác	2.332	2.233	2.133
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-46	-47	-47
II	Nợ phải trả	10.758	19.274	16.466
1	Các khoản lãi, phí phải trả	5.053	10.346	7.459
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	5.705	8.927	9.007

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 52: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/10/2024

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1926_03	1.000.000.000	Cố định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDB1924_05	663.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDB1924_06	1.500.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

4	HDB1924_07	1.500.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
II Năm 2020					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	Certificate No.1 (*)	758.400.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
2	Certificate No.2 (*)	1.643.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
3	Certificate No.3 (*)	1.643.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
4	HDB2025	1.500.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
III Năm 2021					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2125005	300.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành

3	HDBL2125010	400.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2125015	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBL2125017	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2125020	1.000.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBD2126019 (*)	4.171.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
IV Năm 2022					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2230001	180.000.000.000	Tha nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

3	HDBL2232004	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2232005	26.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBL2232009	34.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V Năm 2023					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2330001	2.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBL2330002	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBL2330003	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

4	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
7	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
8	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
9	HDBL2331009	420.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
VI	Năm 2024				
Trái phiếu ra công chúng					

1	HDBC7Y202301	3.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBC7Y202302	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBC7Y202303	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2427001	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2427007	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBL2427010	3.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2426011	2.000.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

5	HDBL2427013	500.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2427015	1.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBL2427016	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
8	HDBL2427018	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	HDBL2426019	900.000.000.000	Cổ định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thử Cấp của Tổ Chức Phát Hành
10	HDBL2431002	300.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
11	HDBL2431003	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

12	HDBL2432004	200.000.000.000	Cổ định	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
13	HDBL2432005	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
14	HDBL2432006	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
15	HDBL2432008	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
16	HDBL2431009	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
17	HDBL2431012	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
18	HDBL2432014	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

					của HDBank
19	HDBL2432017	1.000.000.000.000	Thả nội	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thử Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Tổng (=I+II+III+IV+V+VI)		51.260.663.000.000			

(*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ ra thị trường quốc tế, bằng đồng USD được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm 31/10/2024: USD/VND = 25.280

Nguồn: HDBank

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

HDBank thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước.

Bảng 53: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2022	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/09/2024
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.306	1.769	2.463	3.337	895
Thuế giá trị gia tăng	32	64	610	639	35
Thuế thu nhập cá nhân	90	20	458	456	22
Thuế nhà thầu	14	17	75	87	5
Khác	0	0	71	71	0
Tổng cộng	1.442	1.870	3.677	4.590	957

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 54: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2022	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/09/2024
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.338	1.821	2.645	3.509	957
Thuế giá trị gia tăng	38	71	662	692	41
Thuế thu nhập cá nhân	94	21	492	488	25
Thuế nhà thầu	14	17	77	88	6
Khác	0	0	71	71	0
Tổng	1.484	1.929	3.947	4.847	1.029

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

2.1.4. Trích lập các quỹ

HDBank thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

Theo quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình trích lập các quỹ từ LNST của HDBank như sau:

Bảng 55: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2022	Năm 2023
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	382	509
2	Quỹ dự phòng tái chính	765	1.019
3	Quỹ phúc lợi	10	10
4	Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	25	25
5	Trích quỹ công ty con (phần thuộc sở hữu của cổ đông HDBank)	67	38
Tổng cộng		1.249	1.601

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 và năm 2024 của HDBank về phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế của năm liền kề.

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2023 kết thúc trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát cao, thương mại toàn cầu sụt giảm, giá cả hàng hóa cơ bản biến động mạnh, xung đột địa chính trị ngân hàng trung ương nhiều nước tiếp tục neo giữ lãi suất điều hành ở mức cao. Trong bối cảnh lạm phát các nước lớn đều ở mức cao và đều áp dụng các biện pháp thắt chặt để kiểm chế lạm phát. Nhưng ở Việt Nam, NHNN đã chủ động điều hành chính sách tiền tệ, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế và đảm bảo sự phát triển an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng. Nhờ định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT HDBank và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Ban lãnh đạo, HDBank đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 56: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	25.303	29.076	29.076
Vốn tự có	tỷ Đồng	42.436	57.895	74.009
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	12,80%	12,21%	14,38%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,62%	6,56%	5,21%
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT11)	%	0,96%	1,10%	1,24%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	64,32%	57,47%	63,59%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	88,93%	86,84%	88,82%
3. Khả năng thanh khoản				
Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	12,95%	17,87%	18,51%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	9,90%	24,08%	20,55%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	76,56%	66,16%	71,90%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	29,42%	31,89%	33,29%

Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,46%	2,56%	2,59%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,97%	4,12%	4,85%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,99%	2,05%	2,05%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,75%	25,50%	26,30%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.041	3.521	3.203
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	13,19%	6,46%	1,57%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	23,17%	10,58%	2,62%

Nguồn: HDBank

Bảng 57: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	25.303	29.076	29.076
Vốn tự có	tỷ Đồng	46.666	61.900	79.509
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	13,42%	12,57%	14,80%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	4,47%	7,04%	5,64%
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT11)	%	1,27%	1,33%	1,46%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	65,50%	58,41%	64,17%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	89,38%	87,21%	89,15%
3. Khả năng thanh khoản				
Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	12,30%	17,24%	18,12%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	11,64%	24,95%	21,36%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	81,10%	68,69%	74,25%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	29,43%	30,49%	33,75%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,60%	2,56%	2,74%

Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	5,16%	5,13%	5,76%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,08%	2,03%	2,17%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,53%	24,21%	26,70%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (**)	Đồng	3.081	3.482	3.336
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	13,46%	8,28%	4,04%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	28,80%	16,81%	7,85%

Nguồn: HDBank

Lưu ý:

- (*) Tỷ lệ an toàn vốn CAR riêng lẻ và hợp nhất áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 22/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41.

- (**): Theo số liệu BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Nêu tại Mục 3 dưới đây.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là Tổ chức kiểm toán lần lượt thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022, năm 2023 và soát xét BCTC giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 của HDBank. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại các BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC soát xét 06 tháng năm 2024 đều là ý kiến chấp thuận toàn phần. Cụ thể như sau:

• **BCTC năm 2022 kiểm toán**

Ý kiến của kiểm toán về BCTC riêng: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán độc lập của họ để ngày 30 tháng 3 năm 2022 đã ra ý kiến chấp nhận toàn phần.”

Ý kiến của kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ để ngày 30 tháng 3 năm 2022 đã ra ý kiến chấp nhận toàn phần.”

• **BCTC năm 2023 đã kiểm toán**

Ý kiến của kiểm toán về BCTC riêng: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

Ý kiến của kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

• **BCTC giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét**

Ý kiến của kiểm toán về BCTC riêng: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng BCTC riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

Ý kiến của kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng BCTC hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

- **Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành**

- Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Công ty Cổ phần FiiRatings (Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm số 02/GCN-DVXHTN do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 20/03/2020) (“FiiRatings”)

- o Thời điểm xếp hạng tín nhiệm: ngày 29/03/2024
 - o Kết quả xếp hạng: HDBank được thông báo kết quả Xếp hạng Tín nhiệm dài hạn Nhà phát hành lần đầu ở mức điểm “A” với triển vọng xếp hạng “Ổn định”
 - o Nguồn thông tin: Website của FiiRatings
- Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Trái Phiếu chào bán: Không có

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1 Chỉ tiêu

Bảng 58: Kế hoạch lợi nhuận năm 2024

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2023
Thu nhập lãi thuần (*)	28.237	27%
Lợi nhuận sau thuế	12.601	22%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần (*)	45%	-4%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	24,6%	2%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.

(*) Là Thu nhập lãi thuần, số liệu cơ sở để HDBank tính toán các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Giám đốc HDBank do HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Kết thúc Quý III/2024, theo số liệu hợp nhất, HDBank đã đạt được 22.654 tỷ đồng thu nhập lãi thuần và 10.011 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt đạt 80,23% và 79,45% kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

5.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2024: HDBank xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:
 - o Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng; gia tăng cho vay khách hàng trong hệ sinh thái, chủ yếu KHCN và SME, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
 - o Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ CASA để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
 - o Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch

vụ của HDBank, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoại lãi;

- o Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu <2%;
 - o Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động.
 - o Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.
- Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2024
- o Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024 của ngân hàng;
 - o Căn cứ nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
 - o Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

5.3 Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận

Kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận năm 2024 của Tổ Chức Phát Hành là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ các hoạt động kinh doanh của mình (bao gồm nhưng không giới hạn dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu này) và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, bảo đảm đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc đúng hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và trái phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của HDBank, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu/thu nhập, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi trái phiếu của HDBank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của HDBank.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 (ba) năm tiếp theo

Các đợt chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được ĐHĐCĐ/HĐQT HDBank thông qua trên cơ sở kế hoạch kinh doanh từng năm.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Mục VI này bao gồm các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái Phiếu được chào bán theo Bản Cáo Bạch này, sau đây được gọi là “**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”. Cụm từ “**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là đề cập đến toàn bộ các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái Phiếu mà không phải là chỉ đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào.

Bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

Trái Phiếu được chào bán thành nhiều đợt. Theo đó, tại mỗi Đợt chào bán, trừ khi được quy định khác đi thì các quy định đối với và liên quan đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được hiểu là đề cập đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc quy định cho Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu của Đợt chào bán tương ứng đó.

1. Cơ sở pháp lý liên quan đến Đợt Chào Bán

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18/01/2024 (“**Luật Tổ Chức Tín Dụng**”);
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Nghị Định 155**”);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (“**Thông Tư 118**”);
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông Tư 41**”);
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông Tư 22**”) và các quy định khác có liên quan;
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông Tư 01**”);
- Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/4/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“**Quyết Định 649**”);

- Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng (“**Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành**”);
- Các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này nếu không được định nghĩa khác đi thì có nghĩa như sau:

“**Công Ty Con**” của Tổ Chức Phát Hành có nghĩa quy định tại Điều 4.9 của Luật Tổ Chức Tín Dụng và trong trường hợp điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ theo quy định của điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

“**Điều Lệ**” có nghĩa là điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại từng thời điểm.

“**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

“**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**” ban đầu có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS), một tổ chức được Tổ Chức Phát Hành chỉ định theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký, sẽ thực hiện việc đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển quyền sở hữu đối với Trái Phiếu trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC và được niêm yết trên hệ thống giao dịch của HNX. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, chấp thuận chỉ định HDS là Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu đối với Trái Phiếu. Việc thay thế Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

“**HNX**” có nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

“**Gốc**” hoặc “**Khoản Gốc**” có nghĩa là giá trị tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa thanh toán.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là khoảng thời gian định kỳ 01 (Một) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành, theo đó Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên Khoản Gốc cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu từ và bao gồm Ngày Phát Hành và kết thúc vào, nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên. Các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi liền trước và kết thúc vào nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại Trái Phiếu trước hạn (nếu có) hoặc ngày đến hạn khác.

“**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**” liên quan đến việc chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

- a) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC:
 - (i) là Ngày Làm Việc thứ 10 (mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo

Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác; hoặc

- (ii) là Ngày Lâm Việc do Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thông báo để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản; hoặc

- b) Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC:

là Ngày Lâm Việc do Tổ Chức Phát Hành hoặc VSDC trên cơ sở ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành ấn định để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền (quyền nhận Gốc, Lãi Trái Phiếu, quyền tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản, quyền yêu cầu mua lại trước hạn, các quyền khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này) phù hợp với thông báo của Tổ Chức Phát Hành, VSDC và quy định của pháp luật.

“Ngày Lâm Việc” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ kể cả nghỉ bù mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

“Ngày Phát Hành” có nghĩa là ngày kết thúc Đợt Chào Bán của mỗi Trái Phiếu.

“Ngày Thanh Toán Lãi” có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành, với điều kiện là (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ là ngày tròn năm thứ nhất kể từ Ngày Phát Hành; và (ii) Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng sẽ là Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại Trái Phiếu trước hạn (nếu có) hoặc ngày đến hạn khác.

“Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại” có nghĩa là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại của mỗi Trái Phiếu, cụ thể là:

“Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC7Y253201” có nghĩa là ngày tròn 02 (Hai) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y253201.

“Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC7Y253202” có nghĩa là ngày tròn 02 (Hai) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y253202.

“Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC8Y253301” có nghĩa là ngày tròn 03 (Ba) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC8Y253301.

“Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC8Y253302” có nghĩa là ngày tròn 03 (Ba) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC8Y253302.

“Ngày Đáo Hạn” có nghĩa là ngày kết thúc kỳ hạn của mỗi Trái Phiếu, cụ thể là:

“Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC7Y253201” có nghĩa là ngày tròn 07 (Bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y253201.

“Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC7Y253202” có nghĩa là ngày tròn 07 (Bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y253202.

“Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC8Y253301” có nghĩa là ngày tròn 08 (Tám) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC8Y253301.

“Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC8Y253302” có nghĩa là ngày tròn 08 (Tám) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC8Y253302.

“Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi một hoặc một số (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hoặc thông qua theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản theo tỷ lệ quy định tại Điểm 26.1 Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

“Người Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa là (i) tổ chức, cá nhân được đăng ký là người sở hữu Trái Phiếu trong Sổ Đăng Ký (khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC); hoặc (ii) tổ chức, cá nhân được xác định là chủ sở hữu hợp pháp của Trái Phiếu do theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSDC và HNX (khi Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC).

“Nợ Thứ Cấp” là khoản nợ mà trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản, giải thể hay thanh lý, chủ nợ chỉ được thanh toán sau các nghĩa vụ của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (các chủ nợ không phải là chủ nợ thứ cấp khác của Tổ Chức Phát Hành). Các khoản nợ bao gồm toàn bộ các khoản nợ phải trả tồn tại hoặc sẽ phát sinh.

“Tổ Chức Phát Hành” có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

“Thời Điểm Khóa Sổ” có nghĩa là (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC, là thời điểm 18:00 (mười tám) giờ (giờ Việt Nam) vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan; hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC, là thời điểm mà VSDC thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

“Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật” nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại Điều 4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được Quốc hội thông qua ngày 22/06/2015, và trong trường hợp các điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ bao gồm bất kỳ văn bản nào sau đó được định nghĩa là văn bản quy phạm pháp luật theo các điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

“Văn Kiện Trái Phiếu” có nghĩa là bất kỳ văn kiện nào, bao gồm (i) Bản Cáo Bạch; (ii) Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký; (iii) Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành; (iv) bất kỳ văn kiện, hợp đồng, thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định hoặc có liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận là một Văn Kiện Trái Phiếu; và (iv) bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các điểm từ (i) đến (iv) trên đây.

“Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

“VSDC” có nghĩa là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

3. Tên Trái Phiếu

Tên Trái Phiếu: **Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng.**

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán (theo mệnh giá) là 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng), được chia làm 02 (Hai) Đợt chào bán như sau:

Đợt Chào Bán 1 gồm:

Trái Phiếu HDBC7Y253201: có mã trái phiếu HDBC7Y253201, kỳ hạn 07 năm, có số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán dự kiến là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu.

Trái Phiếu HDBC8Y253301: có mã trái phiếu HDBC8Y253301, kỳ hạn 08 năm, có số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán dự kiến là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu.

Đợt Chào Bán 2 gồm:

Trái Phiếu HDBC7Y253202: có mã trái phiếu HDBC7Y253202, kỳ hạn 07 năm, có số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán dự kiến là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu.

Trái Phiếu HDBC8Y253302: có mã trái phiếu HDBC8Y253302, kỳ hạn 08 năm, có số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán dự kiến là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu.

Sau đây được gọi chung là "**Các Trái Phiếu**", và gọi riêng là "**Trái Phiếu**" có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số Các Trái Phiếu.

Mỗi đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng nêu trên được gọi chung là "**Đợt Chào Bán**", và gọi riêng là "**Đợt Chào Bán 1**" và "**Đợt Chào Bán 2**".

4. Loại Trái Phiếu

4.1. Loại Trái Phiếu

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.2. Các tính chất khác của Trái Phiếu

- Các Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu trong cùng một Đợt Chào Bán tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn thanh toán lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử

dùng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

- d) Tổ Chức Phát Hành chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, Giám sát ngân hàng) để giám sát.

5. Mệnh giá

Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

6. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán

Tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán là 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu, được chia làm 02 (Hai) Đợt Chào Bán, cụ thể như sau:

STT	Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán	Thời gian dự kiến chào bán
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	Quý I/2025 – Quý II/2025
		HDBC8Y253301	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	Quý II/2025 – Quý III/2025
		HDBC8Y253302	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	
Tổng cộng			100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu	

Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1. Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán thì số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết sẽ chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

7. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị Các Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá là 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng), được chia làm 02 (Hai) Đợt Chào Bán như sau:

STT	Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Giá trị Trái Phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá)	Thời gian dự kiến chào bán
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	Quý I/2025 – Quý II/2025
		HDBC8Y253301	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	

2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	Quý II/2025 – Quý III/2025
		HDBC8Y253302	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	
Tổng cộng			10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng)	

Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1. Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết giá trị Trái Phiếu đăng ký chào bán thì giá trị Trái Phiếu chưa phân phối hết sẽ chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

8. Kỳ hạn Trái Phiếu

STT	Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	07 (Bảy) năm
		HDBC8Y253301	08 (Tám) năm
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 (Bảy) năm
		HDBC8Y253302	08 (Tám) năm

9. Lãi suất

9.1. Lãi suất Trái Phiếu

Lãi suất của Các Trái Phiếu (“Lãi Suất”) là lãi suất thả nổi. Lãi Suất áp dụng do các Kỳ Tính Lãi được xác định theo công thức như sau:

STT	Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Lãi suất Trái Phiếu
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	07 (Bảy) năm	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,70%/năm (Hai phẩy bảy phần trăm một năm)
		HDBC8Y253301	08 (Tám) năm	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,90%/năm (Hai phẩy chín phần trăm một năm)
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 (Bảy) năm	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,70%/năm (Hai phẩy bảy phần trăm một năm)
		HDBC8Y253302	08 (Tám) năm	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,90%/năm (Hai phẩy chín phần trăm một năm)

Vì mục đích của Điều 9.1 này:

- a) **“Lãi Suất Tham Chiếu”** dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính.
- b) **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** có nghĩa là mỗi ngân hàng trong số 04 (bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** và gọi chung là **“Các Ngân Hàng Tham Chiếu”**).
- c) **“Ngày Xác Định Lãi Suất”** (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán; hoặc (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (*Bảy*) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.
- d) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo nguyên tắc sau:
- (i) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà website của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tham chiếu do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố vào Ngày Xác Định Lãi Suất đó;
 - (ii) Trường hợp nếu tất cả Các Ngân Hàng Tham Chiếu không có hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ của mình vào Ngày Xác Định Lãi Suất thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ áp dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh công bố trên trang thông tin điện tử của mình tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan; và
 - (iii) Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 03 (*Ba*) Ngày Làm Việc và gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng cách đăng tải lên website của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC tùy từng thời điểm áp dụng vào trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (*Một*) Ngày Làm Việc, trừ trường hợp Kỳ Tính Lãi đầu tiên thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về kết quả xác định Lãi Suất tại ngày bắt đầu thực hiện chào bán Trái Phiếu. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất của Tổ Chức Phát Hành sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về sổ học một cách rõ ràng.

- c) Để làm rõ, trong trường hợp Lãi Suất trên mỗi Trái Phiếu xác định theo quy định tại Điểm 9.1 không phải là một số nguyên thì Lãi Suất sẽ được làm tròn đến 04 (Bốn) chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy. Tổng số tiền Lãi của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quy định tại Điểm 9.2 dưới đây được làm tròn lên đến hàng đơn vị.
- 9.2.** Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì:
- a) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với Lãi Suất đã được quy định tại Điểm 9.1 này thì Lãi Suất sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 9.1 đó;
 - b) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất và Lãi Suất đã được quy định tại Điểm 9.1 này vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; và
 - c) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất nhưng Lãi Suất được quy định tại Điểm 9.1 này không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 9.1 này.
- 9.3.** Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, Tổ Chức Phát Hành xác định Lãi Suất cho Kỳ Tính Lãi tương ứng phù hợp quy định tại Điểm 9.1 này. Trong thời hạn quy định tại Điểm 9.1(d)(iii) nêu trên, Tổ Chức Phát Hành thông báo cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC để Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) đăng tải lên trang thông tin điện tử chính thức của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (nếu cần thiết), đồng thời Tổ Chức Phát Hành đăng tải lên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành để Người Sở Hữu Trái Phiếu biết thông tin về Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi tiếp theo;
- 10. Kỳ hạn trả Lãi, trả Gốc và việc thanh toán Lãi, Gốc cho Trái Phiếu**
- 10.1. Kỳ hạn trả Lãi:** Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ 01 (Một) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng).
- 10.2. Kỳ hạn trả Gốc:** Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Gốc được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng).
- 10.3.** Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, là Ngày Làm Việc thứ 10 (Mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác theo quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này;
- 10.4.** Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành ấn định Ngày Đăng Ký Cuối Cùng vào Ngày Làm Việc thứ 10 (Mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác trong phạm vi các quy định này không trái hoặc xung đột với các quy định pháp luật hiện hành và quy chế của VSDC.

- 10.5. Tổ Chức Phát Hành đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên tổng mệnh giá Trái Phiếu năm giữ ("Lãi") kể từ Ngày Phát Hành cho đến, và không bao gồm, ngày đến sớm hơn của (i) Ngày Đáo Hạn; hoặc (ii) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại; và (iii) ngày đến hạn khác, với mức Lãi Suất có liên quan đối với số ngày thực tế đã trôi qua của mỗi Kỳ Tính Lãi trên cơ sở một năm có 365 (Ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Công thức tính Lãi cụ thể như sau:

$$\text{Tổng số Lãi được hưởng} = \frac{\text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu năm giữ}}{\text{Trái Phiếu của Kỳ Tính Lãi đó}} \times \text{Lãi Suất} \times \frac{\text{Số ngày thực tế năm giữ}}{365}$$

- 10.6. Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản Lãi vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Khoản Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:

- đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên, khoản Lãi phát sinh kể từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên của Trái Phiếu tương ứng; và
- đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, khoản Lãi phát sinh kể từ (và bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi liền trước cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó.

- 10.7. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác, khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc không được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ hoặc đúng hạn (ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm 10.12), khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc bị chậm thanh toán đó sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo Lãi Suất áp dụng trong Kỳ Tính Lãi bị chậm thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 (Ba trăm sáu mươi lăm) ngày, kể từ ngày phát sinh việc chậm thanh toán cho đến và không bao gồm ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc liên quan.

- 10.8. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được khoản tiền thanh toán Lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (áp dụng trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) thì khoản tiền thanh toán Lãi và/hoặc Gốc sẽ được Tổ Chức Phát Hành giữ hộ và không được hưởng lãi phát sinh trên khoản tiền đó.

- 10.9. Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác (gọi chung là "**Ngày Thanh Toán**") không phải là Ngày Làm Việc thì Lãi và/hoặc Gốc sẽ được thanh toán vào Ngày Làm Việc tiếp theo ngày sau đó ("**Ngày Thanh Toán Thực Tế**"). Trừ trường hợp quy định tại đoạn dưới đây, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.

Nếu Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái phiếu do mình sở hữu, Người Sở Hữu

Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi tính trên Gốc theo Lãi Suất Trái phiếu áp dụng trong Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền Gốc đó, cho giai đoạn tính từ và gồm cả Ngày Thanh Toán đó đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Thực Tế.

10.10. Vào Ngày Thanh Toán Lãi, Tổ Chức Phát Hành thực hiện thanh toán tiền Lãi và/hoặc Gốc cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thông tin Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cung cấp. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, việc thanh toán Lãi và/hoặc Gốc và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và quy chế của VSDC. Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ được xác định theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và quy chế của VSDC tại thời điểm áp dụng.

10.11. Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc danh sách tổng hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) của VSDC lập (tùy từng trường hợp áp dụng) tại Thời Điểm Khóa Sổ cho mỗi lần thanh toán Lãi và/hoặc Gốc mới được nhận tiền thanh toán trong Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Thời Điểm Khóa Sổ thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi có liên quan đó.

10.12. Ngừng thanh toán tiền Lãi

- a) Trong suốt kỳ hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán Lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản Lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc chậm trả Lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền Lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền Lãi đó.
- b) Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả Lãi cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán);
- c) Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi Suất của Kỳ Tạm Ngừng đó (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán Lãi) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (Ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

11. Giá chào bán

Giá chào bán Trái Phiếu là 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

12. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Các Trái Phiếu có thứ tự thanh toán sau các nghĩa vụ và khoản nợ của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu phát hành trong cùng một Đợt Chào Bán tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

13. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu**13.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu. Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm:

- a) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền Gốc và tiền Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi theo quy định tại Điều 10.12 nêu trên);
- b) Được tự do chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của mình (bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm phù hợp với các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Được cấp trích lục Sổ Đăng Ký và/hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") nếu có yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung;
- d) Có quyền yêu cầu xác nhận số dư Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký hoặc theo quy định của các thành viên lưu ký tại nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản chứng khoán;
- e) Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu có sự tham gia, hỗ trợ từ Tổ Chức Phát Hành hoặc Tổ Chức Phát Hành nắm thông tin) trừ khi Tổ Chức Phát Hành phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;
- f) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành:

Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây, gọi chung là một "**Sự Kiện Vi Phạm**":

- (i) *Không Thanh Toán*: Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền Gốc và/hoặc tiền Lãi của Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (Mười) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền ngừng thanh toán tiền

Lỗi theo quy định tại Điểm 10.12 phía trên). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác;

- (ii) *Phá Sản, Giải Thể*: Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (Mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.
- g) Được tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (như được quy định dưới đây) và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này;
- h) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này;
- i) Các quyền khác theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và quy định của pháp luật.

13.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu liên quan (nếu có);
- b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của chính mình;
- c) Không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật;
- d) Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;
- e) Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành khi có sự thay đổi hoặc chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành;
- f) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về (i) tính xác thực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho

- Tổ Chức Phát Hành; và (ii) nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
- g) Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm 18.2 Các Điều Kiện Trái Phiếu này;
 - h) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu;
 - i) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và quy định của pháp luật.

13.3. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có sự thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

14. Đại diện người sở hữu Trái Phiếu

Không có.

15. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (“HDS”) là Đại lý đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng Trái Phiếu (“Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký”) cho Các Trái Phiếu theo Hợp đồng dịch vụ đăng ký, lưu ký Trái Phiếu (“Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký”). Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện:

- a) Lập và lưu giữ sổ đăng ký của Các Trái Phiếu ghi thông tin của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (“Sổ Đăng Ký”). Sổ Đăng Ký bao gồm nhưng không giới hạn bởi những nội dung cơ bản sau:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;
 - (ii) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm tên Trái Phiếu, mã Trái Phiếu, tổng số Trái Phiếu đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, mệnh giá, kỳ hạn, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, Lãi Suất, phương thức trả Lãi, Ngày Thanh Toán Lãi, địa điểm thanh toán Gốc, Lãi và Lãi quá hạn (nếu có);
 - (iii) Họ tên, số CMND/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp (nếu là cá nhân) hoặc tên tổ chức, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập, ngày cấp và nơi cấp (nếu là tổ chức) và địa chỉ liên hệ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;
 - (iv) Tổng số tiền Gốc Trái Phiếu và thông tin chi tiết về Trái Phiếu do từng Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ (bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin về việc sử dụng Trái

- Phiếu lâm tài sản bảo đảm và các hạn chế chuyển nhượng Trái Phiếu, nếu có); và
- (v) Chi tiết về tài khoản ngân hàng được đăng ký và/hoặc tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc thành viên lưu ký khác (nếu có) (theo thông báo của Người Sở Hữu Trái Phiếu với Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký) để nhận các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu ("**Tài Khoản Đăng Ký**").
- b) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu, đối với mỗi Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của mình trong Sổ Đăng Ký, sẽ được coi là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và cho mọi mục đích liên quan đến Trái Phiếu đó. Khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC, Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- c) Thực hiện việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hoặc cấp trích lục Sổ Đăng Ký khi Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (thay mặt cho Tổ Chức Phát Hành) phát hành, ký và đóng dấu xác nhận theo quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký;
- d) Thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký và cập nhật việc chuyển quyền sở hữu vào Sổ Đăng Ký của mỗi Trái Phiếu tương ứng;
- e) Vào Ngày Lâm Việc thứ 15 (*Mười lăm*) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại (nếu có) hoặc Ngày Đáo Hạn của mỗi Trái Phiếu, gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan tới Trái Phiếu;
- f) Duy trì và lưu giữ sổ sách ghi chép về các tài liệu mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nhận được liên quan đến quá trình chuyển quyền sở hữu và các dịch vụ khác mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cung cấp theo Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký;
- g) Cung cấp bản sao Sổ Đăng Ký cập nhật về Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành và trợ giúp những yêu cầu hợp lý liên quan đến Sổ Đăng Ký của Tổ Chức Phát Hành;
- h) Xác nhận số lượng Trái Phiếu sở hữu và xác nhận phong tỏa, giải tỏa Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phục vụ cho giao dịch hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- i) Tùy thuộc quy định của luật pháp Việt Nam từng thời điểm, khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí trên giá trị giao dịch chuyển quyền sở hữu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành sẽ chấm dứt việc chỉ định Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nêu tại Điểm 15 này. Việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu tại Điểm 15 này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC.

16. Đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch Trái Phiếu

- 16.1. Trước khi được đăng ký tập trung tại VSDC, Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký theo quy định của pháp luật, Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 16.2. Trái Phiếu sẽ được đăng ký tập trung tại VSDC, niêm yết và giao dịch trên HNX theo các quy định có liên quan của pháp luật, quy định của VSDC và HNX.
- 16.3. Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký tập trung (và lưu ký tập trung theo ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu, nếu có) các Trái Phiếu theo các quy định có liên quan của pháp luật, quy định của VSDC, HNX và Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu trong quá trình làm thủ tục đăng ký và/hoặc lưu ký tập trung Trái Phiếu tại VSDC (nếu áp dụng) sẽ theo quy định/hướng dẫn của VSDC và các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm đó.
- 16.4. Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất việc đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại HNX ngay khi có thể sau ngày hoàn tất đăng ký tập trung Trái Phiếu tại VSDC theo quy định pháp luật hiện hành và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chứng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành. Tổ Chức Phát Hành được hủy niêm yết Trái Phiếu nếu việc hủy niêm yết là nhằm mục đích mua lại Trái Phiếu trước hạn hoặc vào Ngày Đáo Hạn.
- 16.5. Kể từ thời điểm Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC và niêm yết tại HNX, (i) việc lập, duy trì và lưu giữ Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương) và nội dung Sổ Đăng Ký sẽ theo quy định có liên quan của pháp luật và của VSDC; (ii) việc chuyển quyền sở hữu và thực hiện các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy chế của VSDC và các quy định của HNX nơi Trái Phiếu được niêm yết (nếu áp dụng), vai trò của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký đối với việc đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ chấm dứt tại thời điểm này; và (iii) việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu không được Người Sở Hữu Trái Phiếu lưu ký tập trung tại VSDC sẽ do Tổ Chức Phát Hành thực hiện và/hoặc tổ chức được ủy quyền hợp lệ theo quy định có liên quan của pháp luật, của VSDC và các Văn Kiện Trái Phiếu.

17. Cam kết về bảo đảm

Trái Phiếu không có bảo đảm.

18. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn**18.1. Hoàn trả Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn**

Trừ khi Trái Phiếu được mua lại và hủy bỏ trước hạn theo quy định tại Điểm 18 này, vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán toàn bộ (i) Khoản Gốc của Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó; (ii) bất kỳ khoản Lãi và tất cả các khoản tiền khác phải trả đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn.

18.2. Mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

- a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao

gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điểm 18.2(c) dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại tương ứng với giá mua bằng mệnh giá Trái Phiếu.

- b) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được khoản tiền Gốc do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- c) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điểm 18.2 này, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại ("**Thông Báo Mua Lại**") trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 15 (Mười lăm) ngày nhưng không sớm hơn 60 (Sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và quy chế của VSDC sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được Thông Báo Mua Lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc VSDC hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

18.3. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Tại bất kỳ thời điểm nào, trên cơ sở tuân thủ các quy định, quy chế của HNX và/hoặc của VSDC và vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, bên cạnh việc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 18.2 nêu trên, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào với điều kiện phải thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trước tối thiểu 15 (Mười lăm) ngày tính đến ngày dự kiến mua lại trước hạn. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với số tiền Gốc của Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ.

18.4. Mua lại Trái Phiếu bắt buộc khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào trong các Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Điểm 13.1(f)(ii) của Các Điều Kiện Trái Phiếu này diễn ra thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

18.5. Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn trả và/hoặc mua lại theo Điểm 18 Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại (trừ trường hợp pháp luật có liên quan hoặc các quy định khác có hướng dẫn khác). Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền Gốc, Lãi đến hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

19. Phương thức phân phối

- Các Đợt Chào Bán không có bảo lãnh phát hành.
- Phương thức phân phối: (i) Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và (ii) Phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (“Đại Lý Phát Hành” hoặc “SSI”).
- Trách nhiệm cơ bản của Đại Lý Phát Hành:
 - (i) Tổ chức giới thiệu về việc phát hành Trái Phiếu, phân phối tài liệu hồ sơ chào bán cho các Nhà đầu tư do SSI giới thiệu;
 - (ii) Hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành tư vấn và giải đáp các câu hỏi thẩm định của Nhà đầu tư do SSI giới thiệu trong việc mua Trái Phiếu (nếu có);
 - (iii) Tư vấn, phối hợp và hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc phát hành Trái Phiếu cho Nhà đầu tư do SSI giới thiệu theo quy định của pháp luật và tài liệu chào bán;
 - (iv) Các công việc khác thuộc phạm vi công việc của Đại Lý Phát Hành có liên quan tới Nhà đầu tư do SSI giới thiệu theo quy định của pháp luật, thống lệ thị trường và/hoặc Văn Kiện Trái Phiếu.
- Việc phân phối Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp và thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối Trái Phiếu theo nguyên tắc công bằng, công khai và đảm bảo thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho Nhà Đầu Tư là 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày công bố Bản thông báo chào bán nêu trên.

20. Đăng ký mua Trái Phiếu**20.1. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu**

Tổ Chức Phát Hành bảo đảm thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư tối thiểu là 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo chào bán Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán và tối đa là 90 (Chín mươi) ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp (i) Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng đối với Đợt Chào Bán 1; hoặc (ii) Văn bản thông báo nhận được tài liệu báo cáo triển khai Đợt Chào Bán 2 (“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán”) có hiệu lực.

20.2. Đối tượng mua Trái Phiếu

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật ("Nhà Đầu Tư").

20.3. Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu

- Số lượng đăng ký mua tối thiểu đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: tối thiểu 500 (Năm trăm) Trái Phiếu, tương đương với 50.000.000 VND (Năm mươi triệu đồng) tính theo mệnh giá.
- Số lượng đăng ký mua tối thiểu đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tối thiểu 1.000 (Một nghìn) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng) tính theo mệnh giá.

Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là 500 (Năm trăm) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân và tối thiểu là 1.000 (Một nghìn) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức.

20.4. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu

Trong thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu được quy định bởi Tổ Chức Phát Hành, Nhà Đầu Tư thực hiện đăng ký mua Trái Phiếu trong phạm vi số lượng Trái Phiếu chào bán và phải đáp ứng yêu cầu về số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu do Tổ Chức Phát Hành quy định tại Điểm 20.3 nêu trên. Nhà Đầu Tư có thể đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu theo các phương thức sau:

a) Thông qua Tổ Chức Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch trên toàn quốc của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch được đăng tải tại website: www.hdbank.com.vn/vi/atm-branch
- Nhà Đầu Tư chuyển tiền mua Trái Phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành quy định tại Điểm 22 dưới đây ("Tài Khoản Phong Tỏa").
- Để tránh nhầm lẫn, (i) việc mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định vào Tài Khoản Phong Tỏa; và (ii) trong trường hợp Nhà Đầu Tư đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua Trái Phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

b) Thông qua Đại Lý Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch trên toàn quốc của Đại Lý Phát Hành. Chi tiết địa chỉ Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch được đăng tải tại website: www.ssi.com.vn/mang-luoi
- Nhà Đầu Tư chuyển tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa.
- Để tránh nhầm lẫn, (i) việc mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định vào Tài Khoản Phong Tỏa; và (ii) trong trường hợp Nhà Đầu Tư

đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua Trái Phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

20.5. Phương thức phân bổ Trái Phiếu

- Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc công bằng, công khai.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi Nhà Đầu Tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà Nhà Đầu Tư đó đăng ký mua.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối toàn bộ số lượng Trái Phiếu được phép chào bán cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà Đầu Tư.
- Xử lý phần lẻ Trái Phiếu: Trong mọi trường hợp, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phân bổ cho Nhà Đầu Tư sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phân bổ cho Nhà Đầu Tư trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền quyết định việc phân bổ cho một hoặc một số Nhà Đầu Tư nhất định một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.
- Để làm rõ, trong trường hợp số lượng Trái Phiếu được phân bổ của Nhà Đầu Tư thấp hơn số lượng đăng ký mua tối thiểu theo quy định tại Điểm 20.3 thì Nhà Đầu Tư vẫn sẽ được coi là đã đăng ký mua thành công với số lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.

20.6. Chuyển giao Trái Phiếu

Trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán, Nhà Đầu Tư sẽ nhận được bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc bản gốc trích lục Sổ Đăng Ký (nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu), trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung tại VSDC.

20.7. Quyền lợi của người mua Trái Phiếu

Nhà Đầu Tư sau khi hoàn thành việc mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu, và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

20.8. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đăng ký mua

Trong trường hợp (i) tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua lớn hơn tổng số lượng Trái Phiếu được phép chào bán; hoặc (ii) Nhà Đầu Tư nộp thừa tiền đăng ký mua Trái Phiếu; hoặc (iii) số lượng Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà Đầu Tư không đáp ứng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu được quy định tại Điểm 20.3 nêu trên, Tổ Chức Phát Hành sẽ trả lại tiền cho Nhà Đầu Tư.

- a) Thời hạn: Trong vòng 05 (Năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tọa được giải tỏa.

- b) Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đăng ký mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký mua Trái Phiếu có liên quan.

21. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán do UBCKNN cấp có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Các Trái Phiếu với tổng số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến là 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu, tương đương với 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng) tính theo mệnh giá trong các Đợt Chào Bán với thời gian dự kiến triển khai như sau:

STT	Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán	Giá trị Trái Phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá)	Thời gian dự kiến chào bán
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	Quý I/2025 – Quý II/2025
		HDBC8Y253301	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	Quý II/2025 – Quý III/2025
		HDBC8Y253302	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	
Tổng cộng			100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu	10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng)	

Thời gian phân phối Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán dự kiến tối thiểu là 20 (Hai mươi) ngày và tối đa là 90 (Chín mươi) ngày. Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1 (với điều kiện là khoảng cách giữa Đợt Chào Bán 2 với Đợt Chào Bán 1 không quá 12 (Mười hai) tháng), phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

Cụ thể, lịch trình dự kiến phân phối Các Trái Phiếu của từng Đợt Chào Bán như sau:

21.1. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 1 (Quý I/2025 – Quý II/2025)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán do UBCKNN cấp có hiệu lực	T
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về Đợt Chào Bán 1	T+1 đến T+7 Ngày Làm Việc
3	Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 1	T_1 ($T+1 < T_1 < T+90$)
	- Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến;	T_1
	- Thời gian cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư, nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến;	T_1 đến T_1+20
	- Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu từ Nhà Đầu Tư.	T_1+20
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc Đợt Chào Bán 1)	T_1+20
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả chào bán của Đợt Chào Bán 1 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán	Trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

Trường hợp số lượng Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 1 chưa chào bán hết theo dự kiến thì số lượng Trái Phiếu còn lại sẽ được chuyển sang chào bán tiếp ở Đợt Chào Bán 2.

Sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt Chào Bán 2 theo Phương Án Phát Hành ban đầu, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi tài liệu báo cáo triển khai Đợt Chào Bán 2 tới UBCKNN, trong đó bao gồm: (i) Tài liệu về tình hình của Tổ Chức Phát Hành (nếu có thay đổi); và (ii) Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch cập nhật các thông tin thay đổi (nếu có) ("**Tài Liệu Cập Nhật Đợt 2**"). Khoảng cách giữa Đợt Chào Bán 2 và Đợt Chào Bán 1 không quá 12 (Mười hai) tháng và việc triển khai Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành (i) nhận được văn bản của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai Đợt Chào Bán 2; và (ii) công bố thông tin về Tài Liệu Cập Nhật Đợt 2 và Bản thông tin báo chào bán của Đợt Chào Bán 2.

21.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 2 (Quý II/2025 – Quý III/2025)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày UBCKNN có văn bản thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai Đợt Chào Bán 2	T'
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về Đợt Chào Bán 2	$T'+1$ đến $T'+7$ Ngày Làm Việc
3	Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 2	T_2 ($T'+1 < T_2 < T'+90$)
	- Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến;	T_2
	- Thời gian cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến;	T_2 đến T_2+20
	- Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu từ Nhà Đầu Tư	T_2+20
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc Đợt Chào Bán 2)	T_2+20
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả chào bán của Đợt Chào Bán 2 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán	Trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

Lịch trình phân phối Trái Phiếu cụ thể của mỗi Đợt Chào Bán sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán và theo tình hình thực tế của mỗi Đợt Chào Bán. Thời hạn phân phối Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán do UBCKNN cấp cho Tổ Chức Phát Hành.

22. Tài Khoản Phong Toá nhận tiền mua Trái Phiếu

Số tài khoản: 8640038722

Tên chủ tài khoản: NHTMCP PHAT TRIEN THANH PHO HO CHI MINH

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2

23. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành

Theo quy định tại Thông Tư 01 của NHNN và Điều 1 Quyết Định 649 của NHNN: "thủ tục

hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” được nêu kèm theo Quyết Định 649 là: “Thủ tục chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng.” và tên Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính là Thông Tư 01 của NHNN. Các Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành được thực hiện theo quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ hoạt động của HDBank, theo đó cơ quan có thẩm quyền thông qua đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của HDBank là Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị HDBank đã ban hành Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu HDBank phát hành ra công chúng.

24. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày công bố Bản Cáo Bạch này và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư, một số Nhà Đầu Tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

24.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- a) Thu nhập từ Lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- b) Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

24.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu

nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:

- a) Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
- b) Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

24.3. Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, Lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu Thuế giá trị gia tăng.

24.4. Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thực hiện như sau:

- a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC:
 - (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền Lãi trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật hiện hành.
 - (ii) Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí áp dụng trong trường hợp chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm thực hiện thủ tục xác nhận chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC: việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này nếu không mâu thuẫn.

25. Thông tin về các cam kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;
- b) Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- c) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- d) Đảm bảo thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu;
- e) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu; và
- f) Triển khai niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc Dợt Chào Bán và đảm bảo tuân thủ quy định hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu.

- a) Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Đợt Chào Bán theo quy định của pháp luật;
- b) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;
- c) Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật;
- d) Trường hợp UBCKNN, VSDC, HNX hoặc pháp luật có yêu cầu nhằm mục đích quản lý Trái Phiếu niêm yết, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức đáp ứng các điều kiện cần thiết nhằm đại diện cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ của Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**"). Việc chỉ định như vậy phải được lập thành văn bản với các điều khoản và điều kiện do Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tự thỏa thuận nhưng không được trái với Các Điều Kiện Trái Phiếu này và sau đó thông báo cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu được biết;
- e) Các nghĩa vụ và cam kết khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

26. Các điều khoản khác

26.1. Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a) Bất kỳ hội nghị nào của những Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu**") có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 10% (*Mười phần trăm*) của Tổng mệnh giá Trái Phiếu tương ứng chưa thanh toán tại thời điểm đó, với điều kiện là trong trường hợp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu thì việc triệu tập đó phải được các Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) và những Người Sở Hữu Trái Phiếu còn lại (theo địa chỉ tương ứng của các Người Sở Hữu Trái Phiếu đó được Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC cung cấp tại thời điểm đó) ít nhất 05 (*Năm*) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Thông báo triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu phải ghi rõ thời gian, địa điểm, nội dung dự kiến của hội nghị. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới hình thức các phương tiện truyền thông điện tử như hội nghị qua điện thoại (teleconference) hoặc hội nghị trực tuyến (video conference).
- b) Trong bất kỳ Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có nội dung (i) sửa đổi Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào; (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc; (iii) thay đổi Lãi Suất; hoặc (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu ("**Vấn Đề Loại Trừ**"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó.

- c) Nghị Quyết Người Sỡ Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số (những) Người Sỡ Hữu Trái Phiếu nắm giữ (i) ít nhất 65% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành; hoặc (ii) ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành đối với Vấn Đề Loại Trừ.
- d) Không phụ thuộc vào các quy định tại Điểm 26.1a), b) và c) nêu trên, Nghị Quyết Người Sỡ Hữu Trái Phiếu được thông qua tại một cuộc họp với sự tham dự của tất cả Người Sỡ Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội Nghị Người Sỡ Hữu Trái Phiếu là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội Nghị Người Sỡ Hữu Trái Phiếu không đúng quy định.
- e) Nghị Quyết Người Sỡ Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sỡ Hữu Trái Phiếu tại Điểm 26.1a) và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị Quyết Người Sỡ Hữu Trái Phiếu thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sỡ Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là (i) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sỡ Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và (ii) phải được Người Sỡ Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 65% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua (đối với Vấn Đề Loại Trừ, phải được tất cả Người Sỡ Hữu Trái Phiếu đang nắm giữ 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).
- f) Để tránh hiểu nhầm, Nghị Quyết Người Sỡ Hữu Trái Phiếu khi đã được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điểm 26.1 này sẽ ràng buộc tất cả Người Sỡ Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp Hội Nghị Người Sỡ Hữu Trái Phiếu hoặc gửi ý kiến bằng văn bản hay không). Tuy nhiên, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội Nghị Người Sỡ Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Điểm 26.1 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Phát Hành (trừ các Nghị Quyết Người Sỡ Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- g) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điểm 26.1a), b), c), d), e) và f) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sỡ Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sỡ Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành và Người Sỡ Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu này bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sỡ Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị Quyết Người Sỡ Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sỡ Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua. Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sỡ Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu này mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.

- h) Vì mục đích của Các Điều Khoản Trái Phiếu này, trong trường hợp bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành (nếu có) mua hoặc bằng cách khác nhận quyền sở hữu hợp pháp hoặc được hưởng lợi đối với bất kỳ Trái Phiếu nào, thì Công Ty Con đó sẽ không được quyền biểu quyết liên quan đến các Trái Phiếu đó tại bất kỳ Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nào.

26.2. Thông báo và địa chỉ đăng ký

26.2.1. Thông báo

- a) Mọi thông báo, thư liên lạc gửi cho hoặc từ Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, VSDC, HNX sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách:
- (i) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, VSDC, HNX nơi Trái Phiếu được niêm yết và/hoặc đăng ký tập trung (nếu áp dụng); hoặc
 - (ii) giao trực tiếp tận tay, gửi qua fax, gửi thư điện tử, hoặc
 - (iii) qua tin nhắn điện thoại; hoặc
 - (iv) gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ và số fax tương ứng quy định tại Điểm 26.2.2; hoặc
 - (v) gửi bằng hình thức điện tử thông qua Tài Khoản Đăng Ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- b) Bất kỳ thông báo, thư liên lạc nào như vậy sẽ được coi là đã nhận được:
- (i) được công bố trên website, thời điểm tròn 24 (Hai mươi tư) giờ từ thời điểm công bố;
 - (ii) nếu được chuyển giao tận tay, tại thời điểm giao;
 - (iii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 05 (Năm) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);
 - (iv) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận rằng thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác;
 - (v) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký hoặc theo thông báo bằng văn bản của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký/theo thông báo bằng văn bản của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);
 - (vi) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn điện thoại đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký/theo thông báo bằng văn bản của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn điện thoại của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký/theo thông báo bằng văn bản của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn điện thoại của người gửi);

- (vii) nếu được gửi bằng hình thức điện tử thông qua Tài Khoản Đăng Ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thông tin trên Tài Khoản Đăng Ký; hoặc
 - (viii) nếu gửi qua dịch vụ chuyển phát của công ty chuyển phát, tại thời điểm xác nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư liên lạc có liên quan.
- c) Bất kỳ bên nào cũng có thể thay đổi địa chỉ liên hệ của mình bằng cách gửi thông báo bằng văn bản trước 05 (Năm) Ngày Làm Việc cho bên kia. Trong trường hợp Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, việc thay đổi thông tin của các bên tuân thủ quy định của VSDC tại từng thời kỳ.

26.2.2. Địa chỉ đăng ký

Trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký đã thông báo cho các bên liên quan về việc thay đổi địa chỉ ít nhất 05 (Năm) Ngày Làm Việc trước ngày gửi thông báo, thư liên lạc theo quy định tại Điểm 26.2.1, địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây:

Tổ Chức Phát Hành:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Người nhận: Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ

Địa chỉ: Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62915916 Fax: (028) 62915900

Email: fixedincome@hdbank.com.vn

Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Người nhận: Khối Ngân hàng Đầu tư

Địa chỉ: Số 23 A-B Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Email: jb@hdbs.vn

26.3. Sửa đổi và từ bỏ

Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu này phải được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu (được thông qua hợp lệ bằng một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận trước bằng văn bản theo quy định pháp luật.

26.4. Luật điều chỉnh

Các Điều Khoản Trái Phiếu này được điều chỉnh bởi và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan tới Trái Phiếu trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

26.5. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này, kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này, các bên sẽ nỗ lực để giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp tranh chấp đó, không thể được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, sẽ được chuyển đến và giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank, cụ thể như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Phương án sử dụng vốn của Đợt Chào Bán 1:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý I/2025	Quý II/2025	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
3	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		2.500	2.500	5.000

Phương án sử dụng vốn của Đợt Chào Bán 2:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý II/2025	Quý III/2025	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		2.500	2.500	5.000

Hội đồng Quản trị của HDBank giao cho Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế của từng Đợt Chào Bán đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào kết quả chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Chào Bán tương ứng. Kế hoạch giải ngân thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của HDBank.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ Đợt Chào Bán

2.1. Nguồn trả nợ:

- Thanh toán lãi và gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu để thanh toán Lãi, Gốc Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, ngoại trừ trường hợp việc thanh toán Lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn do của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ thì Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả Lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu sẽ đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền Lãi, Gốc Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu, cụ thể như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Kỳ thu nợ (*)	Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
2	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
3	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
4	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
5	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
6	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
7	10,00%	10.000	1.000	5.000	6.000	5.000
8	10,00%	5.000	500	5.000	5.500	0
TỔNG			7.500	10.000	17.500	

(*) Bảo cáo theo kỳ tròn 01 (Một) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, quy định và chính sách cho vay của HDBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành Trái Phiếu, chi phí hoạt động khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bổ, ...)) + biên độ tối thiểu 2,00%/năm.

- Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để thanh toán Lãi, Gốc Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và các

nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán Lãi, Gốc Trái Phiếu hoặc mua lại Trái Phiếu trước hạn.

2.2. Kế hoạch trả nợ:

Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ đi các chi phí vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch trả nợ dự kiến của Tổ Chức Phát Hành cho mỗi Đợt Chào Bán trong trường hợp không phát sinh mua lại Trái Phiếu trước hạn, cụ thể như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Kỳ thanh toán (*)	Lãi suất Trái Phiếu dự kiến (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
2	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
3	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
4	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
5	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
6	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
7	7,475%	10.000	747,5	5.000	5.747,5	5.000
8	7,475%	5.000	373,75	5.000	5.373,75	0
TỔNG			5.606,25	10.000	15.606,25	

(*) Kỳ thanh toán tròn 01 (Một) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**): Lãi suất Trái Phiếu được giả định giữ nguyên trong quá trình Trái Phiếu lưu hành, tham chiếu lãi suất của các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 22/10/2024 + biên độ 2,8%/năm.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ Chức Kiểm Toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

2. Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành**Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 24 2897

Fax: (028) 38 24 2997

Website: www.ssi.com.vn**Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn**

Trên cơ sở những thông tin về phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu đã được Hội đồng Quản trị của Tổ Chức Phát Hành thông qua tại Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024, cùng với những nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn cho (các) đợt chào bán Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI nhận định kế hoạch chào bán Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành có tính khả thi, trừ trường hợp có những biến động bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến Đợt Chào Bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Tư Vấn đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính, kinh tế và chứng khoán nói chung. Những nhận xét đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu và chỉ mang tính chất tham khảo.

3. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD**

Trụ sở chính: Số 23 A-B Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website: www.hdbs.vn**4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán**

Không có.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

**XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Kim Byoungcho



Phạm Quốc Thanh

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Phạm Văn Đầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI



Nguyễn Thị Thanh Hà

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023;
2. **Phụ lục II:** Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và Quyết định số 2785/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/12/2024;
3. **Phụ lục III:** Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu HDBank phát hành ra công chúng;
4. **Phụ lục IV:** Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
5. **Phụ lục V:** Các Báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh gồm:
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán;
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán;
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét;
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III năm 2024.
6. **Phụ lục VI:** Văn bản số 1839/2024/CV-HDBank ngày 24/10/2024 của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về cam kết đáp ứng các điều kiện chào bán Trái Phiếu và thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2025

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 302/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2024)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank" hoặc "Tổ Chức Phát Hành")
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: (028) 62 915 916
Fax: (028) 62 915 900
Website: www.hdbank.com.vn
4. Vốn điều lệ: 35.101.422.540.000 đồng (theo Quyết định số 2785/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/12/2024 về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)
5. Mã cổ phiếu: HDB
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Sở Giao dịch
Số hiệu tài khoản: 119849 (Mã Citad: 79321001)
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã ngành: 6419), chi tiết như sau:
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
 - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán;
 - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
 - Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín

dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

- Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tài cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng;
- Mua nợ.

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
- Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.

8. Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẬP

Căn cứ Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng ("Nghị Quyết 413");

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 302/GCN-UBCK ngày 31/12/2024 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ("Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán");

Theo đó, phương án chào bán Trái Phiếu đã được phê duyệt với các thông tin như sau:

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng ("Trái Phiếu").
2. Loại Trái Phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
4. Tổng số lượng và giá trị Trái Phiếu chào bán: 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán (theo mệnh giá) là 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng), được chia thành 02 (Hai) Đợt chào bán như sau:

Đợt chào bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái Phiếu)	Giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	07 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y253301	08 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y253302	08 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
Tổng cộng			100.000.000	10.000.000.000.000

5. Thời gian phân phối:
 - Đợt Chào Bán 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán có hiệu lực;
 - Đợt Chào Bán 2: Dự kiến Quý II/2025 – Quý III/2025.

Thời gian chào bán của Đợt Chào Bán 2 không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa Đợt Chào Bán 1 và Đợt Chào Bán 2 không quá 12 tháng.
6. Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho các nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSL.
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSL.

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỦA ĐỢT CHÀO BÁN 1

1. Số lượng trái phiếu đã phát hành Đợt Chào Bán 1: 50.000.000 (Năm mươi triệu) trái phiếu, trong đó:

STT	Mã Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái Phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chào bán thành công (Trái Phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết (Trái Phiếu)	Tỷ lệ Trái Phiếu được phân phối
1	HDBC7Y253201	25.000.000	25.000.000	0	100%
2	HDBC8Y253301	25.000.000	25.000.000	0	100%
Tổng cộng		50.000.000	50.000.000	0	100%

2. Ngày kết thúc Đợt Chào Bán 1: ngày 24/03/2025.
3. Thông tin tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Đợt Chào Bán 1: toàn bộ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán 1 đã được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank theo đúng nội dung và thời hạn đã nêu tại Bản Cáo Bạch, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Dự kiến Quý I/2025	Dự kiến Quý II/2025	Thực tế đã sử dụng (tính đến ngày 31/05/2025)
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		2.500	2.500	5.000

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH (cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 302/GCN-UBCK ngày 31/12/2024)

Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng ngày 26/12/2024 đã được phê duyệt theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán ("Bản Cáo Bạch") được cập nhật, bổ sung một số thông tin tại Bản thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch này ("Bản Thông Tin Cập Nhật Bản Cáo Bạch"). Ngoài các thông tin được đề cập tại Bản Thông Tin Cập Nhật Bản Cáo Bạch này, các thông tin khác liên quan Tổ Chức Phát Hành và Trái Phiếu không có phát sinh thay đổi so với thông tin đã trình bày tại Bản Cáo Bạch.

A. Cập nhật thông tin tại Mục IV: “TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH” của Bản Cáo Bạch

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Nguyễn Hữu Động – Tổng Giám đốc

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 31/03/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 87 Chi nhánh, 288 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.585 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch:

Năm 2024

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 của HDBank đạt 13.248 tỷ đồng, tăng 28,17% so với cùng kỳ và hoàn thành 105,13% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tỷ lệ ROE đạt 25,71%, ROA đạt 2,04% nằm trong nhóm dẫn đầu ngành.
- Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản hợp nhất đạt 697.366 tỷ đồng, tăng 15,78% so với cùng kỳ.

Năm 2025

- Trong quý 1/2025, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 5.355 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 29,62%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành.
- Tại thời điểm 31/03/2025, tổng tài sản của HDBank đạt 711.311 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo;

Hội Đồng Quản Trị

- Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng;

Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc phụ trách và điều hành chính các mảng/lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công, phân nhiệm của Tổng Giám đốc.

Giám đốc Tài chính tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác phân bổ nguồn vốn và đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của Ngân hàng.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, cô các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Danh sách các công ty trong năm 2023 và năm 2024 và đến thời điểm hiện tại, kèm thông tin cụ thể tính đến thời điểm năm giữ gần nhất bao gồm:

- 5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành: Không có

- 5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Phát Hành:

Bảng 1: Danh sách công ty con của HDBank

STT	Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của HDBank tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại HDBank
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Số 0304990133 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/07/2007	Tài chính/ Ngân hàng	31/12/2023	50%	0%
				31/12/2024	50%	0%
				31/05/2025	50%	0%
2	Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki (Vikki Bank)	Số 0009/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp 27/03/1992	Tài chính/ Ngân hàng	31/12/2023 ^(*)	0%	0%
				31/12/2024 ^(*)	0%	0%
				31/05/2025	100%	0%

^(*) Tại các thời điểm này, Vikki Bank chưa phải là công ty con của HDBank. Từ ngày 17/01/2025, Ngân hàng TMCP Đông Á (nền tảng của Vikki Bank) được chuyển giao bắt buộc cho HDBank theo Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 116/QĐ-NHNN

Nguồn: HDBank

- 5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có
- 5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của HDBank tại ngày 31/05/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	15.081.522	0,43
2	Trong nước	28.962	2.904.656.009	82,75
a	Cá nhân trong nước	28.810	1.391.270.603	39,64
b	Tổ chức trong nước	152	1.513.385.406	43,11
3	Nước ngoài	788	590.404.723	16,82
a	Cá nhân nước ngoài	647	7.695.597	0,22
b	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	141	582.709.126	16,60
	<i>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	6	1.153.058	0,03
	Tổng cộng	29.751	3.510.142.254	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank do VSDC cung cấp tại ngày 31/05/2025

7.3. Các loại chứng khoán khác

7.3.1. Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành tại thời điểm 31/05/2025: 10.000.000.000.000 VND
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

7.3.2. Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 31/05/2025: 51.855.875.000.000 VND
- Đặc điểm:
 - + 21.200.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
 - + 22.201.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
 - + 8.454.875.000.000 VND là trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền.

Bảng 4: Chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/05/2025

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
I	Năm 2019				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1926_03	1.000.000.000	Cố định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành
II	Năm 2020				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	Certificate No.1 (*)	780.450.000.000	Cố định	7(**)	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
2	Certificate No.2 (*)	1.690.975.000.000	Cố định	7(**)	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
3	Certificate No.3 (*)	1.690.975.000.000	Cố định	7(**)	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
4	HDB2025	1.500.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành
III	Năm 2021				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2125005	300.000.000.000	Cố định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
2	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBD2126019 (*)	4.292.475.000.000	Cố định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
IV Năm 2022					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2232004	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBL2232005	26.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2232009	34.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành
V Năm 2023					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2330001	2.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
					quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBL2330002	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBL2330003	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
4	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
7	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
					các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
8	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
9	HDBL2331009	420.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
VI Năm 2024					
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y202301	3.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBC7Y202302	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBC7Y202303	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2427001	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBL2427007	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDBL2427010	3.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDBL2426011	2.000.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
5	HDBL2427013	500.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
6	HDBL2427015	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
7	HDBL2427016	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
8	HDBL2427018	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
9	HDBL2426019	900.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
10	HDBL2426026	850.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
11	HDBH2429027	1.150.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
12	HDBL2427028	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
13	HDBL2431002	300.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
14	HDBL2431003	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
15	HDBL2432004	200.000.000.000	Cố định	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
16	HDBL2432005	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
17	HDBL2432006	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
18	HDBL2432008	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
19	HDBL2431009	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
20	HDBL2431012	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
21	HDBL2432014	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
22	HDBL2432017	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
23	HDBL2432020	200.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
24	HDBL2431021	440.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
25	HDBL2432022	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
26	HDBL2432023	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
27	HDBL2432024	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
28	HDBL2432025	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
29	HDBL2431029	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
VII Năm 2025					
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y253201	2.500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành
2	HDBC8Y253301	2.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
Tổng (I + II + III + IV + V + VI + VII)		61.855.875.000.000			

^(*) Trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế, bằng đồng USD được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm 31/05/2025: USD/VND = 26.015.

^(**) Căn cứ Nghị quyết số 89/2025/NQ-HĐQT ngày 16/05/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua việc gia hạn thời hạn của các Trái phiếu này thêm 02 năm so với kỳ hạn ban đầu tại phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết số 14/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/10/2018

Nguồn: HDBank

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Hoạt động kinh doanh theo sản phẩm dịch vụ

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

a) Cơ cấu doanh thu

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2023 – Quý I/2025 (Công ty mẹ)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2023	2024	Quý I/2025	2023	2024	Quý I/2025
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	47.041	51.954	13.456	87,77%	89,01%	85,77%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.988	2.391	952	3,71%	4,10%	6,07%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.375	2.498	405	4,43%	4,28%	2,58%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	194	412	391	0,36%	0,71%	2,49%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.425	298	2	2,66%	0,51%	0,01%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	187	567	482	0,35%	0,97%	3,07%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	250	0	0,72%	0,43%	0,00%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	53.594	58.370	15.688	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2023 – Quý I/2025 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2023	2024	Quý I/2025	2023	2024	Quý I/2025
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.641	57.996	14.992	87,72%	88,61%	85,39%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.830	3.296	1.177	4,72%	5,04%	6,70%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.372	2.508	412	3,95%	3,83%	2,35%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	194	412	391	0,32%	0,63%	2,23%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.425	298	2	2,37%	0,46%	0,01%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	542	870	560	0,90%	1,33%	3,19%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	72	24	0,01%	0,11%	0,14%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	60.013	65.452	17.558	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

b) Cơ cấu thu nhập thuần

Bảng 7: Cơ cấu thu nhập thuần của HDBank giai đoạn 2023 – Quý I/2025 (Công ty mẹ)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2023	2024	Quý I/2025	2023	2024	Quý I/2025
1	Thu nhập lãi thuần	17.305	25.409	6.006	82,95%	92,14%	80,09%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.348	516	509	6,46%	1,87%	6,79%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	704	857	210	3,37%	3,11%	2,80%
4	Lãi thuần từ mua bán	42	69	389	0,20%	0,25%	5,19%

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2023	2024	Quý I/2025	2023	2024	Quý I/2025
	chứng khoán kinh doanh						
5	Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	68	-17	5,59%	0,25%	-0,23%
6	Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	-89	408	402	-0,43%	1,48%	5,36%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	250	0	1,84%	0,91%	0,00%
	Tổng cộng thu nhập thuần	20.861	27.577	7.499	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 8: Cơ cấu thu nhập thuần của HDBank giai đoạn 2023 – Quý I/2025 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2023	2024	Quý I/2025	2023	2024	Quý I/2025
1	Thu nhập lãi thuần	22.184	30.857	7.408	83,99%	90,67%	80,48%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.188	1.417	733	8,28%	4,16%	7,96%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	565	844	188	2,14%	2,48%	2,04%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	42	69	389	0,16%	0,20%	4,23%
5	Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	68	-17	4,42%	0,20%	-0,18%
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	259	706	479	0,98%	2,07%	5,20%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	72	24	0,03%	0,21%	0,26%
	Tổng cộng thu nhập thuần	26.414	34.032	9.205	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

8.1.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của HDBank phần lớn từ thị trường trong nước, theo số liệu hợp nhất trung bình chiếm 94,94%/năm. Thị trường huy động vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng trung bình 5,06%/năm.

a) Nguồn vốn huy động

Theo BCTC hợp nhất Quý I/2025, tổng giá trị huy động vốn tại thời điểm 31/03/2025 của HDBank đạt 627.378 tỷ Đồng, tăng 1,46% so với cuối năm 2024, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá, chiếm khoảng trên 88% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 9: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	27	0,01%	15	0,00%	-44,44%	28	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	109.464	20,83%	97.368	15,95%	-11,05%	73.366	11,85%
Tiền gửi của khách hàng	370.778	70,56%	437.505	71,67%	18,00%	465.321	75,14%
Phát hành Giấy tờ có giá	45.187	8,60%	75.560	12,38%	67,22%	80.516	13,00%
Tổng cộng	525.456	100,00%	610.448	100,00%	16,17%	619.231	100,00%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	490.302	93,31%	584.613	95,77%	19,24%	594.708	96,04%
Ngoài nước	35.154	6,69%	25.835	4,23%	-26,51%	24.523	3,96%
Tổng cộng	525.456	100,00%	610.448	100,00%	16,17%	619.231	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 10: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	27	0,01%	15	0,00%	-44,44%	28	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	112.087	21,00%	99.461	16,09%	-11,26%	73.678	11,74%
Tiền gửi của khách hàng	370.778	69,46%	437.505	70,76%	18,00%	465.321	74,17%
Phát hành Giấy tờ có giá	50.938	9,54%	81.350	13,16%	59,70%	88.351	14,08%
Tổng cộng	533.830	100,00%	618.331	100,00%	15,83%	627.378	100,00%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	497.559	93,21%	590.620	95,52%	18,70%	602.855	96,09%
Ngoài nước	36.271	6,79%	27.711	4,48%	-23,60%	24.523	3,91%
Tổng cộng	533.830	100,00%	618.331	100,00%	15,83%	627.378	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá

Theo số liệu hợp nhất Quý I/2025, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 31/03/2025 đạt 88.351 tỷ Đồng, chiếm 14,08% trong tổng nguồn vốn huy động. Điều này không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp HDBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình hơn 70,11% tổng nguồn vốn huy động của HDBank (hợp nhất) trong giai đoạn 2023 – 2024. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư. Tại ngày 31/03/2025, tổng tiền gửi của khách hàng trên BCTC hợp nhất của HDBank đạt 465.321 tỷ đồng, tăng 6,36% so với cuối năm 2024 và chiếm 74,17% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	370.778	437.505	465.321
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Cá nhân	73,38%	76,10%	80,20%
-	Tổ chức	26,62%	23,90%	19,80%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,85%	11,73%	9,29%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	18,96%	15,02%	13,36%
-	Tiền gửi tiết kiệm	69,95%	73,03%	77,08%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,21%	0,13%	0,15%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,03%	0,10%	0,13%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	VND	99,32%	99,12%	98,99%
-	Ngoại tệ	0,68%	0,88%	1,01%

Nguồn: HDBank

Bảng 12: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	370.778	437.505	465.321
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Cá nhân	73,38%	76,10%	80,20%
-	Tổ chức	26,62%	23,90%	19,80%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,85%	11,73%	9,29%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	18,96%	15,02%	13,36%
-	Tiền gửi tiết kiệm	69,95%	73,03%	77,08%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,21%	0,12%	0,15%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,03%	0,10%	0,13%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	VND	99,32%	99,12%	98,99%
-	Ngoại tệ	0,68%	0,88%	1,01%

Nguồn: HDBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm 80,20% tại thời điểm 31/03/2025), phù hợp với chiến lược phát triển là Ngân hàng bán lẻ của HDBank trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) của HDBank chiếm tỷ trọng lớn, trên 88,48% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2023 – 2024, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tính tại ngày 31/03/2025, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 9,29% và tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) chiếm 90,44% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 99% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2023 – 2024). Tại ngày 31/03/2025, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 460.619 tỷ VND, tăng 6,22% so với năm 2024 và chiếm 98,99% tổng số dư tiền gửi của khách hàng.

Bảng 13: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
VND	368.253	433.635	17,75%	460.619
Ngoại tệ	2.525	3.870	53,27%	4.702
Tổng	370.778	437.505	18,00%	465.321

Nguồn: HDBank

Bảng 14: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
VND	368.253	433.635	17,75%	460.619
Ngoại tệ	2.525	3.870	53,27%	4.702
Tổng	370.778	437.505	18,00%	465.321

Nguồn: HDBank

8.1.3. Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của HDBank tăng đều qua các năm. Tính đến 31/03/2025, tổng dư nợ tín dụng theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 449.901 tỷ đồng (tăng 2,78% so với năm 2024), trong đó gồm khoản tín dụng 8.106 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành. Với mục tiêu phát triển bền vững, HDBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các theo quy định của NHNN.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 31/03/2025, dư nợ cho vay trung dài hạn theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 220,301 tỷ đồng, chiếm 49,87% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng, tăng 7,91% so với cuối năm 2024. Trong khi đó, dư nợ ngắn hạn tại 31/03/2025 là 221.494 tỷ đồng (tương đương 50,14% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng), giảm 2,49% so với thời điểm cuối năm 2024. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được HDBank chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)*Đơn vị: tỷ Đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	176.985	54,07%	219.624	53,17%	24,09%	213.918	50,52%
2	Nợ trung hạn	83.651	25,56%	127.570	30,88%	52,50%	143.739	33,95%
3	Nợ dài hạn	66.682	20,37%	65.900	15,95%	-1,17%	65.770	15,53%
	Tổng cộng	327.318	100,00%	413.094	100,00%	26,21%	423.427	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)*Đơn vị: tỷ Đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	183.332	53,39%	227.159	52,67%	23,91%	221.494	50,14%
2	Nợ trung hạn	93.390	27,20%	138.248	32,05%	48,03%	154.531	34,98%
3	Nợ dài hạn	66.682	19,42%	65.900	15,28%	-1,17%	65.770	14,89%
	Tổng cộng	343.404	100,00%	431.306	100,00%	25,60%	441.795	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

Xét về nhóm ngành cho vay:

Về cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh tế, tại ngày 31/03/2025 theo số liệu hợp nhất, ba ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay khách hàng bao gồm: (i) Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng của hộ gia đình (tương đương 36,40%); (ii) Hoạt động kinh doanh bất động sản (tương đương 18,08%); và (iii) Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác (tương đương 14,83%).

Bảng 17: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	93.246	28,49%	141.407	34,23%	142.444	33,64%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	14.278	4,36%	2.996	0,73%	3.922	0,93%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.590	3,54%	18.627	4,51%	20.038	4,73%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	58.249	17,80%	68.292	16,53%	79.894	18,87%
5	Xây dựng	24.449	7,47%	42.190	10,21%	40.771	9,63%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	9.995	3,05%	7.052	1,71%	6.780	1,60%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	46.004	14,05%	68.168	16,50%	65.527	15,48%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.980	1,22%	9.570	2,32%	10.436	2,46%
9	Vận tải, kho bãi	5.394	1,65%	7.706	1,87%	9.582	2,26%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	13.039	3,98%	30.707	7,43%	28.460	6,72%
11	Khác	47.094	14,39%	16.378	3,96%	15.572	3,68%
Tổng cộng		327.318	100,00%	413.094	100,00%	423.427	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 18: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	109.333	31,84%	159.619	37,01%	160.812	36,40%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	14.278	4,16%	2.996	0,69%	3.922	0,89%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.590	3,38%	18.627	4,32%	20.038	4,54%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	58.249	16,96%	68.292	15,83%	79.894	18,08%
5	Xây dựng	24.449	7,12%	42.190	9,78%	40.771	9,23%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	9.995	2,91%	7.052	1,64%	6.780	1,53%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	46.004	13,40%	68.168	15,81%	65.527	14,83%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.980	1,16%	9.570	2,22%	10.436	2,36%
9	Vận tải, kho bãi	5.394	1,57%	7.706	1,79%	9.582	2,17%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	13.039	3,80%	30.707	7,12%	28.460	6,44%
11	Khác	47.094	13,71%	16.378	3,80%	15.572	3,52%
Tổng cộng		343.404	100,00%	431.306	100,00%	441.795	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023; 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của HDBank. Tại thời điểm 31/03/2025, số dư bảo lãnh của HDBank đạt 75,409 tỷ đồng, tăng hơn 3,85% so với cuối năm 2024.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, HDBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của HDBank. Tính đến ngày 31/03/2025, tỷ lệ nợ xấu (tính theo thông tư số 11/2021/TT-NHNN và thông tư số 31/2024/TT-NHNN) của HDBank theo số liệu hợp nhất vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 1,79% tổng dư nợ tín dụng (tại thời điểm cuối năm 2024 tỷ lệ này là 1,48%).

Bảng 19: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	305.849	93,44%	386.327	93,52%	26,31%	391.628	92,49%
Nợ cần chú ý	16.534	5,05%	19.557	4,73%	18,28%	22.570	5,33%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.743	0,53%	3.406	0,82%	95,41%	4.343	1,03%
Nợ nghi ngờ	1.576	0,48%	1.589	0,38%	0,82%	3.137	0,74%
Nợ có khả năng mất vốn	1.617	0,49%	2.214	0,54%	36,92%	1.749	0,41%
Tổng cộng	327.318	100,00%	413.094	100,00%	26,21%	423.427	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 20: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	319.239	92,96%	401.835	93,17%	25,87%	407.164	92,16%
Nợ cần chú ý	18.005	5,24%	20.915	4,85%	16,16%	24.052	5,44%
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.610	0,76%	4.200	0,97%	60,92%	5.006	1,13%
Nợ nghi ngờ	1.908	0,56%	1.967	0,46%	3,09%	3.599	0,81%
Nợ có khả năng mất vốn	1.642	0,48%	2.389	0,55%	45,49%	1.973	0,45%
Tổng cộng	343.404	100,00%	431.306	100,00%	25,60%	441.795	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

Bảng 21: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Dự phòng cụ thể	1.091	2.022	1.684
Dự phòng chung	2.443	3.165	3.195
Tổng cộng	3.534	5.188	4.879

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 22: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Dự phòng cụ thể	1.491	2.578	2.307
Dự phòng chung	2.563	3.301	3.331
Tổng cộng	4.054	5.879	5.638

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN quy định về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Ngày 30/06/2024, NHNN đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của NHTM, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực thi hành từ 01/07/2024 để thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021. Ngày 11/07/2024, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái và có hiệu lực thi hành từ ngày 11/07/2024.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của HDBank tại thời điểm 31/03/2025 là 14,32% và tại thời điểm 31/12/2024 là 14,03%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 23: Tỷ lệ an toàn vốn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Vốn tự có	57.895	82.053	86.656

Vốn cấp 1	43.630	53.339	57.428
Vốn cấp 2	15.525	30.619	31.134
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	1.261	1.905	1.905
Tổng tài sản "Có" rủi ro	474.193	602.788	627.618
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	12,21%	13,61%	13,81%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

Bảng 24: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Vốn tự có	61.900	87.255	92.760
Vốn cấp 1	44.347	54.362	58.628
Vốn cấp 2	17.553	32.893	34.132
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-
Tổng tài sản "Có" rủi ro	492.262	621.842	647.617
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	12,57%	14,03%	14,32%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

HDBank đã sẵn sàng áp dụng chỉ số CAR theo Basel III ngay khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo chỉ số này ở mức tốt hơn so với khuyến nghị, tuân thủ đầy đủ quy trình đánh giá nội bộ về mức dư vốn (ICAAP). Tỷ lệ an toàn vốn của HDBank đạt theo tiêu chuẩn Basel III, Ngân hàng đang tiếp tục triển khai áp dụng đầy đủ chuẩn Basel III vào công tác quản trị hệ thống. Các tỷ lệ an toàn khác theo Basel III như tỷ lệ đòn bẩy, LCR, NSFR... đều đạt mức tốt. Hệ thống kiểm soát nội bộ tiếp tục được hoàn thiện và nâng cấp.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của HDBank bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Năm 2024, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 2.508 tỷ đồng, tăng 5,73% so với năm 2023 và lãi thuần đạt 844 tỷ đồng, tăng 49,38% so với năm 2023. Tại thời điểm Quý I/2025, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank lần lượt đạt 412 tỷ đồng và 188 tỷ đồng.

Bảng 25: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/giảm	Quý I/2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.375	2.498	5,18%	405
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.671	1.641	-1,80%	196
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	704	857	21,73%	210

Nguồn: HDBank

Bảng 26: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/giảm	Quý I/2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.372	2.508	5,73%	412
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.807	1.664	-7,91%	224
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	565	844	49,38%	188

Nguồn: HDBank

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán trong nước (bao gồm các kênh Citad/VCB Money, BIDV Epay và Napas) của HDBank đạt 143.638.729 giao dịch, tăng 111,32% so với năm 2023; doanh số thanh toán đạt 14.204.019 tỷ đồng, tăng 44,56% so với năm 2023. Quý I/2025, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của HDBank đạt 47.488.243 giao dịch, tăng 78,66% và doanh số thanh toán trong nước đạt 4.118.781 tỷ đồng, tăng 58,72% so với cùng kỳ năm 2024.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế

Năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 58.612 giao dịch, tăng 9,35% so với năm 2023; doanh số thanh toán đạt gần 16 tỷ USD, tăng 23,08% so với năm 2023. Quý I/2025, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 19.663 giao dịch; doanh số thanh toán đạt hơn 2 tỷ USD.

8.1.5. Hoạt động Ngân hàng đại lý

HDBank đã thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều ngân hàng đại lý trong và ngoài nước, đối tác tổ chức quốc tế. HDBank hiện có quan hệ ngân hàng đại lý (Swift RMA) với

hơn 350 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho HDBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ L/C, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. HDBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam ký kết thỏa thuận Ngân hàng Xác nhận (Confirming Banking) với ADB và là ngân hàng tiên phong triển khai thành công Thư tín dụng trên nền tảng công nghệ blockchain của hệ thống tài trợ thương mại toàn cầu mang tên "Contour" lần đầu tiên tại Việt Nam. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để HDBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

8.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính

Tính đến 31/03/2025, theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất, tổng giá trị đầu tư chứng khoán đạt 64.358 tỷ đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành đạt 29.498 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 26.527 tỷ đồng, chiếm lần lượt 45,21% và 40,66% tổng danh mục đầu tư.

Bảng 27: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng đầu tư chứng khoán	62.757	97,85%	70.800	97,23%	64.358	96,98%
Trái phiếu Chính phủ ^(*)	17.326	27,01%	36.199	49,71%	26.527	39,97%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	35.110	54,74%	27.949	38,38%	29.498	44,45%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	10.036	15,65%	6.425	8,82%	8.106	12,21%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	285	0,45%	227	0,31%	227	0,34%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	1.379	2,15%	2.019	2,77%	2.007	3,02%
Tổng cộng	64.136	100,00%	72.819	100,00%	66.365	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

^(*) Trái phiếu Chính phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) Tín phiếu do NHNN phát hành

Bảng 28: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chi tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng đầu tư chứng khoán	62.757	99,74%	70.800	98,78%	64.358	98,64%
Trái phiếu Chính phủ ^(*)	17.326	27,54%	36.199	50,50%	26.527	40,66%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	35.110	55,80%	27.949	38,99%	29.498	45,21%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	10.036	15,95%	6.425	8,96%	8.106	12,42%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	285	0,45%	227	0,32%	227	0,35%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	164	0,26%	876	1,22%	888	1,36%
Tổng cộng	62.921	100,00%	71.676	100,00%	65.246	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 1/2025 của HDBank

^(*) Trái phiếu Chính phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) Tín phiếu do NHNN phát hành

b) Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Năm 2024, HDBank tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong thị trường bảo hiểm nhân thọ, đạt tăng trưởng doanh số ấn tượng nhờ chiến lược kinh doanh hiệu quả và sự tin tưởng của khách hàng. Ngân hàng đặc biệt chú trọng đến đầu tư vào đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, ứng dụng công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quy trình tư vấn và mua bảo hiểm. HDBank tự hào là đơn vị tiên phong trong việc mang đến trải nghiệm vượt trội, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, đồng thời tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật. Mọi quy trình tư vấn khách hàng đều được giám sát chặt chẽ thông qua sự kết hợp giữa công nghệ tiên tiến và phương pháp quản lý truyền thống.

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng và tăng cường khả năng cạnh tranh, HDBank đã chú trọng đa dạng hóa các sản phẩm bảo hiểm. Điều này không chỉ mở rộng danh mục sản phẩm, thu hút khách hàng mới và tăng doanh thu, mà còn giúp tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, giảm sự phụ thuộc vào các dịch vụ truyền thống.

c) Hoạt động kinh doanh thẻ

Năm 2024, HDBank tập trung vào chiến lược phát triển bền vững với ba mục tiêu chính: đa dạng hóa sản phẩm thẻ, nâng cấp dịch vụ khách hàng, và tối ưu hóa quy trình vận hành.

HDBank cũng triển khai các chiến lược truyền thông đa dạng và hấp dẫn khuyến khích khách hàng giao dịch, đồng thời hợp tác với các đối tác lớn để triển khai các chương trình khuyến mại hấp dẫn.

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng

Kết thúc Quý I/2025, tổng tài sản của HD SAISON đạt 19.698 tỷ đồng, tăng 0,25% so với cuối năm 2024, trong đó cho vay khách hàng đạt 18.368 tỷ đồng và huy động vốn đạt 13.535 tỷ đồng.

8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 29: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	511	158	353	594	180	414	595	186	409
Máy móc thiết bị	366	208	158	469	225	244	481	237	244
Phương tiện vận tải	427	281	146	478	327	151	479	337	141
Thiết bị, dụng cụ quản lý	277	255	22	311	272	39	312	277	35
TSCĐ hữu hình khác	21	13	7	30	16	14	29	17	13
Tổng cộng	1.602	916	686	1.881	1.020	861	1.896	1.054	842

Nguồn: HDBank

Bảng 30: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	512	159	353	594	180	414	595	186	409
Máy móc thiết bị	366	208	158	469	225	244	481	237	244

Phương tiện vận tải	427	281	146	478	327	151	479	337	141
Thiết bị, dụng cụ quản lý	378	329	49	413	348	65	414	355	59
TSCĐ hữu hình khác	21	13	7	30	16	14	29	17	13
Tổng cộng	1.703	990	713	1.984	1.096	887	1.998	1.132	866

Nguồn: HDBank

8.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 31: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	14	95	116	17	99	116	17	99
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	612	0	612	612	0	612
Phần mềm máy vi tính	383	308	76	522	358	164	546	378	169
TSCĐ vô hình khác	1	0,35	0,65	1	0	1	1	0	1
Tổng cộng	1.025	322	703	1.250	375	876	1.275	395	880

Nguồn: HDBank

Bảng 32: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	14	95	116	17	99	116	17	99

Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	612	0	612	612	0	612
Phần mềm máy vi tính	427	347	80	563	396	167	587	416	171
TSCĐ vô hình khác	8	5	3	1	0	1	1	0	1
Tổng cộng	1.076	367	710	1.291	413	878	1.316	433	883

Nguồn: HDBank

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.3. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2025

Trong năm 2025 công tác Quản lý rủi ro là một nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Ngân hàng với sự đầu tư, hoạch định các kế hoạch, chiến lược mới: triển khai Dự án IFRS9 – chủ động trích lập dự phòng rủi ro trên cơ sở áp dụng mô hình tổn thất tín dụng dự kiến (Expected Credit Loss - ECL), Dự án Đo lường hiệu suất kinh doanh điều chỉnh theo rủi ro (RORWA/ RAROC), Dự án Hệ thống phòng chống gian lận và các dự án nhằm hiện đại hóa công tác quản lý rủi ro.

Từ năm 2023 đến nay, trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường tài chính nói riêng, HDBank đẩy mạnh và tăng cường công tác kiểm soát, giám sát từ xa thông qua số liệu và kiểm tra thực tế ĐVKD. Đồng thời điều chỉnh mô hình thẩm định/tái thẩm định, phê duyệt nhằm đảm bảo công tác thẩm định, phê duyệt độc lập, khách quan và đưa ra nhiều phương án xử lý trong trường hợp xảy ra các sự cố không mong muốn trong thời gian qua.

Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực triển khai, nâng cấp các công cụ, mô hình quản lý rủi ro để giám sát, tính toán, đo lường và đưa ra các cảnh báo kịp thời về diễn biến của các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động luôn đáp ứng tốt theo quy định của NHNN.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện và Mạng lưới khách hàng

Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 31/03/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 87 Chi nhánh, 288 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.585 người.

8.4.2. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Thị phần và khả năng cạnh tranh:

Bảng 33: Thị phần HDBank so với các ngân hàng trong ngành tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: tỷ Đồng

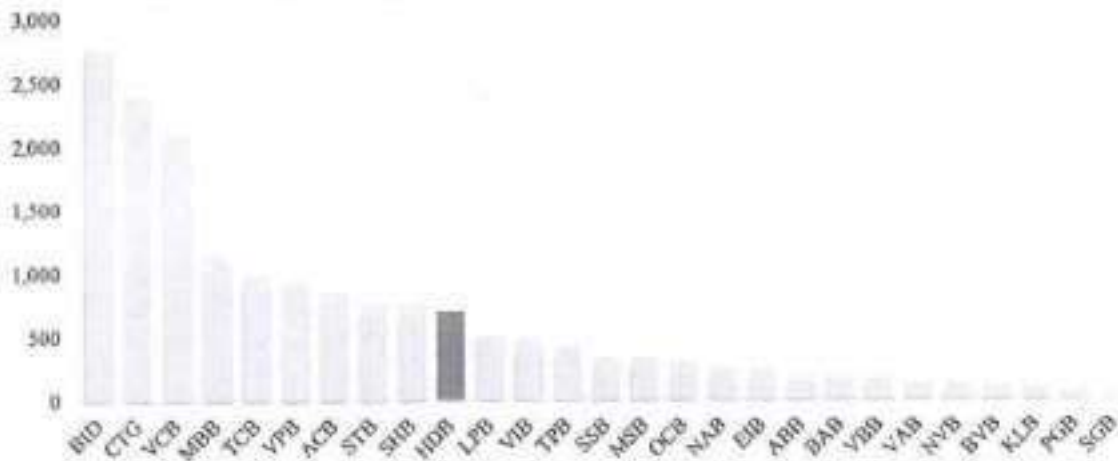
Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng
HDBank	697.366	56.657	436.606 ^(*)	437.505
Thị phần HDBank so với các ngân hàng trong ngành ^(**)	4,32%	4,05%	3,98%	4,16%
Xếp hạng của HDBank so với các ngân hàng trong ngành ^(**)	#10	#9	#10	#10

^(*) Số liệu đã bao gồm dự phòng rủi ro cho vay khách hàng^(**) Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của các Ngân hàng TMCP đại chúng dựa trên cơ sở dữ liệu của FinPro*Xét về một quy mô:*

Tại 31/12/2024, Tổng tài sản HDBank đạt 697.366 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 24,9% trong 05 năm liên tiếp từ 2019 - 2024, xếp trong top 10 Ngân hàng TMCP đại chúng lớn nhất về Tổng tài sản. Vốn chủ sở hữu đạt 56.657 tỷ đồng, thuộc trong top 9 Ngân hàng TMCP đại chúng có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, HDBank đạt kết quả kinh doanh tốt nhất từ trước đến nay với lợi nhuận trước thuế đạt 16.730 tỷ đồng, tăng 28,5% so với cùng kỳ. Các chỉ tiêu sinh lời ROE đạt 25,71%, ROA đạt 2,04%, trong nhóm ngân hàng có hiệu quả ngân hàng cao nhất. Đồng thời hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 14,03%, tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ chỉ 1,28%, hợp nhất đạt 1,48%, trong nhóm những ngân hàng có tỷ lệ an toàn vốn và chất lượng tài sản tốt nhất.

Tổng tài sản của các Ngân hàng TMCP đại chúng tại thời điểm 31/12/2024 ^(*)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của các Ngân hàng TMCP đại chúng

^(*) Ghi chú: Tên các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán của các ngân hàng đó.

Vị thế của HDBank theo đánh giá của Công ty Cổ phần FiiRatings

Theo Báo cáo Xếp hạng Tín nhiệm cập nhật của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/03/2025, Công ty Cổ phần FiiRatings giữ nguyên điểm Xếp hạng của HDBank ở mức “A”, cùng với Triển vọng xếp hạng “Thuận lợi”.

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Bảng 34: Một số dự án chiến lược đã và đang triển khai tính đến ngày 31/03/2025

STT	Tên Dự án/ Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
1	Kiosk Banking - Tối ưu mạng hóa lưới Chi nhánh & ATM	Hoàn tất quy hoạch mạng lưới toàn quốc, đưa vào vận hành mô hình Kiosk tại các khu vực đô thị đông dân.	Góp phần chuyển đổi mô hình phục vụ theo hướng tinh gọn – hiệu quả. Tối ưu hóa chi phí vận hành, cải thiện năng lực phục vụ tại điểm chạm vật lý, đặc biệt tại các khu vực tăng trưởng chiến lược (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, vùng ven).
2	Dự án Tư vấn Quản trị ESG và tài chính bền vững	Đang triển khai dự án.	Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng, xây dựng chiến lược và quản trị ESG toàn diện trên toàn hàng, nâng cao công tác Quản trị rủi ro ESG, hoàn thiện khung tài chính xanh và bền vững, triển khai công cụ báo cáo ESG tiến tiến, góp phần thực hiện cam kết net zero năm 2050 của Việt Nam.
3	Chương trình mở rộng độ phủ ngân hàng tại nông thôn	Triển khai toàn hàng trong Quý IV/2024.	Là một trong các chương trình thể hiện định hướng chiến lược “tài chính toàn diện”. Không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho khu vực nông thôn, chương trình còn giúp HDBank khai phá dư địa tăng trưởng mới, đa dạng hóa danh mục khách hàng và thúc đẩy hoạt động tín dụng lành mạnh.
4	Chương trình giải pháp ngành cho các ngành ưu tiên	Đã hoàn tất giai đoạn thiết kế mô hình tài chính chuyên biệt theo ngành (nông nghiệp, y tế, giáo dục, năng lượng...), triển khai thí điểm tại một số khu vực.	Là chương trình tạo lợi thế cạnh tranh theo chiều sâu. Việc thiết kế giải pháp tài chính chuyên biệt theo đặc thù từng ngành giúp HDBank tối ưu hóa cấu trúc tín dụng – tăng trưởng hiệu quả – kiểm soát rủi ro theo ngành, đồng thời nâng cao vị thế ngân hàng đồng hành cùng phát triển kinh tế quốc gia.
5	Mở rộng quy mô nền	Đã mở rộng triển khai đến các nhóm	Là chương trình tiên phong trong chiến lược phục vụ toàn diện chuỗi giá trị doanh nghiệp, VCF giúp

STT	Tên Dự án/ Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
	tăng VCF (Value Chain Finance)	ngành ưu tiên. Tích hợp dữ liệu chuỗi cung ứng – kết nối hệ sinh thái đầu vào – đầu ra.	HDBank không chỉ cung cấp tài chính cho doanh nghiệp chính mà còn mở rộng phục vụ đến nhà cung cấp, đại lý, đối tác... Nhờ đó, ngân hàng nâng cao khả năng giữ chân doanh nghiệp lớn, đồng thời khai thác hiệu quả phân khúc SMEs vệ tinh – một nguồn CASA và tín dụng chất lượng cao.
6	Khách hàng đặc biệt (Priority Banking)	Đã hoàn thiện mô hình phục vụ khách hàng đặc quyền, thiết kế các gói sản phẩm đầu tư, thẻ tín dụng, ưu đãi chuyên biệt.	Đây là phân khúc mang lại giá trị tài chính và thương hiệu lớn cho ngân hàng. Chương trình giúp HDBank giữ chân khách hàng có giá trị vòng đời cao (CLV), tăng thu nhập ngoài lãi, đồng thời nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp – đẳng cấp trong thị trường tài chính.
7	Phát triển đối tác chiến lược	Đã hoàn tất thiết kế bộ chính sách và áp dụng tại các vùng trọng điểm.	Là chương trình chiến lược mở rộng nền tảng khách hàng thông qua hệ sinh thái sản phẩm – dịch vụ tích hợp giữa khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Không chỉ giúp gia tăng CASA từ khách hàng doanh nghiệp, chương trình còn xây dựng kết nối chặt chẽ với chủ doanh nghiệp, tạo đòn bẩy phát triển mảng tài sản, thẻ và ngân hàng số. Đây là một trong những mô hình bán chéo kiểu mẫu, hướng đến tăng CLV & giảm chi phí thu hút khách hàng mới (CAC).
8	Tăng trưởng CASA	Đang triển khai dự án.	Là mục tiêu trọng tâm của chiến lược tối ưu chi phí vốn. Việc tăng trưởng CASA không chỉ giúp cải thiện NIM mà còn hỗ trợ mở rộng quy mô tín dụng, phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ và duy trì nền tảng thanh khoản ổn định cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Nguồn: HDBank

8.6. Chiến lược kinh doanh

8.6.2. Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2025

• **Mục tiêu 1 - Nâng tầm quy mô, tăng trưởng vượt trội, vươn mình mạnh mẽ**

- ✓ Tăng trưởng quy mô vượt trội, tối ưu tăng trưởng tín dụng theo hạn mức Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Nâng cao chất lượng danh mục cho vay, mở rộng cho vay vào các lĩnh vực có rủi ro thấp, các sản phẩm vay xanh và sản phẩm đầu tư thân thiện với môi trường.
- ✓ Đảm bảo các cân đối, chỉ tiêu hiệu quả và an toàn hoạt động thuộc Top đầu.

- ✓ Tăng trưởng CASA đột phá hỗ trợ cải thiện chi phí vốn và nâng cao năng lực cạnh tranh về giá của HDBank thông qua việc đẩy mạnh triển khai kết nối thanh toán không tiền mặt với các trường học, bệnh viện, cơ sở y tế, giao thông, phát triển merchant, và bán các giải pháp thanh toán.
- ✓ Đồng các chương trình chuyển đổi chiến lược và bán giao cho BAU.
- ✓ Nhận chuyển giao bắt buộc ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á. Triển khai các biện pháp hỗ trợ, phối hợp, tích hợp, nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh và vận hành thông suốt.
- ✓ Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và đối tác Banca; Nâng cao năng lực vốn, tiếp tục củng cố vị thế cổ phiếu HDB trên thị trường chứng khoán.
- **Mục tiêu 2 - Tăng trưởng mạnh mẽ khách hàng hệ sinh thái & phát triển kênh phân phối**
 - ✓ Chuyển đổi mạnh mẽ khách hàng của hệ sinh thái để tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng HDBank trong năm 2025.
 - ✓ Triển khai các nền tảng onboarding khách hàng: Di-HDBank, VCF, R2,... chú trọng vào trải nghiệm hành trình khách hàng.
 - ✓ Phát triển mạng lưới đại lý thanh toán và ngân hàng đại lý.
- **Mục tiêu 3 – Cung cấp sản phẩm dịch vụ đổi mới và sáng tạo**
 - ✓ Mở ra các mảng kinh doanh mới leasing và lưu ký.
 - ✓ Tăng cường tích hợp các sản phẩm dịch vụ để cung cấp Wealth management và SME-MME.
 - ✓ Khẳng định sản phẩm mortgages, payroll, VCF, & dịch vụ NH Đầu tư là những dòng sản phẩm thương hiệu HDBank.
 - ✓ Triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới, sáng tạo, đáp ứng hầu hết nhu cầu giao dịch tài chính của khách hàng, góp phần thúc đẩy xã hội không tiền mặt và khẳng định mục tiêu dẫn đầu về số hóa trong ngành ngân hàng.
- **Mục tiêu 4 – Chuyên môn, tập trung hóa hoạt động kinh doanh, kiểm soát rủi ro và vận hành**
 - ✓ Tập trung và tự động hóa phê duyệt tín dụng & công tác kiểm soát.
 - ✓ Outsource các mảng vận hành thẩm định giá, Contact Center.
 - ✓ Hoàn thành dự án Digital Core Banking Thought Machine, Di-HDBank và IBanking, CLOS/RLOS.
 - ✓ Ứng dụng công nghệ để tự động hóa sản phẩm, dịch vụ trên các hệ thống từ nội bộ đến bên ngoài, gia tăng trải nghiệm cho khách hàng.
- **Mục tiêu 5 – DOGE, văn hóa và thương hiệu hàng đầu**
 - ✓ Triển khai văn hóa thực thi, nâng cao kỷ luật nghiêm minh.

- ✓ Xây dựng văn hóa quản trị rủi ro bền vững, tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị để tạo dựng hình ảnh ngân hàng tích cực, xanh hóa và đáng tin cậy.
- ✓ Tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy nhân sự, nâng cao hiệu suất, hiệu năng, hiệu quả. Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực, hoàn thiện khung năng lực & lộ trình nghề nghiệp của chương trình chuyển đổi nền tảng nhân sự xuất sắc.
- ✓ Tái định vị thương hiệu, giá trị cốt lõi, song hành với việc xác định, định vị chiến lược, thương hiệu Vikki Bank (DAB).

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

Tại ngày 31/05/2025, HDBank có 01 cổ đông lớn là tổ chức với thông tin như sau:

Tên cổ đông lớn	Công ty Cổ phần Sovico
Năm thành lập:	2008
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Giấy đăng ký kinh doanh số 0103028102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2008, và các lần thay đổi
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính:	Phòng 1102, Tầng 11, Tòa Nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng)
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại HDBank:	Không có
Số lượng cổ phần của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank:	501.293.232 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 14,2813% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của Người có liên quan của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank:	- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico, Công ty mẹ, sở hữu 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn điều lệ - Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, sở hữu 41.977.968 cổ phần, tương ứng 1,1959% vốn điều lệ - Ông Nguyễn Cảnh Sơn, Người quản lý, sở hữu 1.067.342 cổ phần, tương ứng 0,0304% vốn điều lệ - Ông Chu Việt Cường, Người quản lý, sở hữu 355.779 cổ phần, tương ứng 0,0101% vốn điều lệ - Ông Nguyễn Xuân Đại, Người quản lý, sở hữu 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn điều lệ

Lợi ích liên quan đối với HDBank:	- Hợp đồng, giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa đại diện theo ủy quyền của Cổ đông lớn và người có liên quan của họ với HDBank; Không có - Không có lợi ích mâu thuẫn với HDBank
-----------------------------------	--

Nguồn: HDBank

10. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

10.1. Danh sách thành viên HĐQT

Bảng 35: Danh sách Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Kim Byounggho	Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập
2	(Bà) Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
3	(Ông) Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT
4	(Ông) Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT
5	(Ông) Phạm Quốc Thanh ^(*)	Phó Chủ tịch HĐQT
6	(Ông) Lê Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: HDBank

^(*) Ngày 13/05/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 85/2025/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm Ông Phạm Quốc Thanh giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT của HDBank nhiệm kỳ 2022 – 2027.

10.1.1. (Ông) Kim Byounggho – Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập

- Cập nhật kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – 03/2025	Thành viên HĐQT độc lập	SK Inc. (Hàn Quốc)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
15.085	505	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.2. (Bà) Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 130.753.406 cổ phần, tương ứng 3,7250% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 1.067.342 cổ phần, tương ứng 0,0304% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
3.692	1.262	1.300.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.3. (Ông) Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Cập nhật kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2020 05/2025	Thành viên HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 10.295.235 cổ phần, tương ứng 0,2933% vốn cổ phần

- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
888	479	240.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.4. (Ông) Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 324.000 cổ phần, tương ứng 0,0092% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 106.732 cổ phần, tương ứng 0,0030% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.410	886	270.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có.

10.1.5. (Ông) Phạm Quốc Thanh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Cập nhật kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2025 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2023 – 05/2025	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 8.143.830 cổ phần, tương ứng 0,2320% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 99 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản ^(*)		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
4.334	1.839	1.200.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

^(*) Thù lao cơ bản bao gồm thù lao Thành viên HĐQT và thù lao Tổng Giám đốc.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.6. (Ông) Lê Mạnh Dũng – Thành viên HĐQT độc lập

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.876	774	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có

10.2. Danh sách thành viên BKS

Bảng 36: Danh sách Thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Đào Duy Tường	Trưởng BKS
2	(Bà) Đường Thị Thu	Thành viên BKS
3	(Bà) Bùi Thị Kiều Oanh	Thành viên BKS
4	(Ông) Nguyễn Lê Hiếu	Thành viên BKS

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

10.2.1. (Ông) Đào Duy Tường – Trưởng BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 95.741.985 cổ phần, tương ứng 2,7276% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 5.803.992 cổ phần, tương ứng 0,1653% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
6.011	2.083	75.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.2. (Bà) Đường Thị Thu – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 36.999 cổ phần, tương ứng 0,0011% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.760	633	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.3. (Bà) Bùi Thị Kiều Oanh – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.675	580	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.4. (Ông) Nguyễn Lê Hiếu – Thành viên BKS

- Cập nhật kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 02/2025 – nay	Trưởng Ban kiểm soát	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Viki

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 853,875 cổ phần, tương ứng 0,0243% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.599	601	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có.

10.3. Danh sách Ban TGD, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng**Bảng 37: Danh sách Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng ^(*)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Nguyễn Hữu Đặng ^(**)	Tổng Giám đốc
2	(Ông) Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	(Ông) Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc
4	(Ông) Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
5	(Ông) Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc
6	(Ông) Đàm Thế Thái ^(***)	Phó Tổng Giám đốc
7	(Ông) Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính
8	(Bà) Hồ Đặng Hoàng Quyền	Kế toán trưởng

Nguồn: HDBank

^(*) - Ngày 15/01/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 08/2025/QĐ-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của HDBank đối với Ông Trần Xuân Huy;

- Ngày 02/04/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 58/2025/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm Ông Phạm Quốc Thanh giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc của HDBank kể từ ngày 03/04/2025. Đến ngày 13/05/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 83/2025/QĐ-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc của HDBank đối với Ông Phạm Quốc Thanh;

- Ngày 30/05/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 135/2025/QĐ-HĐQT về việc thôi giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc của HDBank đối với Ông Nguyễn Đăng Thanh kể từ ngày 01/06/2025;

- Ngày 30/05/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 136/2025/QĐ-HĐQT về việc thôi giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc của HDBank đối với Ông Lê Thanh Tùng kể từ ngày 01/06/2025;

- Ngày 06/06/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 142/2025/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc cấp cao của HDBank đối với Ông Nguyễn Cảnh Vinh.

^(**) Ngày 13/05/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 84/2025/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Động giữ chức vụ Tổng Giám đốc của HDBank.

^(***) Ngày 28/05/2025, HĐQT của HDBank đã thông qua Quyết định số 93/2025/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm Ông Đàm Thế Thái giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của HDBank kể từ ngày 01/06/2025.

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

10.3.1. (Ông) Nguyễn Hữu Động – Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ ngành Ngân hàng – Đại học GRIGGS (Hoa Kỳ)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 13/05/2025 – nay	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 02/2025 – 05/2025	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki
Từ 04/2020 – 01/2025	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 12/2010 – 04/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Từ 2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 – 2007	Nhân sự phụ trách kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 12/2023	Tổng Giám đốc	Công ty TNHH GalaxyOne
Từ 1995 – 1999	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng Công thương Long An
Từ 1993 – 1995	Cán bộ chuyên quản các TCTD ngoài quốc doanh	NHNN Tỉnh Đồng Tháp

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.514	Không xác định do không thuộc danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ của HDBank.	200.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.2. (Ông) Nguyễn Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 1.161.067 cổ phần, tương ứng 0,0331% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành

viên Ban TGD được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.621	788	800.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hằng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.3. (Ông) Nguyễn Văn Hào – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 1.120.800 cổ phần, tương ứng 0,0319% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên Ban TGD được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.063	780	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.4. (Ông) Trần Hoài Nam – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 3.623.056 cổ phần, tương ứng 0,1032% vốn cổ phần

- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 8.45 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên Ban TGD được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.371	795	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có.

10.3.5. (Ông) Trần Thái Hòa – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 864.000 cổ phần, tương ứng 0,0246% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của thành viên Ban TGD được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.615	572	720.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.6. (Ông) Đàm Thế Thái – Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Tài chính - Solvay Brussels School - Bỉ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 06/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách NHBL	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2022 – 05/2025	Giám đốc Kinh doanh Ngân hàng số, Giám đốc Kinh doanh Ngân hàng số kiêm Giám đốc Trung Tâm Thẻ, Giám đốc Trung Tâm Thẻ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Tài Chính TNHH HD SAISON
Từ 2012 - 2014	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2011 - 2012	Phó Tổng Giám đốc	VPĐD Công ty Cổ phần Sovico
Từ 2010 - 2011	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 - 2010	Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBank)
Từ 2005 - 2007	Phó Giám đốc ngân hàng (Chi nhánh Tân Bình)	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)
Từ 2003 - 2005	Chuyên viên kinh doanh	Ngân hàng HSBC Việt Nam

- Ông Đàm Thế Thái được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của HDBank từ ngày 01/06/2025 theo Quyết định số 93/2025/QĐ-HĐQT ngày 28/05/2025 của Hội đồng Quản trị HDBank. Do đó, trước thời điểm 01/06/2025, thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, lợi ích liên quan và các khoản nợ của Ông Đàm Thế Thái đối với HDBank chưa được xác định.

10.3.7. (Ông) Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính

- Cập nhật kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 13/05/2025 – nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Viki
Từ 02/2025 – 05/2025	Thành viên Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Viki

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 151.421.759 cổ phần, tương ứng 4,3138% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của Giám đốc Tài chính được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.940	410	800.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.8. (Bà) Hồ Đặng Hoàng Quyên – Kế toán trưởng

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 659.527 cổ phần, tương ứng 0,0188% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 của Kế toán trưởng được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 03 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	03 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.304	989	400.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

11. Chính sách chi trả cổ tức

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025, Lợi nhuận có thể sử dụng để chia cổ tức 2024 là 10.395.752 triệu đồng, nhưng HDBank chưa có kế hoạch cụ thể chia cổ tức. Tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức sẽ được HĐQT trình ĐHĐCĐ bằng văn bản để thông qua kế hoạch chia cổ tức cụ thể vào thời điểm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh của HDBank.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm 31/05/2025, số dư trái phiếu HDBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 61.856 tỷ Đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 10.000 tỷ Đồng
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 51.856 tỷ Đồng

Bảng 39: Thông tin về các trái phiếu đang lưu hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2023 ^(*)	Giá trị tại 31/12/2024 ^(*)	Giá trị tại 31/05/2025 ^(*)
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	19.539	35.644	40.656
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	9.800	16.550	16.550
	Từ 5 năm trở lên	3.500	4.650	4.650
Tổng cộng		32.839	56.844	61.856

^(*) Giá trị trái phiếu được tính theo mệnh giá

Nguồn: HDBank

13.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 40: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	Quý I/2025
1	Chi phí các hợp đồng thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của HDBank	353	103
2	Bất động sản là tài sản HDBank đang sở hữu	1.298	1.298
	a) Nhà cửa (nguyên giá)	570	570
	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	728	728

Nguồn: HDBank

13.3. Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 41: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất)

STT	Chi tiêu	31/12/2024	31/03/2025
1	Bảo lãnh vay vốn	809	809
2	Cam kết giao dịch hối đoái	199.138	298.815
	Cam kết mua ngoại tệ	6.817	1.574
	Cam kết bán ngoại tệ	8.977	3.009
	Cam kết giao dịch hoán đổi	183.344	294.231
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	46.477	50.530
4	Bảo lãnh khác	24.925	23.570
5	Các cam kết khác	12.364	13.009

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

B. Cập nhật thông tin tại Mục V: “KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH” của Bản Cáo Bạch

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Bảng 42: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm	Quý 1/2025
Tổng giá trị tài sản	589.986	684.976	16,10%	698.406
Vốn chủ sở hữu	43.752	53.468	22,21%	57.574
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	47.041	51.954	10,44%	13.456
Thu nhập lãi thuần	17.305	25.409	46,83%	6.006
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.348	516	-61,72%	509
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	704	857	21,73%	210
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	42	69	64,29%	389
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	68	-94,17%	-17
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	-89	408	558,43%	402
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	250	-34,90%	0
Tổng thu nhập hoạt động	20.861	27.577	32,19%	7.499
Chi phí hoạt động	6.834	9.630	40,91%	1.897
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14.026	17.949	27,97%	5.602
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.290	2.254	74,73%	576
Lợi nhuận trước thuế	12.736	15.695	23,23%	5.026
Lợi nhuận sau thuế	10.186	12.457	22,30%	4.088
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	25,50%	25,63%	0,51%	29,45%

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm	Quý I/2025
Tỷ lệ trả cổ tức	30,00%	N/A	N/A	N/A

Nguồn: HDBank

Bảng 43: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm	Quý I/2025
Tổng giá trị tài sản	602.315	697.366	15,78%	711.311
Vốn chủ sở hữu	46.400	56.657	22,11%	61.033
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.641	57.996	10,17%	14.992
Thu nhập lãi thuần	22.184	30.857	39,10%	7.408
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.188	1.417	-35,24%	733
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	565	844	49,38%	188
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	42	69	64,29%	389
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	68	-94,17%	-17
Lãi thuần từ hoạt động khác	259	706	172,59%	479
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	72	700,00%	24
Tổng thu nhập hoạt động	26.414	34.032	28,84%	9.205
Chi phí hoạt động	9.129	11.981	31,24%	2.525
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	17.284	22.051	27,58%	6.680
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.268	5.321	24,67%	1.325
Lợi nhuận trước thuế	13.017	16.730	28,52%	5.355
Lợi nhuận sau thuế	10.336	13.248	28,17%	4.358
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	24,21%	25,71%	6,20%	29,62%
Tỷ lệ trả cổ tức	30,00%	N/A	N/A	N/A

Nguồn: HDBank

Trong Quý I/2025, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 5.355 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 29,62%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành. Tại thời điểm 31/03/2025, tổng tài sản của HDBank đạt 711.311 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ.

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Cơ cấu lãi thuần hợp nhất của HDBank năm 2024 bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, Thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 90,67%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ như: nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ; nghiệp vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm...) giảm 35,24% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 4,16%. Trong Quý I/2025, Thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng 80,48%, còn Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng 7,96%.

Bảng 44: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	17.305	82,95%	25.409	92,14%	46,83%	6.006	80,09%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.348	6,46%	516	1,87%	-61,72%	509	6,79%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	704	3,37%	857	3,11%	21,73%	210	2,80%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	42	0,20%	69	0,25%	64,29%	389	5,19%
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	5,59%	68	0,25%	-94,17%	-17	-0,23%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	1,84%	250	0,91%	-34,90%	0	0,00%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	-89	-0,43%	408	1,48%	558,43%	402	5,36%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	20.861	100,00%	27.577	100,00%	32,19%	7.499	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 45: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	22.184	83,99%	30.857	90,67%	39,10%	7.408	80,48%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.188	8,28%	1.417	4,16%	-35,24%	733	7,96%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	565	2,14%	844	2,48%	49,38%	188	2,04%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	42	0,16%	69	0,20%	64,29%	389	4,23%
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	4,42%	68	0,20%	-94,17%	-17	-0,18%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	0,03%	72	0,21%	700,00%	24	0,26%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	259	0,98%	706	2,07%	172,59%	479	5,20%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	26.414	100,00%	34.032	100,00%	28,84%	9.205	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Bảng 46: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/ giảm	Quý I/2025
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	29.736	26.545	-10,73%	7.450
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	63,21%	51,09%		55,37%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	640	1.875	192,97%	443
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	32,19%	78,42%		46,53%

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/ giảm	Quý I/2025
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	6.834	9.630	40,91%	1.897
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động ^(*)	32,76%	34,92%		25,30%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.290	2.254	74,73%	576
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9,20%	12,56%		10,28%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

^(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động – Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần) (riêng lẻ)

Bảng 47: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/ giảm	Quý I/2025
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	30.457	27.138	-10,90%	7.584
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	57,86%	46,79%		50,59%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	642	1.879	192,68%	444
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	22,68%	57,01%		37,72%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	9.129	11.981	31,24%	2.525
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động ^(*)	34,56%	35,21%		27,43%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.268	5.321	24,67%	1.325
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	24,69%	24,13%		19,84%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

^(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động – Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần) (hợp nhất)

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của HDBank, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm 57,72% chi phí hoạt động trong năm 2024 và 62,18% trong Quý I/2025; chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 9,70% năm

2024 và 11,64% trong Quý I/2025; chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 7,16% trong năm 2024 và 5,27% trong Quý I/2025.

Bảng 48: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nhân viên	3.682	53,88%	5.332	55,37%	44,81%	1.142	60,20%
Chi về tài sản	896	13,11%	1.037	10,77%	15,74%	263	13,86%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	0	0,00%	0	0,00%	N/A	0	0,00%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	452	6,61%	411	4,27%	-9,07%	46	2,42%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	591	8,65%	777	8,07%	31,47%	120	6,33%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	285	4,17%	430	4,47%	50,88%	121	6,38%
Chi phí khác	928	13,58%	1.643	17,06%	77,05%	204	10,75%
Tổng chi phí hoạt động	6.834	100,00%	9.630	100,00%	40,91%	1.897	100,00%

Nguồn: HDBank

Bảng 49: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nhân viên	5.130	56,20%	6.915	57,72%	34,80%	1.570	62,18%
Chi về tài sản	997	10,92%	1.162	9,70%	16,55%	294	11,64%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	598	6,55%	418	3,49%	-30,10%	112	4,44%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	466	5,10%	459	3,83%	-1,50%	52	2,06%

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	603	6,61%	858	7,16%	42,29%	133	5,27%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	285	3,12%	430	3,59%	50,88%	121	4,79%
Chi phí khác	1.050	11,50%	1.739	14,51%	65,62%	242	9,58%
Tổng chi phí hoạt động	9.129	100,00%	11.981	100,00%	31,24%	2.525	100,00%

Nguồn: HDBank

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Những nhân tố thuận lợi

Năm 2025, HDBank có tiềm năng duy trì vị thế là một trong những ngành ngân hàng tăng trưởng tốt nhất tại Việt Nam. Với chiến lược tập trung vào tín dụng xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững, ngân hàng sẽ không chỉ mở rộng thị phần mà còn nâng cao giá trị thương hiệu, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội. HDBank sẽ tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ với sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại và mô hình kinh doanh bền vững.

1.2.2. Những yếu tố bất lợi

Năm 2025, ngành ngân hàng phải đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức. Áp lực từ tỷ giá, lãi suất và sự cạnh tranh khốc liệt đòi hỏi ngành ngân hàng phải linh hoạt ứng phó. Các chuyển biến nhận định, sự đổi mới và quản trị rủi ro hiệu quả sẽ là chìa khóa để ngành ngân hàng vươn xa hơn trên thị trường tài chính quốc tế.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2025, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại, xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong. Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng,... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2024, nhiều tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2025. Với sự ổn định trong chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, và cam kết phát triển bền vững, Việt Nam có tiềm năng duy trì vị thế là điểm sáng tăng trưởng tại khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền

tăng đã đạt được trong năm 2024, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng TOP đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Bảng 50: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I	Nợ phải thu	56.795	55.128	54.648
1	Các khoản phải thu	48.734	48.166	46.725
2	Các khoản lãi, phí phải thu	6.350	5.271	6.298
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	77	156	105
4	Tài sản có khác	1.680	1.582	1.567
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-47	-47	-47
II	Nợ phải trả	17.967	18.271	18.588
1	Các khoản lãi, phí phải trả	10.117	7.869	10.055
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	7.850	10.402	8.533

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 51: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I	Nợ phải thu	57.809	56.044	55.510
1	Các khoản phải thu	48.943	48.316	46.900

STT	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
2	Các khoản lãi, phí phải thu	6.602	5.384	6.320
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	77	156	105
4	Tài sản có khác	2.233	2.235	2.231
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-47	-47	-47
II	Nợ phải trả	19.274	19.571	19.891
1	Các khoản lãi, phí phải trả	10.346	8.013	10.170
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	8.927	11.558	9.721

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Thông tin chi tiết tại Mục 7.3 Phần A của Bản Thông Tin Cập Nhật Bản Cáo Bạch này.

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 53: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/03/2025
		Số phải nộp	Số đã nộp		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.769	3.317	-4.233	853	886	-853	886
Thuế giá trị gia tăng	64	725	-731	58	109	-107	60
Thuế thu nhập cá nhân	20	576	-523	73	145	-178	41
Thuế nhà thầu	17	115	-116	16	15	-27	4
Khác	0	79	-71	9	0	-9	0
Tổng cộng	1.870	4.813	-5.673	1.009	1.156	-1.174	991

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2025 của HDBank

Bảng 54: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/03/2025
		Số phải nộp	Số đã nộp		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.821	3.562	-4.467	916	946	-928	934
Thuế giá trị gia tăng	71	790	-800	60	125	-121	64
Thuế thu nhập cá nhân	21	618	-565	74	160	-190	44
Thuế nhà thầu	17	117	-118	16	16	-27	6
Khác	0	79	-71	9	0	-9	0
Tổng cộng	1.929	5.167	-6.021	1.075	1.248	-1.274	1.048

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2025 của HDBank

2.1.4. Trích lập các quỹ**Bảng 55: Tình hình trích lập các quỹ**

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2023	Năm 2024
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	509	1.246
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.019	1.246
3	Quỹ phúc lợi	10	20
4	Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	25	25
5	Trích quỹ công ty con (phần thuộc sở hữu của cổ đông HDBank)	38	92
Tổng cộng		1.601	2.628

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và năm 2025 của HDBank

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2025, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại, xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ,

thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng.... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2024, nhiều tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2025. Với sự ổn định trong chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, và cam kết phát triển bền vững, Việt Nam có tiềm năng duy trì vị thế là điểm sáng tăng trưởng tại khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2024, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng Top đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 56: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	29.076	35.101	35.101
Vốn tự có	tỷ Đồng	57.895	82.053	86.656
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) ^(*)	%	12,21%	13,61%	13,81%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (theo TT31/2024)	%	6,56%	4,72%	5,50%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (theo TT31/2024)	%	1,51%	1,28%	1,60%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	57,47%	62,13%	62,57%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	86,84%	88,48%	89,11%
3. Khả năng thanh khoản				
Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,87%	17,98%	17,65%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	24,08%	17,20%	19,94%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	66,16%	68,48%	68,84%

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,89%	32,29%	36,21%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,56%	2,46%	2,91%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	4,12%	4,71%	3,97%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,05%	1,95%	2,36%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	25,50%	25,63%	29,45%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) ^(**)	Đồng	3.521	3.564	1.170
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	6,46%	1,87%	6,78%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	10,58%	3,29%	10,12%

Nguồn: HDBank

Bảng 57: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	29.076	35.101	35.101
Vốn tự có	tỷ Đồng	61.900	87.255	92.760
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) ^(*)	%	12,57%	14,03%	14,32%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (theo TT31/2024)	%	7,04%	5,07%	5,85%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (theo TT31/2024)	%	1,79%	1,48%	1,79%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	58,41%	62,91%	63,35%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	87,21%	88,82%	89,45%
3. Khả năng thanh khoản				
Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,24%	17,67%	17,35%

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	24,95%	18,15%	20,61%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	68,69%	70,95%	71,04%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	30,49%	32,47%	36,40%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,56%	2,57%	3,04%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	5,13%	5,58%	4,79%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,03%	2,04%	2,47%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,21%	25,71%	29,62%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) ^(**)	Đồng	3.482	3.671	1.212
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	8,28%	4,16%	7,97%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	16,81%	8,47%	13,69%

Nguồn: HDBank

Lưu ý:

^(*) Tỷ lệ an toàn vốn CAR riêng lẻ và hợp nhất áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 22/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41.

^(**) Theo số liệu BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của HDBank.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 của HDBank. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại BCTC năm 2024 của HDBank là ý kiến chấp thuận toàn phần, cụ thể như sau:

• **BCTC năm 2024 kiểm toán**

Ý kiến của kiểm toán về BCTC riêng: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

Ý kiến của kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành

- Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Công ty Cổ phần FiiRatings (Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm số 02/GCN-DVXHTN do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 20/03/2020) (“FiiRatings”)
- Thời điểm xếp hạng tín nhiệm: ngày 29/03/2025
- Kết quả xếp hạng: HDBank được thông báo cập nhật kết quả Xếp hạng Tín nhiệm Tổ chức phát hành ở mức điểm “A” với triển vọng xếp hạng “Thuận lợi”
- Nguồn thông tin: Website của FiiRatings

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1. Chỉ tiêu

Bảng 58: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2024
Thu nhập lãi thuần ^(*)	37.333	21%
Lợi nhuận sau thuế	17.035	29%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần ^(*)	46%	6%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	26,2%	2%
Tỷ lệ chi trả cổ tức ^(**)	N/A	N/A

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 của HDBank

^(*) Là Thu nhập lãi thuần, số liệu cơ sở để HDBank tính toán các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tổng Giám đốc HDBank do HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

^(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025, Lợi nhuận có thể sử dụng để chia cổ tức 2024 là 10.395.752 triệu đồng, nhưng HDBank chưa có kế hoạch cụ thể chia cổ tức. Tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức sẽ được HĐQT trình ĐHĐCĐ bằng vốn bán để thông qua kế hoạch chia cổ tức cụ thể vào thời điểm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh của HDBank.

C. Cập nhật thông tin tại Mục VI: “THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN” của Bản Cáo Bạch

- Cập nhật nội dung “Thời gian dự kiến chào bán” đối với Đợt Chào Bán 2 tại Mục VI.6, VI.7 và VI.21 của Bản Cáo Bạch là “Quý III/2025 – Quý IV/2025”.
- Cập nhật nội dung “Lãi suất Trái Phiếu” đối với Đợt Chào Bán 2 tại Mục VI.9 của Bản Cáo Bạch như sau:

Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Lãi suất Trái Phiếu
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 (Bảy) năm	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,90%/năm (Một phẩy chín phần trăm một năm)
	HDBC8Y253302	08 (Tám) năm	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,0%/năm (Hai phần trăm một năm)

D. Cập nhật thông tin tại Mục VIII: “KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN” của Bản Cáo Bạch

- Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán

Phương án sử dụng vốn của Đợt Chào Bán 2:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2025	Quý IV/2025	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
3	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		2.500	2.500	5.000

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

E. Tài liệu đính kèm Bản Thông Tin Cập Nhật Bản Cáo Bạch

- Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng;
- Nghị quyết số 149/2025/NQ-HĐQT ngày 27/06/2025 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phương án phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng liên quan đến Đợt Chào Bán 2;
- Quyết định số 3434/2025/QĐ-TGD ngày 27/06/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh v/v triển khai chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng – Đợt Chào Bán 2;
- Quyết định số 88/QĐ-TTGSNH2 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 21/02/2025;
- Điều lệ được thông qua ngày 24/04/2025 của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của HDBank (kèm Giấy ủy quyền ký Báo cáo tài chính của Công ty TNHH PwC (Việt Nam));
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2025 của HDBank (kèm Quyết định số 846/2020/QĐ-TGD ngày 24/04/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v ủy quyền cho Ông Phạm Văn Đẩu – Giám đốc Tài chính).

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Kim Byoung Ho



Nguyễn Hữu Đặng

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Phạm Văn Đẩu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI



Nguyễn Thị Thanh Hà

NGHỊ QUYẾT

V/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ("**HDBank**");
- Căn cứ Tờ trình số 21/2024/TT-TGD-ALM ngày 22/10/2024 của Tổng Giám đốc HDBank về việc phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu bầu quyết bằng văn bản của các Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 24/10/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng ("**Trái Phiếu**") với tổng mệnh giá tối đa 10.000.000.000.000 đồng (Mười nghìn tỷ đồng).

Điều 2. Phê duyệt các nội dung liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu, bao gồm:

- 2.1. Phương án phát hành Trái Phiếu theo Phụ lục I đính kèm Nghị quyết này ("**Phương Án Phát Hành**");
- 2.2. Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu theo Phụ lục II đính kèm Nghị quyết này ("**Phương Án Sử Dụng Vốn**");
- 2.3. Thực hiện đăng ký tập trung Trái Phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("**VSDC**") và đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**") sau khi hoàn tất đợt chào bán Trái Phiếu ("**Đăng Ký Và Niêm Yết**").

Điều 3. Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc liên quan, bao gồm:

- 3.1. Căn cứ tình hình cụ thể, xem xét và quyết định tổ chức thực hiện, triển khai các vấn đề liên quan tới việc phát hành, chào bán Trái Phiếu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:
 - a. Quyết định thời điểm chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
 - b. Tổ chức thực hiện Phương Án Phát Hành và Phương Án Sử Dụng Vốn;
 - c. Xem xét, quyết định nội dung cụ thể của các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**");
 - d. Đàm phán, xem xét, quyết định nội dung, ký kết và triển khai thực hiện các thỏa thuận, hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc chào bán, phát hành Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán, đại lý phát hành Trái Phiếu, tư vấn đăng ký lưu ký, tư vấn niêm yết; Hợp đồng dịch vụ đăng ký và lưu ký Trái Phiếu trước khi niêm yết; Hợp đồng/thỏa thuận đặt mua Trái Phiếu được ký kết với mỗi bên mua Trái Phiếu (nếu có); các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu (sau đây gọi chung là "**Tài Liệu Giao Dịch**") và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Tài Liệu Giao Dịch này;
 - e. Quyết định việc sửa đổi và điều chỉnh Phương Án Phát Hành, Phương Án Sử Dụng Vốn và các Tài Liệu Giao Dịch (nếu có) trong phạm vi thẩm quyền phê duyệt, theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
 - f. Quyết định việc bổ sung, sửa đổi và điều chỉnh nội dung Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu (bao gồm nội dung Các Điều Kiện Trái Phiếu) và các hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
 - g. Quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn;
 - h. Quyết định các chi phí có liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu theo đúng quy định của HDBank; và
 - i. Quyết định các vấn đề khác liên quan đến Trái Phiếu (nếu có) nhằm thực hiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và HDBank.
- 3.2. Căn cứ tình hình cụ thể, xem xét và quyết định tổ chức, triển khai thực hiện các công việc liên quan tới việc Đăng Ký Và Niêm Yết; thay đổi và/hoặc hủy Đăng Ký Và Niêm Yết theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:
 - a. Quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b. Làm việc và giải trình với các cơ quan chức năng và các đơn vị có liên quan về hồ sơ Đăng Ký Và Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết; và
 - c. Quyết định và thực hiện các công việc cần thiết khác (nếu có) nhằm thực hiện thành công việc Đăng Ký Và Niêm Yết tại VSDC và HNX.

- 3.3. Quyết định và thực hiện các công việc phát sinh trong thời hạn lưu hành Trái Phiếu phù hợp với quy định pháp luật và quy định của HDBank để hoàn tất (i) việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng; (ii) việc phát hành, chào bán, phân phối và chuyển giao Trái Phiếu; (iii) việc Đăng Ký Và Niêm Yết; và (iv) việc công bố thông tin và báo cáo liên quan đến Trái Phiếu.
- 3.4. Được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc được giao, và chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị về kết quả thực hiện khi kết thúc chào bán từng đợt chào bán Trái Phiếu và sau khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan tới các Trái Phiếu.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các Khối/Phòng/Ban/Đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- BKS, KTNB;
- Như Điều 4;
- Website HDBank – Nhà Đầu tư;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




KIM BYOUNGHO

PHỤ LỤC I

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU HDBANK RA CÔNG CHÚNG

*(Đính kèm Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 của Hội đồng Quản trị)
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh)*

Phương án phát hành trái phiếu này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán ra công chúng các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành, với tổng mệnh giá tối đa 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng) ("**Trái Phiếu**"). Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu và nội dung chính của việc chào bán Trái Phiếu. Các điều kiện, điều khoản cụ thể của Trái Phiếu và nội dung khác của việc chào bán Trái Phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") và các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu khác được ký kết bởi hoặc nhân danh Tổ Chức Phát Hành nhằm mục đích chào bán Trái Phiếu.

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức phát hành: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**").
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 62 915 916 Fax: (028) 62 915 900
- Website: www.hdbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 29.276.321.320.000 đồng (Hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi sáu tỷ, ba trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).
- Mã cổ phiếu: HDB
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023.
- Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp thay đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay đổi ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Thanh – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã ngành: 6419).

Sản phẩm/dịch vụ chính:

- Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
- Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

3.1. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán Trái Phiếu và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		06 tháng 2024	
	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ
Vốn tự có	46.666	42.436	61.900	57.895	73.187	68.080
Tổng tài sản	416.273	404.276	602.315	589.986	624.443	612.765
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	33.323	28.274	52.641	47.041	28.624	25.638
Dự phòng rủi ro	3.068	698	4.268	1.290	2.396	888
Lợi nhuận trước thuế	10.268	9.475	13.017	12.736	8.165	7.564
Lợi nhuận sau thuế	8.209	7.649	10.336	10.186	6.465	5.984
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	23,53%	23,75%	24,21%	25,50%	26,06%	25,62%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)	81,10%	76,56%	68,69%	66,16%	75,06%	72,56%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	13,42%	12,80%	12,57%	12,21%	13,94%	13,40%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1,67%	1,30%	1,79%	1,51%	2,10%	1,85%

Nguồn: Báo cáo tài chính (BCTC) riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

3.2. Tình hình thanh toán gốc, lãi đối với các trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán Trái Phiếu và đến thời điểm hiện tại

HDBank đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền gốc, tiền lãi đối với các trái phiếu đã phát hành đồng thời không phát sinh tranh chấp, kiện tụng đối với các trái phiếu do HDBank phát hành trong năm 2021, 2022, 2023 và tính đến thời điểm hiện tại.

3.3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn

HDBank cam kết không có bất kỳ khoản nợ phải trả nào quá hạn trên 01 (Một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

3.4. Ý kiến kiểm toán đối với các Báo cáo tài chính

Trong năm 2022 và 2023, đơn vị kiểm toán cho HDBank là Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của HDBank đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại các ngày 31/12/2022 và 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank.

III. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CỦA TRÁI PHIẾU

- 1. Tổ Chức Phát Hành:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2. Tên Trái Phiếu:** Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng.
- 3. Loại Trái Phiếu:** Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 4. Đồng tiền phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam (VND).
- 5. Mệnh giá:** 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
- 6. Giá chào bán:** bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, tương đương 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
- 7. Hình thức Trái Phiếu:** Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu (nếu có yêu cầu) hoặc hình thức khắc trong trường hợp pháp luật hiện hành hoặc các quy chế có liên quan của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC"), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") và các cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu.

- 8. Đối tượng mua Trái Phiếu:** Đối tượng mua Trái Phiếu là các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- 9. Phương thức phát hành:** Phát hành ra công chúng, theo phương thức (i) bán trực tiếp cho các nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của HDBank và/hoặc (ii) thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.
- 10. Địa điểm phát hành:** Tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của HDBank và/hoặc Đại lý phát hành.
- 11. Kỳ hạn trái phiếu:** 07 năm và 08 năm.
- Trái Phiếu có kỳ hạn 07 năm sau đây gọi tắt là “**Trái Phiếu 07 Năm**”.
- Trái Phiếu có kỳ hạn 08 năm sau đây gọi tắt là “**Trái Phiếu 08 Năm**”.
- 12. Ngày phát hành dự kiến:** Toàn bộ số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán được chia làm 02 (Hai) Đợt chào bán sau khi HDBank được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.
- Ngày phát hành Trái Phiếu là ngày kết thúc Đợt chào bán tương ứng đối với Trái Phiếu đó (“**Ngày Phát Hành**”).
- 13. Ngày đáo hạn:**
- Với Trái Phiếu 07 Năm: là ngày tròn 07 năm kể từ Ngày Phát Hành.
- Với Trái Phiếu 08 Năm: là ngày tròn 08 năm kể từ Ngày Phát Hành.
- 14. Ngày thực hiện quyền mua lại:**
- Với Trái Phiếu 07 Năm: là ngày tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành.
- Với Trái Phiếu 08 Năm: là ngày tròn 03 năm kể từ Ngày Phát Hành.
- 15. Số lượng trái phiếu chào bán:** Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán (theo mệnh giá) là 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng), được chia làm 02 (Hai) Đợt chào bán như sau:

STT	Đợt chào bán	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán (Trái Phiếu)	Giá trị Trái Phiếu đăng ký chào bán theo mệnh giá (VND)
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	07 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
		HDBC8Y253301	08 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	07 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
		HDBC8Y253302	08 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
Tổng cộng				100.000.000	10.000.000.000.000

16. Thời điểm phát hành: Trong Quý I/2025 – Quý III/2025, sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Thời điểm phát hành cụ thể sẽ do Tổng Giám đốc hoặc Người được Tổng Giám đốc ủy quyền hợp lệ của HDBank quyết định.

17. Thời gian phân phối: Dự kiến tối thiểu 20 (Hai mươi) ngày, tối đa 90 (Chín mươi) ngày theo quy định của pháp luật (chưa tính trường hợp gia hạn thời gian phân phối theo quy định, nếu cần). Trái Phiếu dự kiến được phân phối làm 02 (Hai) Đợt chào bán. Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1. Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán thì số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết sẽ chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

STT	Đợt chào bán	Mã Trái Phiếu	Thời gian dự kiến chào bán
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y253201	Quý I/2025 – Quý II/2025
		HDBC8Y253301	
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	Quý II/2025 – Quý III/2025
		HDBC8Y253302	

18. Lãi suất dự kiến:

Lãi suất Trái Phiếu (“Lãi Suất”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ

Trong đó:

- “**Biên Độ**” tùy theo kỳ hạn của Trái Phiếu:

Với Trái Phiếu 07 Năm: Biên Độ là 2,70%/năm (Hai phẩy bảy phần trăm một năm).

Với Trái Phiếu 08 Năm: Biên Độ là 2,90%/năm (Hai phẩy chín phần trăm một năm).

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**” dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của 04 (bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy.
- “**Kỳ Tính Lãi**” là khoảng thời gian định kỳ 01 (Một) năm/lần kể từ Ngày phát hành Trái Phiếu.

- “Ngày Xác Định Lãi Suất” (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt chào bán; hoặc (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là ngày làm việc thứ 07 (Bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.

19. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

- Tiền gốc Trái Phiếu: Thanh toán 01 (Một) lần vào Ngày đáo hạn, hoặc Ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu (nếu có), hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- Tiền lãi Trái Phiếu: Thanh toán sau, trả định kỳ 01 (Một) năm/lần vào các ngày tròn năm kể từ Ngày phát hành.
- Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

20. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu:

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trái Phiếu phát hành trong cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Trong mọi trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng thanh toán và/hoặc chấm dứt hoạt động, Trái Phiếu có thứ tự thanh toán sau các nghĩa vụ và khoản nợ của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành.

21. Mua lại trái phiếu trước hạn:**a. Mua lại Trái Phiếu vào Ngày thực hiện quyền mua lại:**

Tổ Chức Phát Hành có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày thực hiện quyền mua lại trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành. Giá mua lại mỗi Trái Phiếu sẽ bằng mệnh giá. Trong trường hợp này, người sở hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu mà mình đang nắm giữ cho Tổ Chức Phát Hành.

b. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận:

Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ người sở hữu Trái Phiếu nào theo bất kỳ giá nào, vào bất kỳ lúc nào và bằng bất kỳ phương thức nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành. Mỗi người sở hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua các Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả những người sở hữu Trái Phiếu.

c. Mua lại Trái Phiếu bắt buộc khi xảy ra Sự kiện vi phạm:

Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại bắt buộc toàn bộ Trái Phiếu theo yêu cầu của người sở hữu Trái Phiếu khi xảy ra bất kỳ Sự kiện vi phạm nào, chi tiết được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

Để làm rõ, trong tất cả các trường hợp mua lại Trái Phiếu trước hạn tại Mục 21 này, Tổ Chức Phát Hành chỉ được mua lại Trái Phiếu trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện vẫn đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành. Chi tiết các điều khoản về mua lại Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

22. Quyền liên quan đến Trái Phiếu:

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành, dù điều kiện được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành;
- Trong trường hợp HDBank bị phá sản, giải thể, người sở hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi HDBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác;
- HDBank được ngừng trả lãi khi đến hạn thanh toán lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của HDBank bị lỗ;
- Trong thời hạn Trái Phiếu, người sở hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với HDBank hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác;
- Các quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

23. Quyền của Người sở hữu Trái Phiếu:

- Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
- Được dùng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Được tham dự, lấy ý kiến và biểu quyết tại Hội nghị người sở hữu Trái Phiếu về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu;
- Các quyền khác của người sở hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

24. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

25. Đại lý phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

26. Đại lý đăng ký, lưu ký ban đầu: Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

- 27. Đăng ký và Niêm yết:** Toàn bộ Trái Phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký tập trung tại VSDC và đăng ký niêm yết tại HNX theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 28. Các điều kiện, cam kết khác liên quan đến Trái Phiếu:** được quy định cụ thể tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và do Tổng Giám đốc hoặc Người được Tổng Giám đốc ủy quyền hợp lệ của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
- 29. Sửa đổi, bổ sung:** Việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này (ngoại trừ nội dung về loại Trái Phiếu chào bán, số lượng Trái Phiếu từng loại chào bán, lãi suất và kỳ hạn Trái Phiếu) sẽ được thực hiện theo quyết định của Tổng Giám đốc hoặc Người được Tổng Giám đốc ủy quyền hợp lệ của Tổ Chức Phát Hành.
- 30. Luật điều chỉnh:** Luật Việt Nam.

PHỤ LỤC II

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU HDBANK PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG

(Đính kèm Nghị quyết số 413/2024/NQ-HDQT ngày 24/10/2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh)

I. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

1. Phương án sử dụng vốn Đợt Chào Bán 1:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý I/2025	Quý II/2025	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		2.500	2.500	5.000

2. Phương án sử dụng vốn Đợt Chào Bán 2:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý II/2025	Quý III/2025	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
3	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		2.500	2.500	5.000

Hội đồng Quản trị giao cho Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế của từng Đợt chào bán đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào kết quả chào bán Trái Phiếu của từng Đợt tương ứng. Kế hoạch giải ngân thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của HDBank.

II. Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu

1. Nguồn trả nợ:

- Thanh toán lãi và gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho các người sở hữu Trái Phiếu, ngoại trừ trường hợp việc thanh toán lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ thì Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu sẽ đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lãi, gốc Trái Phiếu cho các người sở hữu Trái Phiếu trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thu nợ (*)	Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
2	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
3	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
4	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
5	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
6	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
7	10,00%	10.000	1.000	5.000	6.000	5.000
8	10,00%	5.000	500	5.000	5.500	0
TỔNG			7.500	10.000	17.500	

(*) Bảo cáo theo kỳ tròn 01 (Một) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, quy định và chính sách cho vay của HDBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành Trái Phiếu, chi phí hoạt động khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bổ, ...)) + biên độ tối thiểu 2,00%/năm.

- Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho các nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán đầy đủ lãi, gốc Trái Phiếu hoặc mua lại Trái Phiếu trước hạn.

2. Kế hoạch trả nợ:

Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ đi các chi phí vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch trả nợ dự kiến của Tổ Chức Phát Hành cho mỗi Đợt chào bán trong trường hợp không phát sinh mua lại Trái Phiếu trước hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thanh toán (*)	Lãi suất Trái Phiếu dự kiến (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
2	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
3	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
4	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
5	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
6	7,475%	10.000	747,5	-	747,5	10.000
7	7,475%	10.000	747,5	5.000	5.747,5	5.000
8	7,475%	5.000	373,75	5.000	5.373,75	0
TỔNG			5.606,25	10.000	15.606,25	

(*) Kỳ thanh toán tròn 01 (Một) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**): Lãi suất Trái Phiếu được giả định giữ nguyên trong quá trình Trái Phiếu lưu hành, tham chiếu lãi suất của các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 22/10/2024 + biên độ 2,8%/năm.

HDBank

Cam kết lợi ích cao nhất

Số: 149/2025/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phương án phát hành Trái phiếu HDBank
phát hành ra công chúng liên quan đến Đợt Chào Bán 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ("**HDBank**");
- Căn cứ Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng ("**Nghị Quyết 413**");
- Căn cứ Tờ trình số 14/2025/TT-TGD ngày 24/06/2025 v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phương án phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng liên quan đến Đợt Chào Bán 2;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết bằng văn bản của các Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 27/06/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 liên quan đến Phương án phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng đối với Đợt Chào Bán 2, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh nội dung "**Thời gian dự kiến chào bán**" đối với Đợt Chào Bán 2 (tại Khoản 17, Mục III, Phụ lục I của Nghị Quyết 413) như sau:

Đợt Chào Bán	Mã Trái Phiếu	Thời gian dự kiến chào bán
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y253202	Quý III/2025 – Quý IV/2025
	HDBC8Y253302	



2. Điều chỉnh nội dung “**Biên Độ**” của Lãi Suất Trái Phiếu đối với Đợt Chào Bán 2 (tại Khoản 18, Mục III, Phụ lục I của Nghị Quyết 413) như sau:

- Với Trái Phiếu 07 năm: Biên Độ tối đa **2,7%/năm** (Hai phẩy bảy phần trăm một năm)
- Với Trái Phiếu 08 năm: Biên Độ tối đa **2,9%/năm** (Hai phẩy chín phần trăm một năm)

Giao Tổng Giám đốc căn cứ tình hình thị trường tại thời điểm triển khai Đợt Chào Bán 2, quyết định cụ thể nội dung “**Biên Độ**” của Lãi Suất Trái Phiếu đối với Đợt Chào Bán 2 theo đúng nội dung được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024.

Các nội dung khác của Nghị quyết số 413/2024/NQ-HĐQT ngày 24/10/2024 không bị sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thực hiện.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các Khối/ Phòng/ Ban/ Đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- BKS, KTNB;
- Như Điều 2;
- Website HDBank – Nhà Đầu tư;
- Lưu VPLD.



KIM BYOUNGHO

